



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
HOẠT ĐỘNG
SỞ HỮU TRÍ TUỆ
2020
INTELLECTUAL PROPERTY ACTIVITIES
ANNUAL REPORT

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng Biên tập: Lê Thanh Hà

Biên tập: Chu Quang Khánh

Bìa & Trình bày: Vương Toàn Hoàng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2020

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: 024 62631704

Website: nxbthanhnien.vn; Email: info@nxbthanhnien.vn

Chi nhánh: 145 Pasteur, P.6, Q3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 39106963.

In 300 cuốn, khổ 21 x 29,5 cm, tại Công ty TNHH TM&DV HOÀNG BẢO CHÂU.
Số xác nhận XB: 1123-2021/CXBIPH/23-39/TN, theo QĐXB số 635/QĐ-NXBTN.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**HOẠT ĐỘNG
SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2020**

INTELLECTUAL PROPERTY ACTIVITIES ANNUAL REPORT



Lời nói đầu

Năm 2020 chứng kiến những biến động phức tạp do dịch bệnh Covid-19 gây ra trên thế giới và ở Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm mạnh, trong khi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt 2,91%. Dịch bệnh Covid-19 cũng đã ảnh hưởng mạnh đến hoạt động sở hữu trí tuệ (SHTT) trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Mặc dù vậy, Cục SHTT đã nỗ lực thúc đẩy hoạt động trên tất cả các mặt công tác và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, đóng góp quan trọng vào sự phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước.

Là năm đầu tiên triển khai Chiến lược SHTT đến năm 2030, Cục SHTT đã xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký Quyết định số 508/QĐ-BKHCN ngày 24/3/2020 ban hành Kế hoạch của Bộ KH&CN về việc thực hiện Chiến lược SHTT đến năm 2030, cũng như hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai Chiến lược. Việc triển khai Chiến lược được thực hiện dưới hình thức ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược hoặc lồng ghép trong các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan.

Dù ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, trong năm 2020 các hoạt động hội nhập và hợp tác quốc tế về SHTT vẫn được triển khai một cách chủ động và tích cực, góp phần quan trọng vào việc duy trì các hoạt động hợp tác quốc tế về đàm phán thành công các hiệp định quốc tế, bao gồm Hiệp định RCEP và Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA). Đặc biệt, triển khai nhiệm vụ của năm Chủ tịch ASEAN 2020, Cục đã chủ trì tổ chức 03 phiên họp trực tuyến của Nhóm công tác về SHTT của ASEAN (AWGIPC) và đảm nhiệm thành công nhiệm vụ Chủ tịch AWGIPC nhiệm kỳ 2019-2021.

Năm 2020, Cục SHTT đã tiếp nhận 76.720 đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp (SHCN), xử lý 71.829 đơn và cấp 48.072 Văn bằng bảo hộ (tăng lần lượt là 1,3%; 10,5% và 18,1% so với năm 2019). Kết quả này thể hiện sự cố gắng, nỗ lực của Cục SHTT trong hoạt động xác lập quyền SHTT, cơ bản đáp ứng nhu cầu bảo hộ tài sản trí tuệ của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp, góp phần bảo đảm môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh tại Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh phải chống chọi với dịch bệnh Covid-19.

Công tác phát triển tài sản trí tuệ được Cục SHTT đặc biệt quan tâm, thúc đẩy thông qua việc góp ý các Văn kiện

của Đảng, Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND các tỉnh/thành phố về sử dụng tài sản trí tuệ phục vụ phát triển KT-XH địa phương. Tính đến năm 2020, có 42 tỉnh/thành phố đã ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; 1.148 sản phẩm OCOP (Chương trình mỗi xã phường một sản phẩm) được hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ; hàng nghìn lớp tập huấn, đào tạo và chương trình truyền thông về SHTT được thực hiện.

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV và là năm đầu tiên thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, bên cạnh việc thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên, Cục SHTT sẽ tập trung triển khai một số công việc trọng tâm bao gồm: Xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật SHTT để trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến vào tháng 10/2021; tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả Chiến lược SHTT đến năm 2030 và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; tích cực, chủ động tham gia các hoạt động hội nhập và hợp tác quốc tế; hoàn thiện, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức của Cục SHTT giai đoạn 2021-2025 và tổ chức triển khai Đề án sau khi được phê duyệt; triển khai thành công các dự án công nghệ thông tin và các dự án xây dựng, sửa chữa trụ sở Cục để tăng cường trang thiết bị và cơ sở vật chất để đáp ứng yêu cầu công việc của Cục; đẩy mạnh xây dựng Mạng lưới các trung tâm SHTT (IP-Hub) tại các trường đại học, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; triển khai các dịch vụ SHTT để chuyển hóa quyền SHTT của doanh nghiệp, tổ chức thành tài sản quan trọng, đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế.

Để thực hiện thành công các nhiệm vụ nêu trên, đòi hỏi sự đoàn kết, nỗ lực của tập thể Lãnh đạo, cán bộ, công chức và người lao động của Cục SHTT nhằm phát huy vai trò hạt nhân của Cục trong toàn hệ thống SHTT của Việt Nam, góp phần thúc đẩy sự phát triển hoạt động khoa học và công nghệ nói riêng và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung./

ĐINH HỮU PHÍ
CỤC TRƯỞNG CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ



Foreword

The year 2020 has witnessed changes caused by the Covid-19 pandemic around the world and in Viet Nam. The global economic growth declined sharply, while Vietnam's economic growth reached 2.91%. The Covid-19 pandemic also made a strong influence on intellectual property activities around the world and in Vietnam. In that context, the Intellectual Property Office of Viet Nam (IP Viet Nam) has made strong efforts to strengthen its activities on all aspects and achieved encouraging results, making an important contribution to the development of science, technology, the economy and the society of the country.

As of the first year to carry out the National IP Strategy, IP Viet Nam formulated and submitted to the Minister of Science and Technology to sign Decision No. 508/QĐ-BKHCN on March 24, 2020 issuing its Implementation Plan for the National IP Strategy, as well as guided ministries and localities to implement the Strategy. The national IP strategy will either has its own Implementing plan or its activities will be embedded in other policies, program, development plan of relevant fields.

Although heavily affected by the Covid-19 epidemic, integration and international cooperation activities in intellectual property rights in 2020 were still proactively and actively implemented, making important contributions to maintain cooperative activities for successful negotiations of international agreements, including the Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP) Agreement and the FTA between Viet Nam and the United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland (UKVFTA). In particular, to carry out the tasks of the Viet Nam's 2020 ASEAN Chairmanship, IP Viet Nam successfully hosted 03 online meetings of the ASEAN Intellectual Property Working Group (AWGIPC) and assumed of the AWGIPC's Chair in the period of 2019-2021.

In 2020, IP Viet Nam received 76.072 applications for establishment of IP rights, handled 71.829 applications and issued 48.072 registrations (increased by 1,3%, 10,5% and 18,1% over 2019, respectively). This showed strong efforts by the Office in establishing IP rights, adequately meeting the needs for protecting IP rights of individuals and businesses and ensuring a healthy environment for investments and businesses in Viet Nam, especially in the context of the Covid-19 pandemic.

IP asset development was also a key area where IP Viet Nam dedicated a lot of attention and support through, providing opinions on documents of the Party, resolutions of the People's Councils and decisions of the People's Committees of provinces on the use of IP for local socio-economic development. By 2020, 42 provinces had issued their Programme of IP Asset Development; 1,148 OCOP (One Commune One Product) products have been supported in regard of IP rights; thousands of training courses and communication programs on IP have been carried out; ect.

The year 2021 is of particular importance because of the taking place of the XIII National Congress of the Party, the election of the XV National Assembly and the first year to implement the Socio-Economic Development Strategy for the period of 2021- 2030 and the Socio-Economic Development Plan for the period of 2021-2025. Not only determine to well fulfill regular tasks, IP Viet Nam will also focus on implementing a number of key projects, including: drafting the Law of amending the current IP Law to submit for review by the XV National Assembly in October 2021; continuing an effective implementation of the National Intellectual Property Strategy and the National Program of IP Asset Development to 2030; actively and proactively participating in international IP integration and cooperation; completing a Scheme to reform the organizational structure of IP Viet Nam in the period of 2021-2025 to submit for approval by the Minister of Science and Technology and implementing the Scheme once it is approved; effectively carrying out projects to upgrade the IT system, construct and repair the headquarters of the Office to provide better equipment and facilities to its staff; expanding the network of technology transfer centres (IP Hub) at universities, research institutes and enterprises, and promoting services to transform IP rights into important assets for economic development.

To successfully carry out the above tasks, there is a need for solidarity and dedication from all members of IP Viet Nam including the leaders, cadres, civil servants and employees, thereby strongly supporting the crucial role of the Office in the intellectual property system of Viet Nam, contributing to support the development of scientific and technological activities and serving the cause of socio-economic development of the country./

DINH HUU PHI
DIRECTOR GENERAL



MỤC LỤC / CONTENTS

TRANG

LỜI NÓI ĐẦU FOREWORD	4
CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ INTELLECTUAL PROPERTY LEGISLATION AND POLICIES	7
HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ INTERNATIONAL COOPERATION ON INTELLECTUAL PROPERTY	14
• CÔNG TÁC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP REGISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS	20
• CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ / GIẢI PHÁP HỮU ÍCH HANDLING OF APPLICATIONS FOR PATENT/UTILITY SOLUTION	24
• CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP HANDLING OF APPLICATIONS FOR INDUSTRIAL DESIGNS	26
• CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HANDLING OF APPLICATIONS FOR TRADEMARKS	30
• TÌNH HÌNH BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ PROTECTION OF GEOGRAPHICAL INDICATIONS	32
ĐÀO TẠO VÀ TUYÊN TRUYỀN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ INTELLECTUAL PROPERTY TRAINING AND PUBLIC AWARENESS	36
BẢO ĐẢM THÔNG TIN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ASSURANCE OF INDUSTRIAL PROPERTY INFORMATION	40
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ SUPPORTS FOR INTELLECTUAL PROPERTY ASSETS DEVELOPMENT	45
GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP APPEAL SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS	54
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ADMINISTRATION OF INDUSTRIAL PROPERTY REPRESENTATION ACTIVITIES	56
HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TẠI ĐỊA PHƯƠNG INDUSTRIAL PROPERTY ACTIVITIES AT LOCAL LEVELS	58

PHỤ LỤC THỐNG KÊ / STATISTICS

1. SÁNG CHẾ PATENT	64
2. GIẢI PHÁP HỮU ÍCH UTILITY SOLUTION	66
3. KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP INDUSTRIAL DESIGN	102
4. NHÃN HIỆU TRADEMARK	104
5. CHỈ DẪN ĐỊA LÝ GEOGRAPHICAL INDICATION	110
6. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TRANSFER OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS	111
7. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY APPEALS	115



CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

INTELLECTUAL PROPERTY
LEGISLATION AND POLICIES

Ảnh/Photo by: Shutterstock.com.

Quá trình phát triển kinh tế xã hội và bối cảnh hội nhập đã đặt ra yêu cầu đánh giá, rà soát và sửa đổi Luật SHTT nhằm tạo điều kiện tối ưu cho người dân và doanh nghiệp.

1. Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật quốc gia

Quá trình phát triển kinh tế xã hội và bối cảnh hội nhập đã đặt ra yêu cầu đánh giá, rà soát và sửa đổi Luật SHTT nhằm tạo điều kiện tối ưu cho người dân và doanh nghiệp. Yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện thể chế về SHTT đã được đề cập trong các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước (Nghị quyết số 11-NQ/TW của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII xác định một trong những nhiệm vụ và giải pháp để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là “hoàn thiện thể chế về SHTT theo hướng khuyến khích sáng tạo, bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy cao; quyền SHTT được bảo vệ và thực thi hiệu quả”. Điều này tiếp tục được khẳng định trong phần Phương hướng, nhiệm vụ của dự thảo Báo cáo tổng kết thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021- 2030 trình Đại hội Đảng lần thứ XIII: hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về SHTT, tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền SHTT).

Chính vì vậy, công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về SHTT luôn được Cục SHTT xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý nhà nước về SHTT. Các kết quả nổi bật đã đạt được trong năm 2020 của công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về SHTT bao gồm xây dựng Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT; hướng dẫn triển khai và trực tiếp triển khai Chiến lược SHTT đến năm 2030 và phối hợp xây dựng Nghị quyết về việc phê chuẩn Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với Liên minh châu Âu (Hiệp định EVFTA).

Sửa đổi Luật SHTT

Luật SHTT được ban hành năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, và năm 2019 là dấu mốc quan trọng trong lịch sử xây dựng, phát triển và hoàn thiện hệ thống pháp luật về SHTT của Việt Nam. Không thể phủ nhận rằng cho tới nay Luật SHTT đã tạo hành lang pháp lý cho các tổ chức, cá nhân xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT, góp phần khuyến khích hoạt động sáng tạo, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, sau 15 năm kể từ ngày ban hành, Luật SHTT cũng đã phát sinh những vướng mắc, bất cập, cũng chưa tương thích để bảo đảm thi hành các cam kết về SHTT trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam mới ký kết, như ông Đinh Hữu Phí, Cục trưởng Cục SHTT đã chia sẻ tại “Hội thảo phổ biến chính sách, pháp luật SHTT và tham vấn Báo cáo đánh giá tác động chính sách sửa đổi Luật SHTT” do Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng tổ chức ngày 07/10/2020 tại Hà Nội. Do đó, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Phạm Công Tạc nhận xét, nếu “tham gia vào cuộc chơi với thế giới mà không theo luật chơi chung thì chúng ta sẽ thua, thua ở nhà, thua khắp nơi”. Nhìn chung, bối cảnh mới do quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam thông qua việc tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, làn sóng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng... đã đặt ra nhu cầu phải sửa đổi Luật SHTT.

Do đó, mục tiêu của việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT lần này là nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; xử lý các bất cập, vướng mắc trong thực tiễn thi hành; nội luật hóa các



Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Phạm Công Tạc, Phó Trưởng Ban soạn thảo dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT tại Hội thảo “Tham vấn về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT”, tháng 1/2021.

Deputy Minister of Science and Technology Phạm Công Tạc, Deputy Head of Drafting Board of the Draft Law at the Workshop “Consultation on the draft Law amending and supplementing a number of articles of the IP Law”, January 2021.

The socio-economic development of Viet Nam and the context of international integration have set out requirements to evaluate, review and amend the Intellectual Property Law to create better conditions for people and businesses.

1. Formulation and improvement of national legislation and policies

The requirement to continue to improve the intellectual property (IP) system has been mentioned as one of major policies of the Party and the State (Resolution No. 11-NQ/TW of the 5th Conference of the 12th Party Central Committee identified one of the tasks and solutions to improve the socialist-oriented market economy institution is “to complete the IP system in the direction of encouraging creativity, ensuring transparency and high reliability; IP rights are protected and effectively enforced”. This continued to be affirmed in the Orientation and Tasks section of the draft Report on Reviewing the Implementation of the Socio-economic Development Strategy for previous 10-year (2011-2020) and establishing the Socio-economic Development Strategy for the next 10-year (2021-2030) to submit to the 13th Nation Party Congress: complete the legal framework on IP, strengthen the protection and enforcement of IP rights).

Therefore, formulation and improvement of IP legislation and policies are always one of key tasks in IP administration work of the Intellectual Property Office of Vietnam (IP Vietnam). Significant results in in 2020 informulation and improvement of IP legislation and policies included: (i) drafting the Law amending and supplementing a number of articles of the IP Law (the Draft Law); (ii) guiding and implementing the National Strategy on Intellectual Property (NSIP) to 2030; and (iii) coordinating on the formulation of Resolution on the ratification of the Free Trade Agreement (FTA) between Vietnam and the European Union (EVFTA).

Amendment of IP Law

IP Law, which was enacted in 2005, amended and supplemented in 2009 and 2019, was an important milestone in the history of building, developing and improving the IP legal system of Vietnam. So far the IP Law has created a legal framework for organizations and individuals to establish, utilize and protect IP rights, hence contributed to encourage innovation activities and promote technology transfer. However, after 15 years since its enactment, problems and shortcomings have also been exposed, the IP Law is required to be amended due to new commitments to the new-generation FTAs which Vietnam have just signed, as Mr. Dinh Huu Phi, Director of IP Vietnam shared at the “Conference on IP policy dissemination and consultation of the Report on Policy impact assessment of IP Law amendment” co-organized by the Ministry of Science and Technology, Ministry of Culture, Sports and Tourism and Ministry of

Agriculture and Development Rural on October 7, 2020 in Hanoi.

So the Deputy Minister of Science and Technology Pham Cong Tac commented, if “participating in a game without following its rules, we will lose, domestically and internationally”. Overall, the new context of international integration, the wave of the Industrial Revolution 4.0, the increasing trend of trade protectionism etc. have placed a practical need for the IP law to be amended.

Therefore, the goal of amending and supplementing a number of articles of the IP Law is to institutionalize the directions and policies of the Party and the policies of the State; resolve obstacles and problems in practice; transform international commitments into domestic legislation, creating a legal framework for IP activities of Vietnam; ensure the stability, unity, consistency, transparency, feasibility, accessibility, effectiveness and efficiency of the IP legal system, effectively facilitate the development of the country in a period of industrialization, modernization and extensive international integration.

To prepare for the submission of the Draft Law for comments from the National Assembly at the 2nd session of the 15th National Assembly in October 2021, IP Vietnam, as the coordinating organization with cooperation from relevant agencies of other ministries as well as judicial agencies, has prepared the draft law and sought opinions from the public by posting on official web portals of the Government and the Ministry of Science and Technology, organized consultation workshops, and sent documents to request for comments from relevant agencies, organizations and individuals.

The Draft Law focuses on 7 main groups of content:

- (i) To ensure clear regulations on author, copyright owner, performers, and related rights holders in cases of assignment or licensing of copyrights, related rights: Provisions relating to determine the owner of property rights (owner, author, performer) will be more coherently and specifically clarified to facilitate the process of assignment and licensing of copyrights and related rights;
- (ii) To encourage creation, exploitation and dissemination of inventions, industrial designs and layout designs funded from the State budget: Provisions relating to determine ownership rights and rights to utilize from inventions, industrial designs, layout designs that are resulted from scientific research funded by state budget will be more specified and detailed with the aim to encourage transforming research results into protected IP assets, creating a premise for a more effectively

cam kết quốc tế, tạo khuôn khổ pháp lý cụ thể cho hoạt động SHTT của Việt Nam; bảo đảm tính ổn định, thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống pháp luật SHTT, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày một sâu rộng.

Để chuẩn bị cho việc đệ trình Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT xin ý kiến của Quốc hội vào kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV vào tháng 10/2021, Cục SHTT trong vai trò là cơ quan đầu mối phối hợp với các cơ quan liên quan thuộc các Bộ và các cơ quan tư pháp soạn Dự thảo Luật và lấy ý kiến rộng rãi thông qua các cổng thông tin điện tử (của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ), các hội thảo tham vấn ý kiến cũng như gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung tập trung vào 7 nhóm nội dung chính:

(i) Đảm bảo quy định rõ về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan trong các trường hợp chuyển nhượng, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan: Các quy định liên quan đến xác định chủ thể nắm giữ quyền tài sản (chủ sở hữu, tác giả, người biểu diễn) sẽ được quy định rõ ràng và cụ thể hơn, giúp cho quá trình chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng trong các hợp đồng chuyển nhượng, chuyển giao quyền tác giả và quyền liên quan được thuận lợi hơn;

(ii) Khuyến khích tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí được tạo ra từ ngân sách Nhà nước: Các quy định liên quan đến việc xác định quyền sở hữu, quyền khai thác đối với các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả nghiên cứu khoa học do sử dụng vốn nhà nước sẽ được quy định rõ ràng và chi tiết hơn, để từ đó khuyến khích đưa các kết quả nghiên cứu này thành các tài sản được bảo hộ quyền SHTT, tạo tiền đề để khai thác thương mại đối với các tài sản này trên thị trường hiệu quả hơn;

(iii) Tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện thủ tục đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan, thủ tục xác lập quyền SHCN: Nhìn chung, những sửa đổi mới sẽ tạo điều kiện cho những người muốn đăng ký bảo hộ SHTT, thời hạn, thành phần hồ sơ v.v. được cải tiến theo hướng gọn nhẹ, nhanh chóng, thuận tiện, minh bạch hơn, hay quy định về việc nộp hồ sơ cũng được bổ sung hình thức trực tuyến để phù hợp với lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Chính phủ v.v.;

(iv) Đảm bảo mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng trong bảo hộ quyền SHTT, giữa một bên là quyền lợi của chủ thể quyền và một bên là quyền sử dụng, quyền tiếp cận tri thức, công nghệ của xã hội. Theo đó, việc rà soát, sửa đổi sẽ tập trung xử lý các vấn đề liên quan tới quyền tiếp cận tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; hợp lý hóa cơ chế bảo hộ đối với sáng chế; bổ sung các trường hợp văn bằng bảo hộ sáng chế, nhãn hiệu bị hủy bỏ hiệu lực nếu không đáp ứng những điều

kiện nhất định; hợp lý hóa cơ chế bảo hộ quyền đối với giống cây trồng (cân bằng quyền của nhà tạo giống và quyền giữ giống của nông dân);

(v) Tăng cường hiệu quả hoạt động hỗ trợ về SHTT (bao gồm hoạt động đại diện, giám định) cũng được rà soát để sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định trách nhiệm rõ ràng hơn, phân loại phạm vi hoạt động cụ thể và chi tiết hơn, đồng thời cắt giảm các điều kiện kinh doanh để phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính chung của đất nước;

(vi) Nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo vệ quyền SHTT theo hướng giải quyết một số bất cập liên quan đến các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT để bảo đảm cơ chế bảo vệ quyền SHTT hiệu quả, hợp lý và khả thi hơn, hoàn thiện các quy định về thực thi quyền trong môi trường số; sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến cách thức và phạm vi áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới đối với hàng xuất, nhập khẩu;

(vii) Bảo đảm thi hành đầy đủ và nghiêm túc các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo hộ quyền SHTT: Các quy định hiện có trong Luật SHTT nhưng chưa hoàn toàn tương thích với các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam mới là thành viên (như cơ chế bảo mật dữ liệu thử nghiệm đối với nông hóa phẩm; thẩm quyền kiểm soát biên giới của cơ quan hải quan, v.v.) hay các quy định chưa xuất hiện nhưng phải thi hành theo cam kết quốc tế (như bảo hộ nhãn hiệu âm thanh; cơ chế đền bù cho chủ sở hữu sáng chế do chậm trễ trong thủ tục cấp phép lưu hành thị trường của dược phẩm là sáng chế được bảo hộ, v.v.) sẽ được rà soát để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Triển khai Chiến lược SHTT đến năm 2030

Sau khi Chiến lược SHTT đến năm 2030 được ban hành, nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung của Chiến lược trên các phương tiện truyền thông và trong phạm vi hoạt động của các Bộ, ngành và địa phương đã được triển khai nhằm nâng cao nhận thức của lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương và xã hội về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược. Nhiều địa phương đã ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược SHTT trên địa bàn, một số địa phương triển khai theo cách thức lồng ghép với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội cụ thể của địa phương. Trong phạm vi ngành khoa học và công nghệ, Cục đã chủ trì xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược giai đoạn 2020-2025 để cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp mà Thủ tướng Chính phủ phân công cho Bộ Khoa học và Công nghệ trong Chiến lược. Trên cơ sở đó, Cục đã phân công nhiệm vụ thực hiện Chiến lược SHTT đến năm 2030 cho các đơn vị trực thuộc Cục, theo Quyết định số 1178/QĐ-SHTT ngày 06/04/2020 của Cục trưởng Cục SHTT; một số nhiệm vụ đã bắt đầu được triển khai như rà soát, hoàn thiện pháp luật về SHTT; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế thẩm định đơn SHCN, v.v..

Xây dựng, góp ý các văn bản pháp luật liên quan

Cùng với việc chủ trì xây dựng các văn bản pháp luật, Cục



commercial exploitation of these assets in the market;
(iii) To facilitate the process of registration of copyrights, related rights and industrial property rights: In general, the proposed amendments will facilitate IP protection registration due to simpler, faster, more convenient and more transparent procedures; online registration regulations are also supplemented to be compatible with the Government's roadmap of providing online public services etc.;

(iv) To ensure an adequate and balanced level of IP right protection between the benefits of the right holders and rights of the public to use and access knowledge and technology: Proposed amendments will focus on handling issues related to the right to access works, phonograms, video recordings, and broadcasts; rationalizing patent protection mechanism; providing additional bases to patent and trademark cancelation; rationalizing the protection of plant variety rights (balancing breeders' rights and farmers' rights in keeping harvested materials);

(v) To enhance the effectiveness of supporting activities on IP (including representation and assessment activities): Proposed amendments will focus on clearer responsibility, more specific and detailed scope of operations, and eliminating a number of operation conditions to comply with the country's general administrative procedure reform;

(vi) To improve the effectiveness of IP enforcement activities: Proposed amendments will focus on solving shortcomings related to measures to handle infringements of IP rights to ensure a more effective, rational and feasible IP enforcement mechanism; improving regulations on IP rights enforcement in the digital environment; amending and supplementing a number of provisions related to the scope of border control methods for import and export goods;

(vii) To ensure an appropriate and strict implementation of Vietnam's international commitments on IP protection: Proposed amendments will focus on existing provisions in the IP Law which are not fully compatible with the commitments in newly-signed FTAs (such as the protection of test data for agrochemicals; jurisdiction of customs authorities in border control, etc.); or the missing provisions needed to supplement to comply with international commitments (such as sound trademark protection; compensation mechanism for patent owners of pharmaceutical products due to unreasonable delay in marketing authorization procedure, etc.).

Implementation of the NSIP to 2030

After the NSIP to 2030 was promulgated, IP Vietnam have carried out many communication and dissemination activities of the NSIP on the media as well as among ministries, agencies and localities with an aim to raise awareness of leaders at all levels and the society about the NSIP's views, objectives and tasks. Many localities have issued their own NSIP Implementation Plans while others

have been implementing by integrating NSIP contents into local socio-economic development policies.

Within the science and technology sector, IP Vietnam has formulated the NSIP Implementation Plan for the period 2020-2025 to specify the tasks and solutions assigned by the Prime Minister to the Ministry of Science and Technology in the NSIP. Based on that NSIP Implementation Plan, IP Vietnam has also formulated the Assigning tasks for the subordinate units (Decision No. 1178/QĐ-SHTT dated April 6, 2020 of the Director General of IP Vietnam), in which a number of tasks have already started, such as: reviewing and improving IP regulations; reviewing, amending and supplementing regulations on industrial property examination guidelines, etc.

Formulating and commenting on relevant legal documents

In addition to formulating IP legal documents, IP Viet Nam also regularly provided comments on IP content in legal documents drafted by other agencies, in particular: 02 laws (Law on Investment; Dossier of Proposal to formulate the Law amending and supplementing the Law on the protection of consumers' rights); 12 decrees (Dossier of Proposal to formulate the Decree on Civil obligation fulfillment; Decree on Electronic administrative procedures; Decree on Special preferential import and export tariffs of Vietnam to implement the EVFTA; Decree on Preferential and incentive schemes and policies for the National Innovation Center; Decree on Business registration; etc.); 07 circulars (Circular guiding forms for appraisal or commenting on technology applied to investment project; Circular stipulating for marketing authorization of drugs manufactured under processing agreement, technology transfer agreement in Vietnam; Circular stipulating technical requirements for input data of the national S&T database etc.) and many other IP related legal documents.

As the focal point for State management of IP, IP Viet Nam frequently clarified and guided provincial departments of science and technology and businesses on the implementation of the IP laws and regulations, such as on: transferring foreign patent-protected technology; maintaining patent validity; submitting documents in optical disc to claim priority rights; processing trademark applications with letter of owner's consent and determining confronting marks' legal status; denying protection of industrial property objects that contradict social ethics and public order; clarifying potential conflicts between geographical indications and previously registered trademarks, etc.

Also in 2020, IP Viet Nam has implemented a number of measures to support applicants affected by the Covid-19 such as issuing notices and applying provisions to extend time limits for establishing industrial property rights procedures (requests claiming priority, supplementing documents, responding to IP Vietnam's decisions/notices,

SHTT thường xuyên đóng góp ý kiến xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật có nội dung liên quan đến lĩnh vực SHTT do các cơ quan khác chủ trì soạn thảo, bao gồm: 2 đạo luật (Luật Đầu tư; Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng); 12 Nghị định (Hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị định về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự; Nghị định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định về Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của VN để thực hiện Hiệp định EVFTA; Nghị định quy định cơ chế, chính sách ưu đãi và khuyến khích đối với Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia; Nghị định về đăng ký doanh nghiệp,...); 07 Thông tư (Thông tư hướng dẫn các biểu mẫu phục vụ thẩm định hoặc nêu ý kiến về công nghệ dự án đầu tư; Thông tư quy định việc đăng ký lưu hành thuốc gia công, thuốc chuyển giao công nghệ tại Việt Nam; Thông tư quy định yêu cầu kỹ thuật đối với dữ liệu thông tin đầu vào của cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN;...) và nhiều văn bản pháp luật khác có nội dung liên quan đến SHTT.

Là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về SHTT, Cục SHTT thường xuyên thực hiện việc giải đáp và hướng dẫn thực hiện pháp luật về SHTT cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đặc biệt là các Sở Khoa học và Công nghệ và các doanh nghiệp như giải đáp vướng mắc về: chuyển giao công nghệ được bảo hộ sáng chế tại nước ngoài; duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ sáng chế; nộp tài liệu yêu cầu hưởng quyền ưu tiên dạng đĩa quang; xử lý các đơn đăng ký nhãn hiệu có thư chấp thuận của chủ nhãn hiệu đối chứng và xác định tình trạng pháp lý của nhãn hiệu đối chứng; về việc không bảo hộ các đối tượng SHCN trái với đạo đức xã hội, trật tự công cộng; về khả năng xung đột của chỉ dẫn địa lý với nhãn hiệu đã đăng ký, v.v.

Cũng trong năm 2020, Cục đã triển khai một số biện pháp hỗ trợ người nộp đơn bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 như ra thông báo và áp dụng quy định về kéo dài thời hạn thực hiện các thủ tục xác lập quyền SHCN (yêu cầu hưởng quyền ưu tiên, bổ sung tài liệu, phản hồi các quyết định/thông báo của Cục, duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ, nộp các loại phí, lệ phí, nộp đơn khiếu nại).

2. Xây dựng chính sách, pháp luật quốc tế

Năm 2020, công tác pháp chế và chính sách quốc tế, nhất là công tác đàm phán quốc tế đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận ở hai nhóm nội dung chủ yếu là đàm phán, ký kết, phê chuẩn và bảo đảm thi hành các điều ước quốc tế về/liên quan đến SHTT.

Đối với Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (Hiệp định EVFTA): Sau khi Hiệp định được ký kết ngày 30/6/2019, Cục SHTT đã tiến hành rà soát quy định pháp luật, soạn thảo các nội dung liên quan đến việc thi hành các nghĩa vụ về SHTT và phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Nghị quyết của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định (Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08/6/2020) và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do

giữa Việt Nam và liên minh châu Âu (EVFTA) (Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 06/8/2020).

Đối với Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa ASEAN và 6 nước Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và New Zealand (Hiệp định RCEP): Tham dự phiên họp rà soát pháp lý lần thứ 3 của Hiệp định RCEP tại New Zealand. Hiệp định đã được 15 nước tham gia đàm phán ký kết trực tuyến vào ngày 15/11/2020.

Đối với Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EFTA (Khối Hiệp hội Thương mại tự do châu Âu bao gồm Thụy Sĩ, Liechtenstein, Na Uy và Iceland): Tham dự họp trực tuyến về nội dung SHTT trong khuôn khổ đàm phán Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Khối EFTA.

Đối với Hiệp định giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (Hiệp định UKVFTA): Nêu ý kiến đối với đề xuất của Bộ Ngoại giao về việc Anh và Liên minh châu Âu (EU) đề nghị cho Anh thực hiện các điều ước quốc tế do EU ký với Việt Nam trong giai đoạn chuyển tiếp Brexit; tham dự các Phiên làm việc của Ban Công tác về Đối thoại Thương mại và Đầu tư Việt Nam – Vương quốc Anh. Ngày 29/12/2020, Hiệp định UKVFTA đã chính thức được ký kết tại Vương quốc Anh.

Gia nhập Hiệp ước Budapest về sự công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm tiến hành các thủ tục về sáng chế (thi hành cam kết theo Hiệp định CPTPP): Nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch gia nhập và Hồ sơ gia nhập Hiệp ước Budapest. Hồ sơ đã được trình Chính phủ phê duyệt.

Công tác bảo đảm thi hành các điều ước quốc tế về SHTT tiếp tục được triển khai thường xuyên và đầy đủ như tiếp tục cung cấp thông tin về hoạt động bảo hộ quyền SHTT trong năm 2020 theo yêu cầu của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Hà Nội (Báo cáo 301); rà soát các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 và pháp luật có liên quan với các cam kết theo Hiệp định CPTPP; tham dự khóa họp lần thứ 3 của Ủy ban hỗn hợp về thực thi Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu;...

Đặc biệt, 2020 là năm Việt Nam phải thực hiện rà soát chính sách thương mại tại WTO; do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên phiên rà soát phải lùi lại sang năm 2021. Tuy nhiên, Cục SHTT đã phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành một loạt công việc để chuẩn bị cho phiên rà soát chính sách thương mại, cụ thể là: cung cấp bổ sung thông tin phục vụ Phiên rà soát chính sách thương mại lần thứ hai của Việt Nam cho Ban Thư ký WTO; dự thảo nội dung phần SHTT trong Báo cáo quốc gia về chính sách thương mại; góp ý dự thảo Báo cáo của Ban Thư ký WTO về chính sách thương mại của Việt Nam.

“Lần này chúng ta sửa rất lớn, làm bài bản hơn. Mục tiêu thứ nhất là tạo điều kiện cho chúng ta tham gia các sân chơi chung trên thế giới với các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP, thứ hai là phát triển sức sáng tạo của quốc gia, tạo ra động lực phát triển cho xã hội”, Thứ trưởng Bộ KH&CN Phạm Công Tạc đánh giá về dự án sửa đổi Luật SHTT trong hội thảo “Tham vấn về dự án sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT” do Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức ngày 12/01/2021 tại Hà Nội.

“This amendment will be more extensive and methodical. The first goal is to facilitate our participation in global playing fields of the new generation FTAs such as CPTPP, EVFTA, RCEP, and the second is to develop national creativity, create a motivation for social development”, Deputy Minister of Science and Technology Pham Cong Tac evaluated the project of the Draft Law at the Workshop “Consultation on the draft Law amending and supplementing a number of articles of the IP Law”, co-organized by the Ministry of Science and Technology, Ministry of Culture, Sports and Tourism, Ministry of Agriculture and Development Rural on January 12th, 2021 in Hanoi.



**Thứ trưởng Bộ KH&CN
Phạm Công Tạc.**

maintaining and prolonging the validity of protection titles, paying fees and charges, filing complaints).

2. International policy and legal frameworks

By 2020, international policy and legal framework, especially international negotiations, had achieved remarkable results in two main areas: (i) negotiation, signing, ratification; and (ii) implementation assurance of international treaties on/related to IP.

For the FTA between Vietnam and the European Union (EVFTA): After the Agreement was signed on June 30, 2019, IP Vietnam reviewed legal regulations, drafted contents related to the implementation of IP obligations and coordinated with relevant agencies to formulate a resolution of the National Assembly to ratify the agreement (Resolution No. 102/2020/QH14 dated June 8, 2020) and the Prime Minister's Decision on the Implementation Plan of the EVFTA (Decision No. 1201/QĐ-TTg dated August 6, 2020).

For the Regional Comprehensive Economic Partnership Agreement (RCEP) (between ASEAN and six countries: China, India, Japan, Korea, Australia and New Zealand): IP Vietnam attended the 3rd legal review session of the RCEP Agreement in New Zealand. The Agreement was signed online by 15 participating countries on November 15, 2020.

For the VN - EFTA FTA (European Free Trade Association including Switzerland, Lichtenstein, Norway and Iceland): IP Vietnam attended online IP session in the framework of the VN - EFTA FTA negotiation.

For the Agreement between Vietnam and the United Kingdom (UKVFTA): IP Vietnam gave comment on the

proposal of the Ministry of Foreign Affairs on the proposal of the UK and the European Union (EU) to allow the UK to implement international treaties signed by the EU with Vietnam during Brexit transition period; attended the working sessions of the Working Group of Trade and Investment Dialogue Vietnam-UK. On December 29th, 2020, the UKVFTA was officially signed in the UK.

For the Budapest Treaty on the International recognition of the deposit of microorganisms for the purposes of patent procedure (commitment under the CPTPP): IP Vietnam researched and formulated the Accession Plan and Accession Dossier. The Accession Dossier was submitted and ratified by the Government.

International agreement implementation activities on IP continued to be regularly and sufficiently performed, such as on: Providing information on the IP protection and enforcement in 2019 at the request of the US Embassy in Hanoi (Special Report 301); Reviewing the provisions of the Criminal Code 2015 and related laws with commitments under the CPTPP; Attending the 3rd Session of the Joint Commission on the Implementation of the FTA between Vietnam and the Eurasian Economic Union (VN-EAEU FTA), etc.

Especially, 2020 was the year Vietnam must proceed on trade policy reviewing at the WTO, yet due to the influence of the Covid-19, the review session was postponed to 2021. However, IP Vietnam have coordinated with other agencies to carry out preparations for the coming trade policy review session, including: provided additional information for the second trade policy review of Vietnam to the WTO Secretariat; drafted IP contents in the National Report on Trade policy; commented on the draft Report of the WTO Secretariat on Vietnam's Trade policy.



HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

INTERNATIONAL COOPERATION
ON INTELLECTUAL PROPERTY

Vượt qua những trở ngại của đại dịch Covid-19, Cục SHTT triển khai tối đa các hoạt động hợp tác quốc tế không yêu cầu tiếp xúc trực tiếp như trao đổi, đào tạo trực tuyến, nghiên cứu, chuẩn bị thủ tục nội bộ làm tiền đề triển khai các hoạt động đối ngoại trong năm và cho giai đoạn tiếp theo.



Cục trưởng Đinh Hữu Phí (ở giữa) họp trực tuyến với ông Kasutani Toshihide, Tổng Cục trưởng Cơ quan Sáng chế Nhật Bản (JPO).
Director General Đinh Hữu Phí (center) held an online meeting with Commissioner Kasutani Toshihide, Japan Patent Office (JPO).



Cục SHTT làm việc với Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) để thống nhất nội dung Dự án Nâng cao năng lực thẩm định đơn SHCN.
IP Viet Nam held a meeting with the Japan International Cooperation Agency (JICA) to agree upon the contents of the Project for Strengthening Capacity in Industrial Property Examination in IP Viet Nam.



Cục SHTT và KIPA thảo luận trực tuyến về các phương án thiết kế Biểu tượng Chỉ dẫn địa lý quốc gia.
IP Viet Nam and KIPA held an online discussion on designs of national GIs symbol.

Thích ứng với đại dịch: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác không tiếp xúc

Năm 2020 là thời gian thử thách khả năng thích ứng của công tác đối ngoại của Cục SHTT. Mặc dù hoạt động hợp tác quốc tế chịu ảnh hưởng nặng nề do đại dịch Covid-19, Cục SHTT vẫn cùng với các đối tác đưa ra định hướng khắc phục tình hình, đẩy mạnh triển khai tối đa các hoạt động hợp tác quốc tế không yêu cầu tiếp xúc trực tiếp như trao đổi, đào tạo trực tuyến, tiến hành các nghiên cứu, chuẩn bị thủ tục nội bộ làm tiền đề triển khai các hoạt động đối ngoại trong năm và cho giai đoạn tiếp theo.

Thông qua các hoạt động trao đổi trực tuyến cấp cao, Lãnh đạo Cục SHTT và các cơ quan SHTT các nước như Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Đan Mạch (DKPTO), Cơ quan Sáng chế Nhật Bản (JPO), Cơ quan SHTT Singapore (IPOS), Cơ quan SHTT Vương quốc Anh (UKIPO)... đã chia sẻ các biện pháp mà mỗi cơ quan triển khai để duy trì hoạt động quản lý nhà nước về SHTT trong tình trạng giãn cách xã hội đồng thời khẳng định cam kết duy trì quan hệ hợp tác với nội dung và hình thức phù hợp.

Đối với hoạt động hợp tác trong khối ASEAN, với tư cách là Chủ tịch Nhóm công tác về Hợp tác SHTT ASEAN (AWGIPC) nhiệm kỳ 2019-2021, Việt Nam đã chủ động, tích cực điều phối Nhóm AWGIPC vượt qua khó khăn do đại dịch Covid-19, bám sát lộ trình triển khai Chương trình hành động SHTT ASEAN giai đoạn 2016-2025, hoàn thành các hoạt động ưu tiên của năm 2020 theo đúng các mục tiêu đã đề ra, đóng góp vào thành công chung của Năm ASEAN Việt Nam 2020. Cụ thể, Việt Nam chủ trì thành công tất cả các cuộc họp trực tuyến của Nhóm AWGIPC và hơn 20 cuộc họp trực tuyến khác bên lề, bao gồm: (i) các Cuộc họp cấp Lãnh đạo Cơ quan SHTT các nước ASEAN và Lãnh đạo một số Cơ quan SHTT như Cơ quan SHTT Trung Quốc (CNIPA), Cơ quan Sáng chế Nhật Bản (JPO) và Cơ quan SHTT Hàn Quốc (KIPO); (ii) Phiên họp chia sẻ thông tin về các biện pháp ứng phó với Covid-19 trong cung cấp dịch vụ về SHTT giữa các thành viên ASEAN và các đối tác của ASEAN; (iii) các cuộc họp đối thoại giữa AWGIPC và các đối tác trong lĩnh vực SHTT như Cơ quan Sáng

Overcoming obstacles caused by the Covid 19 pandemic, IP Viet Nam made its utmost efforts to implement international cooperation activities which did not entail direct contacts, such as conducting online meetings and online training; doing research; finalizing internal procedures to lay the ground for implementation of international cooperation activities in 2020 and the years ahead.

Adapting with the pandemic: Strengthening the cooperation activities without face-to-face contacts

The year 2020 was a period that challenged the ability of IP Viet Nam to adapt in international cooperation. Although severely affected by the Covid 19 pandemic, IP Viet Nam worked together with its counterparts to set a direction to conquer the situation, maximizing cooperation activities that did not entail face-to-face interactions, such as conducting online meetings and online training; doing research; finalizing the internal procedures to lay the ground for the implementation of international cooperation activities in 2020 and the years ahead.

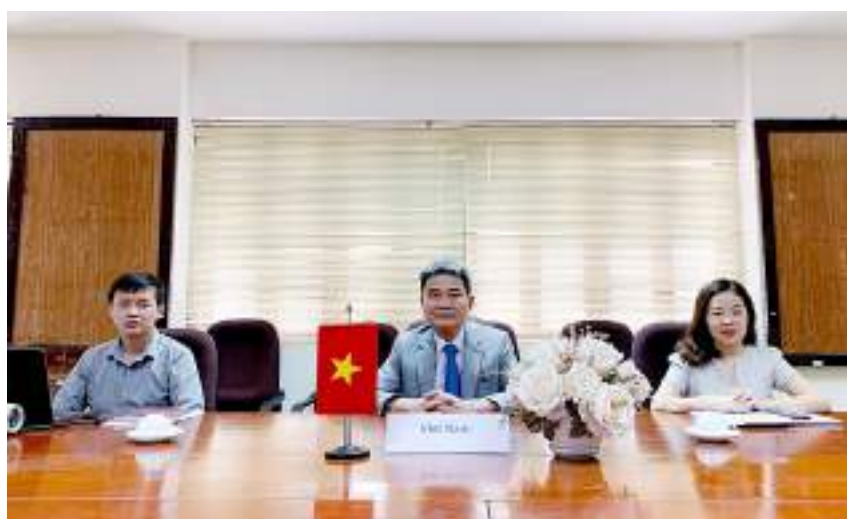
Via online high-level meetings, leaders of IP Viet Nam and other national IP offices such as the Denmark Patent and Trademark Office (DKPTO), the Japan Patent Office (JPO), the Intellectual Property Office of Singapore (IPOS), the United Kingdom Intellectual Property Office (UKIPO)... have shared insights for measures to maintain the operation of intellectual property administration during social distancing and affirmed a commitment to continue the bilateral cooperation with appropriate contents and methods.

In the framework of ASEAN cooperation, as the Chair of the ASEAN Working Group on IP Cooperation (AWGIPC) in 2019-2021, Viet Nam have actively coordinated AWGIPC's efforts to deal with the hurdles caused by the Covid 19 pandemic, closely follow the roadmap to materialize the ASEAN IPRs Action Plan 2016-2025 and fulfill priority tasks to meet with key targets of 2020, contributing to the success of Viet Nam's 2020 ASEAN Chairmanship. Particularly, Viet Nam successfully chaired all online meetings of AWGIPC and more than 20 online related meetings, including (i) Heads Meetings between ASEAN IP Offices and other IP Offices that have the high-level meeting mechanism such as the China Intellectual Property Office (CNIPA), the Japan Patent Office (JPO) and the Korean Intellectual Property Office (KIPO); (ii) Information session on measures to maintain IP services to counter against Covid 19 pandemic between ASEAN and



Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý vải thiều Lục Ngạn được công bố lần 2 trên trang web của FIAB.

The application for Lục Ngạn lychee was published for the second time on FIAB website.



Cục trưởng Đinh Hữu Phí (ở giữa) tham dự Phiên họp trực tuyến Đại hội đồng WIPO 2020 ở đầu cầu Hà Nội.

Director General Đinh Hữu Phí (center) attended WIPO General Assemblies 2020 live from Hanoi.

chế châu Âu (EPO), Cơ quan SHTT châu Âu (EUIPO), Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ (USPTO), Cơ quan SHTT Vương quốc Anh (UKIPO), Cơ quan SHTT thế giới (WIPO), Hiệp hội Nhãn hiệu quốc tế (INPA), Hiệp hội SHTT ASEAN (AIPA)...

Cục SHTT cũng đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan của Việt Nam trong quá trình xây dựng lập trường quốc gia, vận động và bầu cử Tổng Giám đốc WIPO nhiệm kỳ 2020-2026. Ngoài ra, Cục SHTT cũng tham dự phiên họp trực tuyến Đại hội đồng thường niên WIPO năm 2020 và năm cuộc họp trực tuyến của WIPO dành cho Lãnh đạo cơ quan SHTT các nước Nam Á, Đông Nam Á, Iran và Mông Cổ (HIPOC) nhằm chia sẻ nội dung và phương pháp lãnh đạo cơ quan SHTT trong bối cảnh có nhiều thay đổi.

Hỗ trợ các sản phẩm trong nước ra quốc tế

Năm 2020, Cục SHTT đã xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền ban hành các Kế hoạch của Chính phủ, của Bộ Khoa học và Công nghệ và ban hành Chương trình hành động của Cục để thi hành Thỏa ước La Hay về Đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp sau khi Việt Nam gia nhập Thỏa ước này vào cuối tháng 9/2019. Tiếp theo đó, Cục SHTT đã xây dựng quy trình tiếp nhận đơn nội bộ, xây dựng phần mềm quản trị đơn, tổ chức các hội thảo giới thiệu, phát hành tài liệu tuyên truyền,... giúp nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về Thỏa ước này, mở ra cơ hội đăng ký và bảo hộ kiểu dáng công nghiệp ở hơn 70 thành viên Thỏa ước.

Để góp phần hỗ trợ, nâng cao năng lực của các địa phương nhằm đưa các sản phẩm chủ lực bước vào các thị trường “khó tính”, Cục SHTT tiếp tục triển khai một số hoạt động hợp tác quốc tế điển hình là phối hợp với Hiệp hội SHTT Hàn Quốc (KIPA) xây dựng Biểu tượng Chỉ dẫn địa lý quốc gia của Việt Nam; đề nghị KIPA hỗ trợ pha 2 Dự án xây dựng và phát triển thương hiệu lựa Mã Châu; phối hợp với Cục Công nghiệp Thực phẩm Nhật Bản (FIAB) đăng ký 3 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam (vải thiếu Lục Ngạn, cà phê Buôn Mê Thuột và thanh long Bình Thuận) sang Nhật Bản... Những dự án này góp phần nâng cao thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp của Việt Nam, tạo tiền đề cho các sản phẩm đó tiếp cận được với thị trường nước ngoài, từng bước nâng cao đời sống của người dân.

Các hoạt động quản trị công về SHTT cũng ngày càng được nâng cao nhờ vào các dự án hợp tác quốc tế. Cụ thể, trong năm qua, Cục SHTT đã trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt việc tiếp nhận Hệ thống tự động hóa

quản trị SHCN (WIPO IPAS) và Dự án Số hóa tài liệu SHCN với sự trợ giúp của WIPO. Cục SHTT cũng phối hợp với các đối tác Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc xây dựng, trình phê duyệt các đề xuất dự án Thực thi Hiệp định CPTPP trong lĩnh vực SHTT với Canada; Dự án Nâng cao năng lực xử lý đơn SHCN tại Cục SHTT với Nhật Bản và Dự án Nâng cao năng lực quản trị công về SHTT với Hàn Quốc làm cơ sở để triển khai từ năm 2021. Đây là các dự án quan trọng, có tác động lâu dài, đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững của Cục trong tương lai, tập trung vào việc hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực tự động hóa quản trị SHCN.

Cục SHTT cũng đã phối hợp với các đối tác nước ngoài như Cơ quan Sáng chế châu Âu (EPO), Cơ quan SHTT châu Âu (EUIPO), Trung tâm SHCN châu Á - Thái Bình Dương (APIC), Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ (USPTO), Trung tâm Phương Nam (South Center),... tổ chức một loạt hội thảo, khóa đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ của Cục và các cơ quan liên quan.

Năm 2020 đã đi qua với nhiều biến động, có thể nói hoạt động hợp tác quốc tế của Cục SHTT đã thích nghi tốt với tình hình mới, góp phần vào thành công chung của Cục SHTT và hoạt động đối ngoại của đất nước trong năm qua. Với những dự báo tích cực hơn của tình hình thế giới trong năm 2021, hy vọng hoạt động hợp tác quốc tế về SHTT sẽ được đẩy mạnh hơn nữa, qua đó nâng cao năng lực của Cục SHTT và của cả hệ thống SHTT, từng bước hài hòa hóa hệ thống SHTT Việt Nam với khu vực và thế giới, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

its dialogue partners; (iii) Consultations with partners namely the European Patent Office (EPO), the European Intellectual Property Office (EUIPO), the United States Patent and Trademark Office (USPTO), the United Kingdom Intellectual Property Office (UKIPO), the World Intellectual Property Organization (WIPO), the International Trademark Association (INTA), the ASEAN Intellectual Property Association (AIPA),...

IP Viet Nam also closely collaborated with related agencies of Viet Nam during the courses of formulating national positions and voting for WIPO Director General for the term of 2020-2026. In addition, IP Viet Nam also attended the hybrid General Assemblies 2020 and five HIPOC meetings among WIPO and Heads of IP Offices in South Asia, South East Asia, Iran and Mongolia to share contents and methods to lead IP offices in a world constantly changing.

Support local products to enter international markets

In 2020, IP Viet Nam drafted the Action Plans of the Government of Viet Nam and of the Ministry of Science and Technology and submitted to relevant authorities for approval, and issued its action plan to implement the Hague Agreement on International Registration of Industrial Designs after its accession into the Agreement in the end of September 2019. Furthermore, IP Viet Nam have developed internal regulations for application processing, developed a software for application management, organized introductory seminars and distributed outreaching materials to enhance the awareness of entities, individuals, businesses to better utilize the System, improving their capacity to grasp the opportunity to register their rights in over 70 members of the System.

To help and strengthen capacity of localities to bring their key products into “highly selective” markets, IP Viet Nam continued to implement a number of international cooperation activities, for example, cooperating with the Korean IP Association (KIPA) to develop the national geographical indication symbol of Viet Nam; requesting KIPA to support the second phase of Ma Chau Silk Branding Project; cooperating with Japan's Food Industry Affairs Bureau (FIAB) to file applications to register three Vietnamese geographical indications (Lục Ngạn lychee, Buôn Mê Thuật coffee and Bình Thuận dragon fruits) in Japan... These projects would help to promote the branding of agricultural and handicraft products of Viet Nam, pave the way for

these products to enter foreign markets and step by step improving people's living standards.

The administration of intellectual property has been strengthened through various international cooperation projects. Specially, IP Viet Nam have submitted for approval from relevant authorities for the deployment of the Project on Developing the Industrial Property Administration System (WIPO IPAS) and the Project on the Digitization of Industrial Property Dossiers with the assistance of WIPO last year. IP Viet Nam also cooperated with other agencies of Canada, Japan and Korea to develop and submit to relevant agencies for approval for the Project on Supporting the Implementation of the Comprehensive and Progressive Trans-Pacific Partnership (CPTPP) in the field of Intellectual Property, the Project for Strengthening Capacity in Industrial Property Examination in IP Viet Nam and Project on Enhancement of the Public Administration System in Intellectual Property Sector. These are importance projects that will have long-term impacts, ensuring the rapid and sustainable development of IP Viet Nam in the future, focusing on the improvement of IP regime and enhancing the automation of IP administration.

IP Viet Nam also coordinated with foreign counterparts, namely the European Patent Office (EPO), the European Intellectual Property Office (EUIPO), the Asia Pacific Industrial Property Center (APIC), the United States Patent and Trademark Office (USPTO), South Center (South Center)...to organize a series of webinars and online trainings to improve the capacity of IP Viet Nam and other relevant agencies' staffs.

The year 2020 has passed with challenging changes and it can be said that international cooperation activities of IP Viet Nam had been well adapted to the new situation and contributed to the achievements of IP Viet Nam in particular and foreign affairs of the country in general. Given more optimistic forecasts of the world situation in 2021, international cooperations on IP are expected to be further strengthened, thereby improving the capacity of IP Viet Nam in particular and the IP system of Viet Nam as a whole, gradually harmonizing with regional and international IP regimes and supporting to leverage Viet Nam's standing in the international arena.



Ảnh/Photo by: Shutterstock.com.



CÔNG TÁC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

ADMISSION AND PROSECUTION OF
APPLICATIONS FOR REGISTRATION OF
INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS



Năm 2020, Cục SHTT đã tiếp nhận 125.689 đơn các loại (tăng 4,1% so với năm 2019).

Công tác tiếp nhận đơn

- 76.720 đơn đăng ký xác lập quyền SHCN (tăng 1,3% so với năm 2019), bao gồm: 8.368 đơn sáng chế/giải pháp hữu ích (SC/GPHI); 3.213 đơn kiểu dáng công nghiệp (KDCN); 55.579 đơn nhãn hiệu quốc gia và 9.251 đơn nhãn hiệu quốc tế đăng ký qua Hệ thống Madrid; 22 đơn chỉ dẫn địa lý (CDĐL); 287 đơn đăng ký quốc tế có nguồn gốc Việt Nam;

- 48.969 đơn/yêu cầu khác, bao gồm: sửa đổi đơn: 3.702; chuyển nhượng đơn: 1.317; cấp lại văn bằng bảo hộ (VBBH): 1.989; gia hạn hiệu lực VBBH: 10.962; gia hạn đăng ký quốc tế: 4.196; sửa đổi VBBH: 7.617; duy trì hiệu lực VBBH: 11.000; chuyển nhượng VBBH: 2.494; chuyển giao quyền sử dụng: 439; chấm dứt/hủy bỏ hiệu lực VBBH: 441; khiếu nại: 1344; tra cứu: 2; phản đối cấp VBBH: 2.099; các loại đơn khác: 1.367.

Công tác xử lý đơn

Cục SHTT đã xử lý được 113.476 đơn các loại, trong đó có:

- 71.829 đơn đăng ký xác lập quyền SHCN (tăng 10,5% so với cùng kỳ năm 2019), bao gồm: 7.155 đơn SC/GPHI; 2.869 đơn KDCN; 51.311 đơn nhãn hiệu quốc gia và 10.191 đơn nhãn hiệu quốc tế đăng ký qua Hệ thống Madrid; 22 đơn CDĐL và 281 đơn đăng ký quốc tế có nguồn gốc Việt Nam;

- 41.647 đơn/yêu cầu khác, bao gồm: sửa đổi, chuyển nhượng, phản đối cấp đơn: 6.817; cấp lại VBBH: 1.572; gia hạn hiệu lực VBBH: 9.553; sửa đổi VBBH: 5.815; duy trì hiệu lực VBBH: 11.866; chuyển nhượng VBBH: 2.933; chuyển giao quyền sử dụng: 563; chấm dứt/hủy bỏ hiệu lực VBBH: 106; khiếu nại: 926; các loại đơn khác: 1.496.

Số lượng Văn bằng bảo hộ được cấp

Cục SHTT đã cấp VBBH cho 48.072 đối tượng SHCN (tăng 18,1% so với năm 2019), bao gồm 4.597 Bằng độc quyền

SC/GPHI, 2.066 Bằng độc quyền KDCN, 33.700 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu quốc gia và 7.688 Đăng ký quốc tế nhãn hiệu và 21 Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL.

Triển khai hoạt động của Bộ phận Một cửa tại Cục SHTT

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ về việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục SHTT đã ban hành các văn bản liên quan đến việc thành lập và triển khai hoạt động của Bộ phận Một cửa tại Cục SHTT. Phòng Đăng ký là đơn vị chủ trì phối hợp với Văn phòng Cục, Văn phòng đại diện Cục SHTT tại thành phố Hồ Chí Minh và Văn phòng đại diện Cục SHTT tại thành phố Đà Nẵng thực hiện các công việc liên quan đến Bộ phận Một cửa.

Trong thời gian qua, Bộ phận Một cửa đã triển khai các hoạt động: (i) Tiếp nhận đơn đăng ký SHCN và các công văn, tài liệu liên quan đến thủ tục hành chính theo yêu cầu của Người nộp đơn; (ii) Phối hợp với các đơn vị thực hiện thủ tục hành chính để giải quyết các thủ tục hành chính; (iii) Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tổng hợp, thống kê và báo cáo tình hình tiếp nhận thủ tục hành chính liên quan đến đơn đăng ký SHCN định kỳ và đột xuất theo yêu cầu; (iv) Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng trình Lãnh đạo Cục phê duyệt và ban hành các mẫu Phiếu đánh giá, các biểu mẫu trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính dành cho tổ chức, cá nhân; đánh giá mức độ hài lòng... (v) Chính thức triển khai hoạt động Bộ phận tư vấn - hướng dẫn thủ tục đăng ký SHCN (gọi tắt là Bộ phận IP Help Desk) của Cục SHTT từ ngày 01/12/2020.

Việc kiện toàn và triển khai hoạt động của Bộ phận Một cửa tại Cục SHTT nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động tư vấn, hướng dẫn và tiếp nhận đơn liên quan đến việc xác lập quyền SHCN và trả kết quả, phù hợp với tinh thần cải cách hành chính và có hiệu quả theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

In 2020, IP Viet Nam received 125,689 applications of all kinds (an increase by 4.1% compared to 2019).

Application receiving

- 76,720 applications for registration of industrial property rights (increased by 1.3% compared to 2019), including: 8,368 applications for inventions/ utility solutions; 3,213 for industrial designs; 55,579 for national trademarks; 9,251 for international trademark applications under the Madrid System originated from Viet Nam; 22 for geographical indications (GI); 287 for international applications originated from Viet Nam;

- The number of other requests was 48,969, including 3,702 requests for application amendments; 1,317 requests for application transfers; 1,989 requests for re-grants/duplicates of protection titles; 10,962 requests for renewals of protection titles; 4,196 requests for renewals of international protection titles originated from Viet Nam; 7,617 requests for amendments of protection titles; 11,000 requests for maintenance of protection titles' validity; 2,494 requests for assignment of protection titles; 439 requests for license of IP rights; 441 requests for termination/ cancellation of protection titles; 1344 requests for appeals; 2 requests for searches; 2,099 requests for opposition of granting protection titles and 1,367 other requests.

Processing application

The IP Viet Nam has processed 113,476 applications of all kinds, including:

- 71,829 registration applications for establishment of industrial property rights (increase 10.5% compared to 2019), including: 7,155 applications for invention/utility solutions; 2,869 residential registration applications; 51,311 national trademark applications and 10,191 international trademark applications were registered through the Madrid System; 22 GI applications and 281 international registration applications originating in Vietnam;

- 41,647 other applications / requests, including: amendment, assignment or objection to the grant of an application: 6,817; re-issue of protection titles: 1,572; Extension of protection titles: 9,553; modification of protection titles: 5,815; maintain the effectiveness of protection titles: 11,866; transfer of protection titles: 2,933; licensing: 563; Termination / invalidation of protection titles: 106; Complaints: 926; other forms of application: 1,496.

Number of Title of Protection issued

In 2020, IP Viet Nam granted 48,072 IP protections (an increase by 18.1% compared to 2019), including 4,597 invention patents/ utility solution patents; 2,066 industrial designs patents; 33,700 national trademark registrations; 7,688 international trademark registrations; 21 geographical indication registrations.

Single-Window System (One-Stop Department) at the Intellectual Property Office Of Vietnam

Upon the request of the Minister of Science and Technology of Vietnam on implementation of a single-window and interlinked single-window system for handling administrative procedures, IP Viet Nam have issued documents related to the establishment and operation of the One-Stop Department. The Registration Division coordinated with General Administration Office, Branch Office in Ho Chi Minh City and Branch Office in Da Nang City to implement the Single-Window System. Up to this point, specific operations of the Single-Window System are as follows:

- (i) Receiving industrial property registration applications and official documents of Applicants;
- (ii) Coordinating with administrative units to perform administrative procedures;
- (iii) Coordinating with relevant units to collect statistics and make periodic reports or occasional by request reports on registration of industrial property;
- (iv) Coordinating with relevant units to develop and submit for approval by the leaders of IP Viet Nam to issue evaluation forms, forms in the administrative procedure settlement process for organizations and individuals; Satisfaction rating card...
- (v) Since December 1, 2020, activating the operation of the "IPVN Consulting and guiding industrial property registration procedures unit" (IP HelpDesk Division).

The consolidation and implementation of the Single-Window System at IP Viet Nam to facilitate activities of consulting, guiding and receiving applications related to industrial property rights establishment, as well as informing results to applicants. In addition, it is consistent with the spirit of the administrative reform specified in the Government's Decree 61/2018/ND-CP dated April 23, 2018 on "Implementation of the single-window system and interlinked single-window system for handling administrative procedures".

CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ/GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Năm 2020, trong khi số lượng đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích của các chủ thể nước ngoài nộp vào Cục SHTT giảm 2% so với năm 2019 thì số lượng đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích của các chủ thể Việt Nam tăng 35% so với năm 2019. Đặc biệt, số văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích được cấp năm 2020 tăng 57,3% so với năm 2019.

24

Năm 2020, mặc dù bối cảnh dịch Covid-19 ảnh hưởng đến mọi mặt của đời sống, số lượng đơn đăng ký sáng chế nộp vào Cục SHTT vẫn tăng so với năm 2019. Cụ thể, năm 2020 Cục SHTT đã tiếp nhận 8368 đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, tăng khoảng 3,1% so với năm 2019. Trong khi số lượng đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích của các chủ thể nước ngoài giảm 2% thì số lượng đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích của các chủ thể Việt Nam tăng 35% (1505 đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích năm 2020 so với 1115 đơn năm 2019). Điều này chứng tỏ rằng nhu cầu và nhận thức về việc bảo vệ quyền đối với sáng chế của các tổ chức và cá nhân trong nước đã có sự gia tăng đáng kể. Đây cũng là kết quả từ các nỗ lực của Cục SHTT trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về việc bảo vệ quyền SHTT, tập huấn kỹ năng tra cứu thông tin và viết bản mô tả sáng chế cho các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và các nhà nghiên cứu.

Với mục tiêu đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội, Cục SHTT đã triển khai nhiều giải pháp để tăng năng suất xử lý đơn sáng chế. Cục đã tiến hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thẩm định đơn đăng ký sáng chế năm 2010 để phù hợp với các quy định pháp luật mới và bổ sung nội dung liên quan đến thẩm định yêu cầu sửa đổi/chuyển giao đơn, cụ thể hóa trách nhiệm của các chức danh trong quy trình thẩm định đơn. Trung tâm Thẩm định Sáng chế (Cục SHTT) đã thống nhất sử dụng các mẫu công văn trong quá trình thẩm định đơn để đơn giản hóa và chuẩn hóa quy trình thẩm định đơn.

Để nâng cao chất lượng thẩm định sáng chế, Cục đã cung cấp đầy đủ các công cụ tra cứu, tổ chức các buổi tọa đàm, các buổi tham quan thực tế để trao đổi kinh nghiệm chuyên môn và cập nhật kiến thức về các lĩnh vực công nghệ mới cho thẩm định viên. Tọa đàm “Hoàn thiện Quy chế thẩm định và xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng thẩm định đơn đăng ký sáng chế” đã được Trung tâm Thẩm định Sáng chế (Cục SHTT) tổ chức vào tháng 6.2020 nhằm chia sẻ các giải pháp để nâng cao năng suất và đảm bảo chất lượng thẩm định đơn đăng ký sáng chế. Nhằm nâng cao năng lực thẩm định và kiến



Tọa đàm “Hoàn thiện Quy chế thẩm định và xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng thẩm định đơn đăng ký sáng chế”, tháng 6 năm 2020.

Seminar on “Improvement of Examination Manual and Establishment of a Quality Management System for Invention/Utility Solution Application Examination”, June 2020

thức chuyên sâu về công nghệ mới cho thẩm định viên sáng chế và cán bộ các đơn vị trong Cục, khóa đào tạo chuyên sâu về “Xu hướng phát triển công nghệ ứng dụng trên ô tô, xe máy” đã được tổ chức ngày 08 - 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Cục SHTT...

Kết quả, trong năm 2020, số lượng đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích được kết thúc thẩm định nội dung (từ chối hoặc cấp bằng) là 7155 đơn (tăng khoảng 16,1% so với năm 2019). Đặc biệt, số văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích được cấp năm 2020 tăng 57,3% so với năm 2019. Trong giai đoạn thẩm định hình thức, có 7842 đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích được chấp nhận đơn hợp lệ (tăng khoảng 7,15% so với năm 2019). Có tổng số 450 yêu cầu sửa đổi/chuyển giao đơn đăng ký sáng chế được ghi nhận (tăng 59% so với cùng kỳ năm 2019).

Trong khuôn khổ Chương trình RPEM giai đoạn II mở rộng, Cục SHTT đã giao Trung tâm Thẩm định sáng chế triển khai xây dựng Sổ tay hướng dẫn thẩm định và nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng thẩm định sáng chế.

Trong năm 2021, Trung tâm Thẩm định Sáng chế (Cục SHTT) quyết tâm phát huy tính chủ động và sáng tạo trong công việc, triển khai đồng bộ các giải pháp với mục tiêu rút ngắn thời gian thẩm định và nâng cao chất lượng thẩm định đơn đăng ký sáng chế, góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế-xã hội.



HANDLING OF APPLICATIONS FOR PATENT/UTILITY SOLUTION



Giảng viên Trường Đại học Bách khoa Hà Nội giảng bài tại khóa đào tạo chuyên sâu về “Xu hướng phát triển công nghệ ứng dụng trên ô tô, xe máy”

Lecturer of the Hanoi University of Science and Technology at the advanced training course on “Trends of Applied Technology Development for Automobile”

In 2020, while the number of invention/utility solution applications filed with the IP Viet Nam by foreigners decreased by 2%, the number of invention/utility solution applications filed by Vietnamese increased by 35%, in comparison with the year of 2019. Moreover, the number of patents for invention/utility solution protection granted in 2020 increased by 57.3% compared to 2019.

In 2020, although the Covid-19 pandemic impacted all aspects of life, the number of invention/utility solution applications filed with the Intellectual Property Office of Viet Nam (IP Viet Nam) still increased in comparison with the year of 2019. Particularly, in 2020, the IP Viet Nam received 8,368 invention/utility solution applications - an increase of about 3.1% compared to 2019. While the number of invention/utility solution applications filed by foreigners decreased by 2%, the number of invention/utility solution applications filed by Vietnamese increased by 35% (1,505 invention/utility solution applications of 2020 in comparison with 1,115 applications of 2019). It proves that demand and awareness of patent protection of domestic organizations and individuals had been significantly increased. It also was a result of the IP Viet Nam's efforts to outreach and raise awareness of protection of intellectual property rights and to train skills of patent searching and patent description writing for research institutions, universities, businesses and researchers.

In order to meet increasing demands from the society, the IP Viet Nam carried out many solutions to increase productivity of handling patent applications. The IP

Viet Nam amended and supplemented a number of articles of the 2010 Examination Manual of Invention/Utility Solution Applications to comply with new legal provisions as well as to provide for new provisions on examination over requests for amendment/assignment of invention/utility solution applications, and to make clear responsibilities of each title during examination process. The Patent Examination Center (of IP Viet Nam) employed a consistent set of document templates for simplifying and standardizing the examination process of invention/utility solution applications.

In order to improve quality of invention/utility solution application examination, the IP Viet Nam has provided a full range of search tools and organized seminars and field trips for exchanging expertise and updating knowledge of new technology for examiners. In June 2020, the Patent Examination Center organized a seminar on “Improvement of Examination Manual and Establishment of a Quality Management System for Invention/Utility Solution Application Examination” for sharing solutions/practices to improve productivity and quality insurance of invention/utility solution application examination. In order to improve the examination capacity and in-depth knowledge of new technologies for patent examiners and staff of related divisions/centers, the IP Viet Nam organized an advanced training course on “Trends of Applied Technology Development for Automobile” on 8 and 9 September 2020 at its headquarters, etc.

As a result, in 2020, the number of invention/utility solution applications completely substantive examined (refused or granted) was 7,155 (an increase of about 16.1% compared to 2019). In particular, the number of invention / utility solution protection titles granted in 2020 increased by 57.3% compared to 2019. Regarding formality examination, 7,842 invention/utility solution applications were accepted as valid applications (an increase of about 7.15% compared to 2019). There were 450 requests for amendment/assignment of patent applications recorded (an increase of 59% compared to the same period in 2019).

Within framework of the RPEM Program Phase II, the IP Viet Nam has assigned the Patent Examination Center to develop a Guidelines for Invention and Utility Solution Application Examination and to research for solutions to improve efficiency of invention and utility solution application examination quality management.

In 2021, the Patent Examination Center (of IP Viet Nam) shall promote proactivity and creativity at work and comprehensively deploy solutions with the goal to shorten the examination time and improve invention/utility solution application examination quality in order to better contribute to promote innovation activities and socio-economic development.



CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

HANDLING OF APPLICATIONS FOR INDUSTRIAL DESIGNS

Năm 2020 là năm đầu tiên Việt Nam tiếp nhận đơn đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp theo Thỏa ước La Hay.

2020 was the first year Viet Nam received international applications of industrial designs registration under the Hague Agreement on International Registration of Industrial Designs.

Trong năm 2020, mặc dù các khó khăn về nguồn nhân lực và trang thiết bị phục vụ công việc từ những năm trước còn chưa được khắc phục triệt để, đại dịch Covid-19 khiến công việc trong năm có lúc bị gián đoạn, Trung tâm Thẩm định Kiểu dáng công nghiệp (Cục SHTT) vẫn thực hiện được một khối lượng công việc tương đối lớn, hoàn thành và vượt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra từ đầu năm.

Về công tác tiếp nhận đơn, do tình hình Covid-19, số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp (KDCN) nộp theo đường quốc gia đạt 3.213 đơn, giảm 8% so với năm 2019. Năm 2020 là năm đầu tiên Việt Nam tiếp nhận đơn đăng ký quốc tế KDCN theo Thỏa ước La Hay với số lượng đăng ký quốc tế chỉ định Việt Nam là 174, trong đó bao gồm 328 KDCN.

Về công tác xử lý đơn, tổng số lượng đơn kết thúc quá trình xử lý (bao gồm từ chối và chấp nhận bảo hộ) đạt 2.869 đơn, tăng 2,8% so với năm 2019. Số lượng đơn được thẩm định hình thức đạt 3.270 đơn, tăng 4,8% so với năm 2019. Các đơn KDCN nộp trước ngày 01/01/2019 được Trung tâm KDCN tập trung xử lý để tránh tình trạng đơn bị tồn đọng sâu. Về cơ bản, công tác thẩm định đơn KDCN đáp ứng được yêu cầu về số lượng cũng như về tiến độ xử lý đơn. Tất cả các thẩm định viên KDCN đều vượt định mức lao động, trong đó có nhiều thẩm định viên vượt ở mức cao.

Mặc dù đạt được những kết quả đáng ghi nhận nêu trên, song công việc xử lý đơn KDCN vẫn còn tồn tại một số

vấn đề như: chưa giải quyết được dứt điểm lượng đơn tồn đọng từ những năm trước, thời hạn thẩm định hình thức của một số đơn KDCN chưa đúng quy định. Một trong những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế nêu trên là khối lượng công việc rất lớn trong khi trang bị cơ sở vật chất chưa được đáp ứng đầy đủ. Ngoài ra, nguồn nhân lực chưa được bổ sung kịp thời, đầy đủ để bù đắp sự thiếu hụt do một số cán bộ của Trung tâm nghỉ chế độ hưu trí và chuyển công tác trong những năm qua. Việc bổ sung nguồn nhân lực cũng như trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị cho các thẩm định viên là điều cần thiết để có thể nâng cao hiệu quả xử lý đơn KDCN cả về năng suất và chất lượng.

Kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2019, Việt Nam trở thành thành viên chính thức trong Hệ thống La Hay về đăng ký quốc tế KDCN (gọi tắt là Hệ thống). Các cá nhân, tổ chức nước ngoài có thể đăng ký bảo hộ KDCN tại Việt Nam thông qua Hệ thống, đồng thời, các cá nhân, tổ chức trong nước cũng có thể sử dụng Hệ thống để đăng ký bảo hộ KDCN tại các nước là thành viên của Thỏa ước La Hay. Lợi ích của việc sử dụng Hệ thống này là giúp việc đăng ký bảo hộ KDCN tại nhiều quốc gia trở nên đơn giản và tiết kiệm do chỉ cần nộp một đơn đăng ký duy nhất tại Văn phòng quốc tế của Tổ chức SHTT thế giới (WIPO) trong đó chỉ định tới các nước mà người nộp đơn mong muốn KDCN của mình được bảo hộ mà không phải nộp từng đơn riêng lẻ đến từng quốc gia. Để phổ biến về Hệ thống, ngày 25 tháng 11 năm 2020, Cục SHTT đã tổ chức Hội thảo “Hệ thống La Hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp” tại Hà Nội nhằm giới thiệu và phổ biến



In 2020, despite difficulties from the previous year due to lacking human resources and working equipment had not been fully overcome and regular working activities were interrupted by Covid-19 pandemic at certain times, the Industrial Design Examination Center (of IP Viet Nam) still carried out a quite large workload, completed and exceeded the targets and goals set out at the beginning of the year.

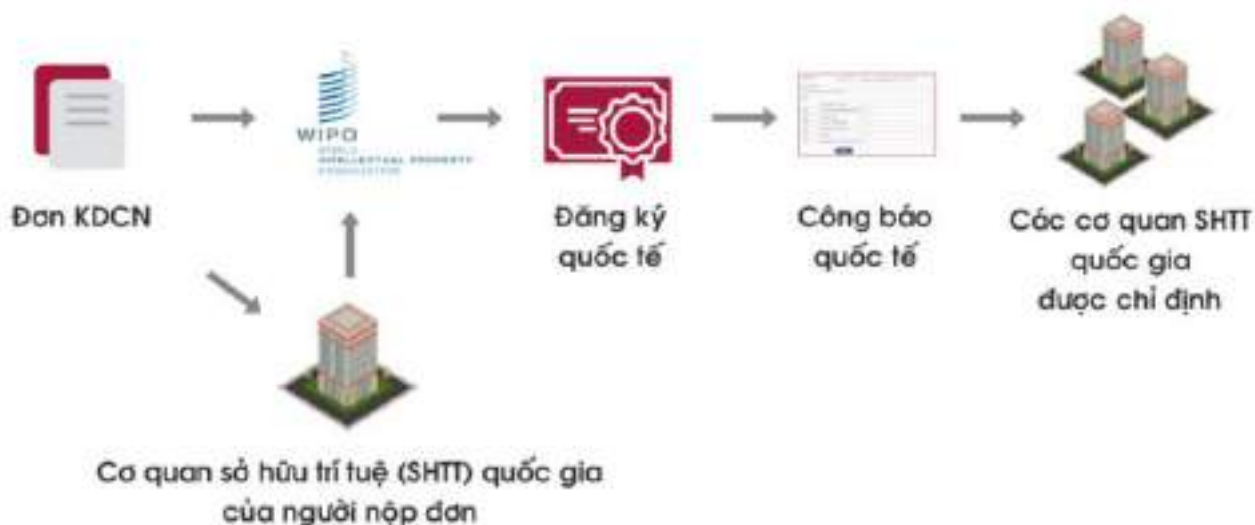
Regarding the receipt of applications, in the context of the Covid-19 situation, the number of applications of industrial design registration filed through national route was 3,213, down 8% compared to 2019. 2020 is the first year Viet Nam received international applications of registration of industrial designs under the Hague Agreement with which the number of international registrations designated Viet Nam was 174, including 328 industrial designs.

Regarding the handling of applications, the number of applications completely prosecuted (refused or granted) was 2,869, up 2.8% compared to 2019. The number of applications completed with formality examination was 3,270, up 4.8% compared to 2019. Industrial design applications filed before 01 January 2019 were intensively handled by the Industrial Design Examination Center to avoid a situation of serious application backlog. In general, the examination of the industrial design applications satisfied requirements in terms of quantity as well as processing time. All industrial design examiners exceeded their required level of labor productivity and many of them well exceeded.

Even though having achieved significant results mentioned above, the handling of industrial design applications still had some problems such as: backlog applications from previous years had not yet been completely resolved and formality examination of a number of industrial design applications did not meet their deadlines in accordance with regulations. One of the reasons for such limitations was a very large workload while the facilities for examination were inadequate. In addition, human resources for the Center had not been timely and fully reinforced to replace the employees retired and left during the years. Reinforced human resources and adequate equipment for examiners are essential to improve efficiency of industrial design application processing both in terms of productivity and quality.

Since 30 December 2019, Viet Nam has become a Contracting Party of the Hague System of International Registration of Industrial Designs (referred to as System). Foreign individuals and organizations can request for industrial design protection in Viet Nam through the System; at the same time, Vietnamese individuals and organizations can also use the System to request for industrial design protection in countries of the Hague Agreement. Benefit of using this System is to make the registration for industrial design protection in many countries simplified and less expensive by filing a single application with International Bureau of the World Intellectual Property Organization (WIPO) to indicate the Contracting Party(ies) in which the applicant seeks protection for his/her industrial design without having to

NỘP THEO THỎA ƯỚC LA HAY



thông tin, kiến thức và cách thức sử dụng hệ thống này. Bên cạnh đó, Cục đã có một loạt các bài viết truyền thông trên Cổng thông tin của Cục, của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan báo chí về Hệ thống, ví dụ Tổng quan về Thỏa ước La Hay liên quan đến đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp, Hướng dẫn đăng ký quốc tế kiểu dáng theo Thỏa ước La Hay, Thỏa ước La Hay: Cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam bước ra quốc tế, Cách thức đăng ký, chuẩn bị hồ sơ kiểu dáng công nghiệp theo Thỏa ước La Hay, Thỏa ước La Hay: Những thách thức thường gặp.

Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2020 và nhằm giải quyết những vấn đề còn tồn tại, trong năm 2021 các cán bộ của Trung tâm Thẩm định KDCN (Cục SHTT) sẽ tiếp tục chủ động, nỗ lực và sáng tạo trong công việc để hoàn thành và vượt mục tiêu đề ra từ đầu năm. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về việc đăng ký quốc tế KDCN theo Thỏa ước La Hay cũng sẽ được tiếp tục thực hiện để thúc đẩy tăng trưởng lượng đơn KDCN.

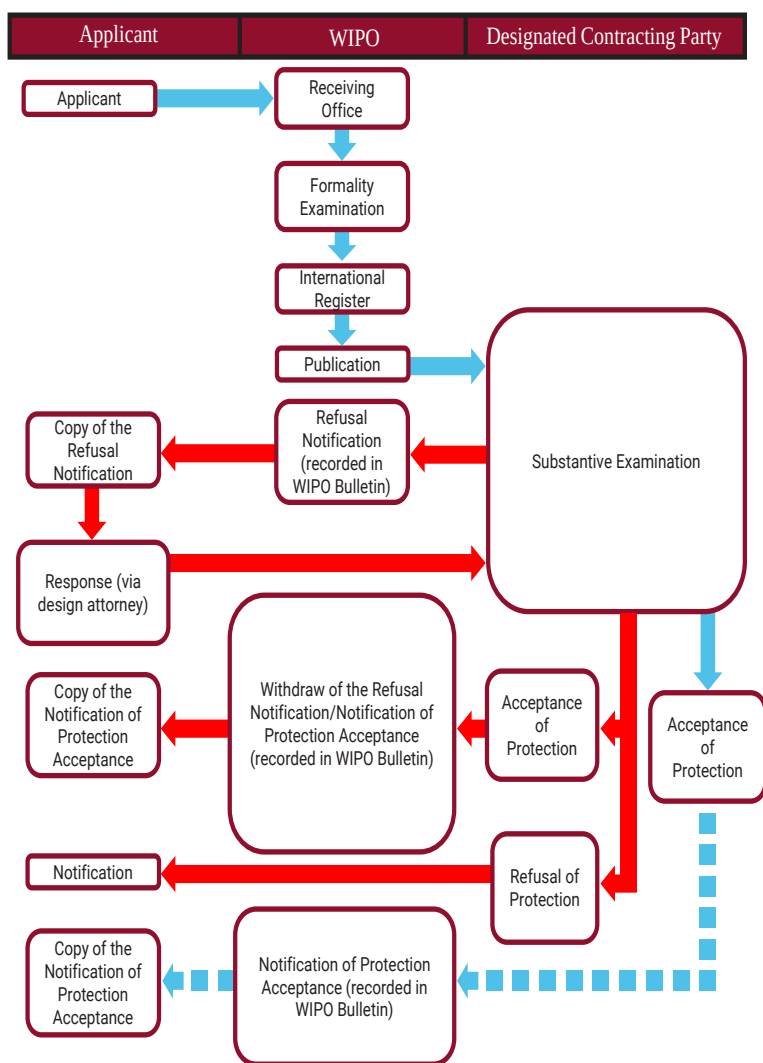
QUY TRÌNH XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ KDCN THEO THỎA ƯỚC LA HAY



INDUSTRIAL DESIGN APPLICATIONS FILED UNDER **THE HAGUE AGREEMENT**



FLOW CHART OF PROCESSING INTERNATIONAL INDUSTRIAL DESIGN APPLICATIONS
UNDER THE HAGUE AGREEMENT



submit separate national applications to each country. In order to disseminate key information, knowledge and usage methods of the System, on 25 November 2020, IP Viet Nam held a Workshop on “The Hague System on International Registration of Industrial Designs” in Ha Noi. In addition, a series of media articles about the System was published on websites of IP Viet Nam, the Ministry of Science and Technology and press agencies, e.g. An Overview of the Hague Agreement on International Registration of Industrial Designs, Guidelines for International Registration of Industrial Designs under the Hague Agreement, The Hague Agreement: Opportunities for Vietnamese enterprises to move abroad, How to Use and Prepare Document for Industrial Design Registration under the Hague Agreement, The Hague Agreement: Frequently Asked Questions.

In order to improve results achieved in 2020 and to solve the remaining problems, in 2021, staff of the Industrial Design Examination Center (of IP Viet Nam) shall continue to be proactive, effortful and creative at work to achieve and exceed the goals set from the beginning of the year. Communication and dissemination activities on international registration of industrial designs under the Hague Agreement will also continue to be carried out to promote the growth of number of industrial design applications.

CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU

Năm 2020, số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu (bao gồm cả nhãn hiệu quốc gia và nhãn hiệu quốc tế) được kết thúc thẩm định nội dung tăng 9,7% so với năm 2019, trong đó số văn bằng bảo hộ cấp ra tăng 16,2%.



Tập thể Khối nhãn hiệu cùng các khách mời chụp ảnh lưu niệm tại Tọa đàm “Những vấn đề cần giải quyết nhằm nâng cao chất lượng thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu”.

Officials of Trademark Examination Center (TEC) and Visitors in Seminar “Issues to be solved to improve the quality of trademark examination”

Trong năm 2020, Cục SHTT tiếp tục chú trọng vào việc nâng cao chất lượng và năng suất thẩm định đơn nhãn hiệu thông qua các giải pháp như: cải tiến thủ tục, quy trình xử lý đơn; thống nhất các nội dung chuyên môn phục vụ việc thẩm định; động viên, khuyến khích các thẩm định viên nâng cao năng suất, tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn.

Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu (bao gồm cả nhãn hiệu quốc gia và nhãn hiệu quốc tế) nộp vào Cục SHTT năm 2020 tăng 1,6% so với năm 2019. Mặc dù gặp phải không ít khó khăn, thách thức về thời gian do giãn cách xã hội trong giai đoạn Covid-19, nhiều trường hợp phải cách ly y tế ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ xử lý đơn, nhưng với tinh thần đoàn kết tập thể, toàn bộ cán bộ, nhân viên của khối Nhãn hiệu (gồm Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu và Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế) đã nỗ lực khắc phục khó khăn bằng nhiều giải pháp như làm thêm giờ, làm thêm vào ngày nghỉ để đảm bảo hoàn thành số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu theo mục tiêu mà Cục đã đề ra. Với những nỗ lực đó, công tác xử lý đơn đăng ký nhãn hiệu trong năm 2020 đã đạt được kết quả đáng kể, cụ thể: việc xử lý các đơn sửa đổi, chuyển nhượng được thực hiện nhanh chóng, đúng thời hạn; thẩm định hình thức đơn về cơ bản bảo đảm đúng thời hạn; số lượng đơn được kết thúc thẩm định nội dung (bao gồm cả nhãn hiệu quốc gia và nhãn hiệu quốc tế) tăng 9,7% so với năm 2019, trong đó số văn bằng bảo hộ cấp ra tăng 16,2%.

Ngoài công tác thẩm định đơn, khối Nhãn hiệu đã tích cực tham gia vào các hoạt động chuyên môn như tham gia Tổ Công tác về nhãn hiệu của ASEAN, cho ý kiến chuyên môn đối với các sửa đổi, bổ sung của Bảng phân

loại quốc tế về hàng hóa, dịch vụ theo Thỏa ước Nixơ phiên bản 11-2021 để chính thức áp dụng từ 01/01/2021 cùng thời điểm với WIPO.

Để nâng cao chất lượng thẩm định, khối Nhãn hiệu đã phối hợp tổ chức một số buổi tọa đàm chuyên môn để thống nhất quan điểm thẩm định, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình xử lý đơn. Ngày 31/10/2020, Tọa đàm với chủ đề “Những vấn đề cần giải quyết nhằm nâng cao chất lượng thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu” đã được Cục SHTT tổ chức. Cục cũng đã triển khai các khóa đào tạo chuyên sâu về thẩm định kiểu dáng công nghiệp và thẩm định nhãn hiệu dành cho cán bộ Cục SHTT, trong đó Khóa đào tạo chuyên sâu về thẩm định nhãn hiệu được tổ chức với mục đích cung cấp cho các học viên thực tiễn đánh giá tính tương tự của nhãn hiệu trong hoạt động xử lý xâm phạm quyền SHTT. Các cán bộ có kinh nghiệm đến từ Phòng Thực thi & Giải quyết khiếu nại của Cục và các chuyên gia đến từ các cơ quan thực thi đã nhiệt tình tham gia trình bày tại Khóa đào tạo. Thông qua những ví dụ điển hình do giảng viên cung cấp, học viên được hiểu rõ hơn về cơ sở xác định hành vi xâm phạm quyền cũng như các hình thức xâm phạm thường xảy ra trong thực tế, quan điểm và nghiệp vụ đánh giá xâm phạm quyền của các cơ quan thực thi để có những thông tin xác thực, góp phần nâng cao chất lượng công tác thẩm định nhãn hiệu.

Trong năm 2021 sắp tới, khối Nhãn hiệu sẽ triển khai sử dụng các công cụ tra cứu trên nền tảng trí tuệ nhân tạo để đẩy nhanh tốc độ tra cứu phục vụ thẩm định, nghiên cứu xây dựng Bảng mã hàng hóa, dịch vụ tương tự và một số giải pháp khác để tăng năng suất đồng thời đảm bảo chất lượng xử lý đơn.

HANDLING OF APPLICATIONS FOR TRADEMARKS

The handling of trademark applications in 2020 achieved significant results. The number of applications for national and international trademarks with completed substantive examination increased by 9.7% in comparison with 2019, of which the number of protection titles granted increased by 16.2%.



Cục trưởng Đinh Hữu Phí trao giấy chứng nhận nhãn hiệu cho các sản phẩm tiêu biểu của tỉnh Hưng Yên
Director General Dinh Huu Phi awarded trademark certificates for specialty products of Hung Yen province

In 2020, IP Viet Nam focused on improving the quality and productivity of examination through various solutions, such as improving procedures and methods of handling applications; reaching consensuses on professional contents relating to trademark examination; and encouraging examiners to improve their productivity as well as actively participate in professional activities.

In 2020, the number of applications for national and international trademarks filed with IP Viet Nam increased by 1.6% compared to 2019. Despite difficulties relating to social distancing during the Covid-19 (which caused a significant impact on the application examination process due to many employees had to be put under self-quarantine), the staff of the Trademark Examination Center and the Geographical Indication and International Trademark Examination Center have endeavored to overcome with various measures such as working overtime and working on holidays to complete the number of examined trademark applications as the Office had planned. Consequently, the handling of trademark applications in 2020 achieved significant results, including: requests for amendment and licensing was prosecuted quickly and on time; formality examination was basically on time; the number of applications for national and

international trademarks with completed substantive examination increased by 9.7% in comparison with 2019, of which the number of protection titles granted increased by 16.2%.

In addition to performing trademark examination for regular work at the Office, trademark examiners also participated in other professional activities, such as joining the ASEAN Trademark Taskforce and providing comments on amendments and supplements of the Vietnamese version of the Nice Classification of Goods and Services (version 11-2020), etc.

In order to improve the quality of trademark examination, the Trademark Examination Center has coordinated to organize a number of professional seminars to reach consensuses on professional contents relating to trademark examination. On October 31, 2020, the seminar of "Issues to be solved to improve the quality of trademark examination" was organized by the IP Viet Nam. IP Viet Nam also launched Staff training courses on industrial design and trademark examination, in which an intensive training on trademark examination was to provide the trainees practical understanding for assessing trademarks similarity in dealing with IPR infringement. The event had the earnest participation of senior officials from the Enforcement and Appeal Division and experts from the enforcement agencies. Through particular examples provided by lecturers, students have a better understanding of the basis of identifying rights infringements, types of infringements that often occur in real life, perspectives and operational assessments of enforcement agencies.

In 2021, the Trademark Examination Center will deploy search tools that use artificial intelligence to speed up the search engine. The center will also encode the classification of similar goods and services in order to increase productivity and quality of application examination.



TÌNH HÌNH BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

PROTECTION OF
GEOGRAPHICAL INDICATIONS

Năm 2020, mặc dù bối cảnh thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, biến động nhưng số lượng đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được tiếp nhận và giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý được cấp đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

Cơ cấu sản phẩm được bảo hộ: Chủ yếu là nông sản

Năm 2020, Cục SHTT tiếp nhận 22 đơn và cấp 21 giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý. Tương tự các năm trước đây, cơ cấu sản phẩm các chỉ dẫn địa lý được cấp Giấy chứng nhận đăng ký trong năm vừa qua không có nhiều thay đổi, chủ yếu vẫn là các sản phẩm nông nghiệp, không có sản phẩm chế biến. Các sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý trong năm đều là các sản phẩm tươi sống, trong đó có 06 sản phẩm là hoa quả tươi (sầu riêng Cái Mơn, na dai Lục Nam, thanh long Châu Thành Long An, cam Hàm Yên, bưởi Khả Lĩnh, khóm Cầu Đức), 03 sản phẩm thủy hải sản (tôm hùm Phú Yên, ba ba Văn Chấn, yến sào Khánh Hòa), còn lại các nông sản khác bao gồm gia vị, động vật tươi sống và gạo (tôi An Thịnh, tỏi Lý Sơn, thảo quả Vị Xuyên, quế Trà Bồng, vịt Cổ Lũng và gạo Ba Chẽ Mang Yang).

Các tổ chức nộp đơn đăng ký và quản lý các chỉ dẫn địa lý được nộp trong năm 2020 vẫn là các cơ quan hành chính nhà nước bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp huyện/ thành phố trực thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các sở Khoa học và Công nghệ, sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong đó Ủy ban nhân dân cấp huyện/ thành phố trực thuộc tỉnh vẫn là tổ chức nộp đơn và quản lý số lượng chỉ dẫn địa lý lớn nhất (với 09 chỉ dẫn địa lý). Điều này cho thấy sự tham gia của các hội nghề nghiệp, các tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm chỉ dẫn địa lý vào quá trình xây dựng hồ sơ đăng ký và quản lý chỉ dẫn địa lý vẫn còn rất hạn chế.

Như vậy, tính đến hết năm 2020, Việt Nam đã bảo hộ 94 chỉ dẫn địa lý trong đó có 88 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam và 06 chỉ dẫn địa lý của nước ngoài. Và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) (chính thức được Quốc hội của hai Bên phê chuẩn, có hiệu lực vào ngày 01/08/2020) cũng đã mở ra “cơ hội vàng” cho 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam khi được chính thức bảo hộ và hưởng các ưu đãi thuế quan trong xuất khẩu tại Liên minh châu Âu. Đồng thời, theo Hiệp định này, Việt Nam đã bảo hộ thêm 169 chỉ dẫn địa lý của Liên minh châu Âu. Do ảnh hưởng của những khó khăn chung trên toàn thế giới trong năm 2020, các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam chưa phát huy được những lợi thế sau khi được bảo hộ tại Liên minh châu Âu.

Yêu cầu đổi mới phương thức quản lý

Tuy nhiên, để tận dụng hết được những lợi thế mà chỉ dẫn địa lý mang lại, cần có các chính sách thúc đẩy và đổi mới trong phương thức quản lý chỉ dẫn địa lý.



Sản phẩm tôm hùm bông “Phú Yên” đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên là tổ chức quản lý. Nguồn ảnh: Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam.

GI “Phu Yen” for panulirus ornatus (lobster) obtained protection in 2020. This GI is managed by the People’s Committee of Phu Yen. Photo source: Viet Nam Institute of Agricultural Sciences.

Một mặt, các quy định chính sách bảo hộ chỉ dẫn địa lý cần phù hợp với bản chất của chỉ dẫn địa lý - là tài sản trí tuệ chung của cộng đồng những người sản xuất sản phẩm gắn với khu vực địa lý tương ứng. Mặt khác, các quy định cần phải xác định rõ vai trò của các cơ quan quản lý Nhà nước là điều phối chung nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích và công bằng xã hội trong việc xây dựng, đăng ký, quản lý chỉ dẫn địa lý chứ không phải là chủ sở hữu.

Yêu cầu thay đổi này sẽ dẫn tới đòi hỏi phải thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng cư dân, các nhà sản xuất sản phẩm vào tiến trình đăng ký quản lý chỉ dẫn địa lý (thay cho tình trạng chủ yếu các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện như hiện nay), đưa tiến trình đăng ký chỉ dẫn địa lý về đúng với nhu cầu thực tế của cộng đồng, xã hội. Điều này cũng sẽ đòi hỏi sự thay đổi trong các chương trình hỗ trợ phát triển chỉ dẫn địa lý, đó là cần tập trung vào hoạt động nâng cao năng lực cho các tổ chức tập thể, các tổ chức đại diện cho cộng đồng dân cư, các nhà sản xuất và kinh doanh sản phẩm chỉ dẫn địa lý thay vì hỗ trợ xây dựng hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý và thiết lập hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý như hiện nay.

Mặt khác, đối với các chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ, các tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý hiện nay (nhà nước trực tiếp quản lý hoặc trao quyền quản lý CDĐL cho tổ chức đại diện quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDĐL) cần thay đổi phương pháp tiếp cận: hỗ trợ cộng đồng cư dân, các nhà sản xuất thành lập các tổ chức tập thể để quản lý chỉ dẫn địa lý nếu tổ chức tập thể chưa được hình thành; hoặc củng cố, nâng cao năng lực nếu tổ chức tập thể chưa đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện vai trò của chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý.

Tất cả những đòi hỏi đó đặt ra yêu cầu phải sửa đổi các quy định hiện hành về quản lý chỉ dẫn địa lý. Hiện nay, quá trình sửa đổi các quy định pháp luật về SHTT trong đó có các nội dung về chỉ dẫn địa lý đang được gấp rút hoàn thành. Hi vọng năm 2021 sẽ là năm bản lề đánh dấu sự thay đổi mang tính bước nhảy về chất trong các quy định về tiến trình bảo hộ chỉ dẫn địa lý, từ đó phát huy hơn nữa lợi thế mà chỉ dẫn địa lý mang lại.



Vải thiều Lục Ngạn là một trong ba nông sản của Việt Nam được Cục SHTT làm thủ tục, hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý vào thị trường Nhật Bản. Ảnh: Người dân thu hoạch vải tại Lục Ngạn, Bắc Giang. Ảnh: Lê Hiếu/Báo KH&PT.

Luc Ngan Lychee - one of three agricultural products under process of registration for GI protection in Japan (with assistance of IP Viet Nam in preparation of application dossier). Photo: Harvesting lychee in Luc Ngan, Bac Giang. Photo: Le Hieu / Science and Technology Development Newspaper.

Protection structure by product: Mainly agricultural products

In 2020, the IP Viet Nam received 22 GI applications and granted 21 GI registration certificates. Similar to previous years, the structure of products bearing GIs protected in 2020 did not change much, mainly agricultural products and no processed products. Such agricultural products were all fresh products, of which 06 products were fresh fruits (Cai Mon Durian, Luc Nam Custard-apple, Chau Thanh Long An Dragon Fruit, Ham Yen Orange, Kha Linh Pomelo, Cau Duc Pineapple), 03 seafood products (Phu Yen panulirus ornatus (lobster), Van Chan Tortoise, Khanh Hoa Salanganes Nest (bird's nest)), the rest of other agricultural products included spices, fresh animals and rice (An Thinh Garlic, Ly Son Garlic, Vi Xuyen Cardamom, Tra Bong Cinnamon, Co Lung duck and Ba Cham Mang Yang Rice).

Organizations filed GI registration applications and managed protected GIs in 2020 were State administrative authorities, including: People's Committees of districts / cities directly under the province, People's Committees of provinces, Departments of Science and Technology, and Departments of Agriculture and Rural Development. The largest number of GIs filed and managed by the People's Committee of districts/cities directly under the province (09 GIs). It showed that the participation of professional associations, manufacturers and traders of GI products in the process of preparation of GI registration dossiers and management of GIs was still very limited.

As a result, by the end of 2020, Viet Nam has protected 94 GIs, including 88 Vietnamese and 06 foreign GIs. The Viet Nam - EU Free Trade Agreement (EVFTA) (officially ratified by the National Assemblies of both sides, effective on 01 August 2020) has also opened up a "golden opportunity" for 39 Vietnamese GIs for being officially protected and enjoying tariff preferences in exports in EU. At the same time, Viet Nam protected 169 GIs of EU, under this

Despite many difficulties and disruptions around the world and in Viet Nam in 2020, the numbers of received applications for geographical indication (GI) registration and granted GI registration certificates reached the highest levels ever.

Agreement. Due to effects of global difficulties in 2020, such 39 Vietnamese GIs have not fully brought about advantages after being protected in EU.

Requirement of renovation of GI management methods

In order to take full advantage of benefits of GI protection, it is necessary to have policies to promote and renovate methods of GI management.

On one hand, provisions on GI protection policies should be consistent with the nature of geographical indications as a commonly shared intellectual property of the community of product producers associated with the respective geographic area. Such provisions should clearly define state administrative agencies instead of GIs' owners with the role of a general coordinator to ensure the harmonization of interests and social justice in GI development, registration and management.

Such changes will require to encourage resident communities and product producers to participate in the GI registration process (currently this process was mainly carried out by state administrative agencies), putting this process at the right place where there are actual needs of communities and the society. It will also require a change in programs to support the development of GIs with a focus on capacity building activities for collective organizations, representative organizations of communities, GI producers and GI traders instead of only providing supports to develop GI registration dossiers or to establish the GI management systems.

On the other hand, regarding protected GIs, the current GI management organizations (which can either be State administrative authorities or organizations who represent interests of GI right user entities and were authorized by the State to manage such GI rights) should change their approach method: to support resident communities and producers to establish collective organizations to manage GIs if such kind of collective organizations has not been formed yet; or to consolidate and enhance capacity of GI owners in order for them to adequately perform their role.

All of such changes requires amendments of existing regulations on GI management. Currently, the process of amendments of legal provisions on intellectual property, including GIs is being urgently finalized. Hopefully, 2021 will be a decisive year that marks a leap in quality of regulations on GI protection, thereby better improving advantages brought about by GIs.

ĐÀO TẠO VÀ TUYÊN TRUYỀN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

INTELLECTUAL PROPERTY TRAINING AND PUBLIC AWARENESS ACTIVITIES

Thích ứng với bối cảnh đại dịch, hoạt động nghiên cứu, đào tạo và tuyên truyền của Cục SHTT linh hoạt kết hợp giữa hình thức trực tuyến và trực tiếp, đảm bảo các nội dung bám sát nhu cầu thực tiễn của công chúng xã hội.



Hội thảo “Sở hữu trí tuệ với khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” trong khuôn khổ Ngày hội khởi nghiệp quốc gia 2020.

Conference on Intellectual property and startup, at Techfest 2020.

Hoạt động đào tạo: dẫn đi vào chiều sâu

Năm 2020, chịu ảnh hưởng lan rộng của đại dịch Covid-19, hoạt động đào tạo, tập huấn về SHTT tuy giảm thiểu về số lượng nhưng vẫn đạt được những kết quả tích cực, với nội dung đào tạo đi vào chiều sâu và bám sát nhu cầu thực tiễn. Với 44 khóa đào tạo, tập huấn nội dung phong phú, thu hút hơn 3.100 lượt người tham dự, hoạt

động đào tạo, tập huấn trong năm qua đã đáp ứng nhu cầu của nhiều nhóm khác nhau: nhóm cán bộ quản lý nhà nước về SHTT cần kiến thức chuyên môn chuyên sâu; nhóm các đơn vị có liên quan cần nắm kiến thức cơ bản về quản lý, khai thác quyền SHTT; và nhóm sinh viên các trường đại học nhằm chuẩn bị thông tin về SHTT cho thị trường lao động.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ Cục SHTT tiếp tục được đặc biệt chú trọng. Cục đã tổ chức 01 khóa bồi dưỡng cơ bản kiến thức về SHTT và 03 khóa tập huấn nâng cao về kỹ năng thẩm định đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu cho các thẩm định viên và cán bộ các đơn vị liên quan của Cục SHTT. Bên cạnh đó, một số khóa đào tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế được thực hiện chủ yếu dưới hình thức trực tuyến, với chủ đề đa dạng, cập nhật, giúp các cán bộ tham dự nắm bắt kịp thời xu thế phát triển của hệ thống SHTT thế giới.

Để nâng cao kỹ năng làm việc cho cán bộ, Cục đã mời chuyên gia có kinh nghiệm tới tập huấn, bồi dưỡng về quản lý nhà nước, đấu thầu qua mạng, quản lý dự án công nghệ thông tin, quản lý tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin. Đây cũng là những nội dung cần thiết để nâng cao

Ảnh/Photo by: Shutterstock.com.

To adapt with the context of Covid-19 pandemic, research, training and public awareness activities by IP Viet Nam were conducted flexibly, combining between online and in-person modes, ensuring the contents closely meet with practical needs of the public.



Cục trưởng Đinh Hữu Phí khai giảng Khóa đào tạo chuyên sâu về SHTT do Cục SHTT phối hợp với Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tổ chức tháng 9/2020.

Director Dinh Huu Phi delivered the opening speech of Intensive Training Course on Intellectual Property organized by IPVN in collaboration with Ho Chi Minh City University of Law in September 2020.

Intellectual property training to be more in-depth

In 2020, being suffered from Covid-19, the number of training courses on intellectual property decreased but positive outcomes were achieved with contents that were more in-depth and better met the needs of the society. Forty-four training courses held on various topics with the participation of over 3,100 people satisfied demands of different groups, i.e: advanced knowledge for public IP professionals, basic knowledge on management and utilization of IP for concerning staff, and IP information for university students who were to join the labor market in a near future.

Professional training on IP for IP Viet Nam staff continued to be paid special attention to with one basic training course and three specialized courses on patent, design and trademark examination skills for examiners and other staff. In addition, some training courses under different international cooperation frameworks conducted online on various interesting and up-to-date topics brought the trainees information on the latest development of the international IP system.

To strengthen working skills for staff, IP Viet Nam invited experienced trainers to coach on topics of

năng lực cho cán bộ, nhằm đáp ứng được các đòi hỏi ngày càng cao của công việc trong thời gian tới.

Hoạt động đào tạo, cập nhật, nâng cao kiến thức về SHTT cho các đơn vị khác trong hệ thống các cơ quan liên quan tiếp tục được duy trì đảm bảo. Cục đã tổ chức 01 lớp tập huấn kiến thức cơ bản về SHTT cho hơn 60 cán bộ làm công tác quản lý khoa học và công nghệ, SHTT địa phương, 01 lớp tập huấn về tạo lập, quản lý và khai thác quyền SHTT cho đặc sản địa phương trong khuôn khổ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) cho hơn 100 chủ thể tham gia Chương trình OCOP đến từ các tỉnh phía Bắc, giúp SHTT trở thành một công cụ hỗ trợ phát triển chuỗi giá trị các đặc sản vùng miền.

Cục tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức gần 30 lớp tập huấn, hội nghị về các vấn đề SHTT gắn với hoạt động chuyên môn của các Bộ, ngành, địa phương cho hơn 2000 lượt người tham dự.

Tập huấn về SHTT không chỉ dừng lại ở nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, hoạt động đào tạo, mà còn hướng tới các viện, trường – nơi sở hữu tài sản trí tuệ để chuyển giao cho thị trường và cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường lao động. Các lớp tập huấn về chủ đề bảo hộ quyền SHTT với kết quả nghiên cứu được triển khai tại nhiều trường đại học, viện nghiên cứu ở cả Hà Nội và các tỉnh thành trong cả nước, như Viện Hóa học công nghiệp, Trường đại học Hải Phòng, Trường đại học Tây Nguyên, ... với hơn hàng trăm giảng viên, cán bộ nghiên cứu và sinh viên tham dự đã được tổ chức. Cục đã phối hợp với Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tổ chức Khóa đào tạo dài hạn, chuyên sâu về SHTT tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh giúp cho hơn 100 học viên có đủ kiến thức và kỹ năng thực hiện hoạt động tư vấn hoặc chuyên môn sâu về SHTT.

Các chương trình, tài liệu bồi dưỡng về SHTT đang được chuẩn hóa thành các cẩm nang kiến thức về SHTT. Trước mắt, tài liệu đào tạo cho 04 chương trình bồi dưỡng kiến thức cơ bản về SHTT và 01 khóa đào tạo trực tuyến về pháp luật SHTT đang được nỗ lực hoàn thiện để sớm đưa vào sử dụng. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ việc tổ chức đào tạo trực tuyến cũng đang được hoàn thiện và sắp đưa vào vận hành thử nghiệm.

Hoạt động tuyên truyền: nỗ lực vượt thách thức của đại dịch Covid-19

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhiều sự kiện tuyên truyền SHTT truyền thống đã được chuyển sang hình thức trực tuyến. Hưởng ứng Ngày SHTT thế giới 26/4/2020, thay cho các hoạt động cộng đồng quy mô lớn được tổ chức thường niên, Cục đã phát động cán bộ tăng cường viết các bài tuyên truyền, nghiên cứu chuyên sâu về các chủ đề được xã hội quan tâm như SHTT trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, SHTT với trí tuệ nhân tạo, vai trò của quản trị tài sản trí tuệ với phát triển xanh... Những nội dung này được nhiều báo giấy,

báo mạng đăng tải, nhiều phóng sự truyền hình đề cập tới. Thông điệp của Ngày SHTT thế giới 2020 “Đổi mới sáng tạo vì một tương lai xanh” đã lan tỏa rộng khắp trên các kênh thông tin và mạng xã hội.

Hầu hết các hội thảo quốc tế được chuyển thành hình thức trực tuyến và đều được Cục truyền tải thông tin kịp thời cho các chủ thể liên quan đăng ký tham dự. Cục đã tổ chức 04 hội thảo trong nước tiếp cận vấn đề SHTT ở nhiều khía cạnh, thu hút gần 400 lượt người tham dự. Đặc biệt, trong khuôn khổ Ngày hội khởi nghiệp quốc gia Techfest 2020, Hội thảo “SHTT với khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” do Cục chủ trì đã có hàng trăm đại biểu tới tham dự hoặc theo dõi trực tuyến. Bên lề hội thảo còn có các bàn tư vấn và gian hàng giới thiệu về hoạt động SHTT, thu hút được sự quan tâm và tham gia của đông đảo các doanh nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp, các cơ quan quản lý Nhà nước, các trường đại học và viện nghiên cứu.

Có thể nói, tuy số lượng hoạt động tuyên truyền trong năm 2020 bị hạn chế do điều kiện khách quan, nhưng việc mạnh dạn áp dụng những hình thức tổ chức mới, nội dung tiếp cận mới đã góp phần nâng cao chất lượng tuyên truyền, đưa SHTT đến gần hơn nữa với đời sống xã hội và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của cộng đồng, doanh nghiệp.

Hoạt động nghiên cứu khoa học được chú trọng triển khai để có căn cứ lý luận và thực tiễn hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật và giải quyết những vấn đề cấp thiết trong lĩnh vực chuyên môn về SHTT, cụ thể là cung cấp luận cứ cho việc sửa đổi Luật SHTT và gia nhập các hiệp ước quốc tế. Cục đã thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để sửa đổi Luật SHTT nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế” (sẽ kết thúc năm 2021) để phục vụ công tác sửa đổi Luật SHTT. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc gia nhập Hiệp ước Budapest về công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm tiến hành các thủ tục về sáng chế” đã được thực hiện trong năm 2020 phục vụ cho việc Việt Nam gia nhập Hiệp ước này.

Trong thời gian tới, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, vấn đề quản trị tài sản trí tuệ sẽ ngày càng được quan tâm đặc biệt. Điều đó đòi hỏi công tác đào tạo, tuyên truyền về SHTT phải tiếp tục phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng của các hình thức đào tạo truyền thống, đồng thời, đẩy mạnh áp dụng những hình thức mới, phù hợp với nhu cầu của xã hội và xu thế phát triển khoa học công nghệ.

state management of IP, online bidding, IT project management, financial management in public service agencies and IT application skills. Those topics were considered necessary to improve capacity of staff to qualify themselves with future higher job requirements.

The training to update and increase knowledge of IP for other relevant agencies continued to be strengthened. During the year, the Office organized one training course on IP basics for more than 60 IP and science, technology managers from different provinces and another course on the acquisition, management and utilization of IP rights for provincial specialties under the One Commune One Product Program (OCOP) with the participation of over 100 OCOP members from Northern provinces, showing the trainees how IP could be a tool to support the development of value chains of regional specialty products.

The Office continued to closely cooperate with relevant ministries, branches and provinces organizing nearly 30 training courses and seminars for more than 2,000 attendees on IP issues that particularly related to functions and responsibilities of such agencies.

Apart from that, IP Viet Nam also conducted training courses for universities and research institutes which provided a large proportion of IP assets available for transfer as well as educated human resources for the labor market. Courses on IP protection for research results were held in many universities and research institutes in Ha Noi and other provinces all over the country, including the Vietnam Institute of Industrial Chemistry, Hai Phong University, Tay Nguyen University, etc., with the participation of hundreds of lecturers, researchers and students. Besides, the Office also collaborated with Ho Chi Minh City University of Law to conduct a long-term and advanced training program on IP in Ha Noi and Ho Chi Minh City, equipping more than 100 students with adequate knowledge and skills in performing consultation and other jobs that required comprehensive understanding of IP.

In addition to the training activities, IP Viet Nam also developed and standardized training curricula and materials on IP. In the short term, four IP basic training curricula and one online training material on IP legislation were under finalization to be in use soon. The IT infrastructure to support online training was under installment and soon in pilot operation.

Public awareness activities: efforts to cope with the Covid-19 pandemic

Due to the Covid-19 outbreak, a number of traditional IP public awareness activities had to shift to virtual mode. To celebrate the World IP Day (26 April), instead of organizing large community activities which had been held for many years, IP Viet Nam urged staff to write news and articles on

socially interested IP topics such as IP in new generation FTAs, IP with AI, role of IP assets administration with green development, etc.. Those contents then rapidly became popular on papers, online newspapers and TV reports. The message of the World IP Day 2020 "Innovation for a Green Future" was disseminated on many channels and social networking sites.

Most international seminars and conferences were virtually conducted and timely notified by IP Viet Nam for interested stakeholders to register for participation. There were four domestic seminars on different aspects of IP held with nearly 400 participants. Especially, at Techfest Viet Nam 2020, the seminar "IP with Innovative Startup" hosted by IP Viet Nam attracted hundreds of attendees from both on-site and online settings. On the sidelines of the event, there were help desks and information booths introducing IP activities that received attention of numerous businesses, start-ups, public agencies, universities and institutions.

Although not many IP public awareness activities were conducted in 2020, the introduction of new organizational methods and approaches contributed to improving the quality of the IP public awareness, bringing IP closer to the social life and better responding to the needs of businesses and the community.

Research on IP was also put an emphasis on during the year to provide better practical and theoretical basis for finalizing the mechanism, policies and legislation to address pressing IP issues, specifically providing grounds for the amendment of IP Law and accessions to international treaties. Over the year, the Office carried out a ministry-level researching task, namely "Study on practical and theoretical basis for the amendment of IP Law to serve the actual need and international integration" (to be completed in 2021) and an office-level researching theme to support the accession of Viet Nam to the Budapest Treaty, namely "Study on practical and theoretical basis for the accession to the Budapest Treaty on the International Recognition of the Deposit of Microorganisms for the Purposes of Patent Procedure".

In the coming time, with the rapid development of science and technology and more in-depth international integrations, IP assets administration would gain more and more interests. Thus, IP training and public awareness should be conducted more comprehensively, requiring a higher quality of traditional training forms and an increase in applying new training methods in order to better meet the needs of the society and the development trend of science and technology.



BẢO ĐẢM THÔNG TIN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

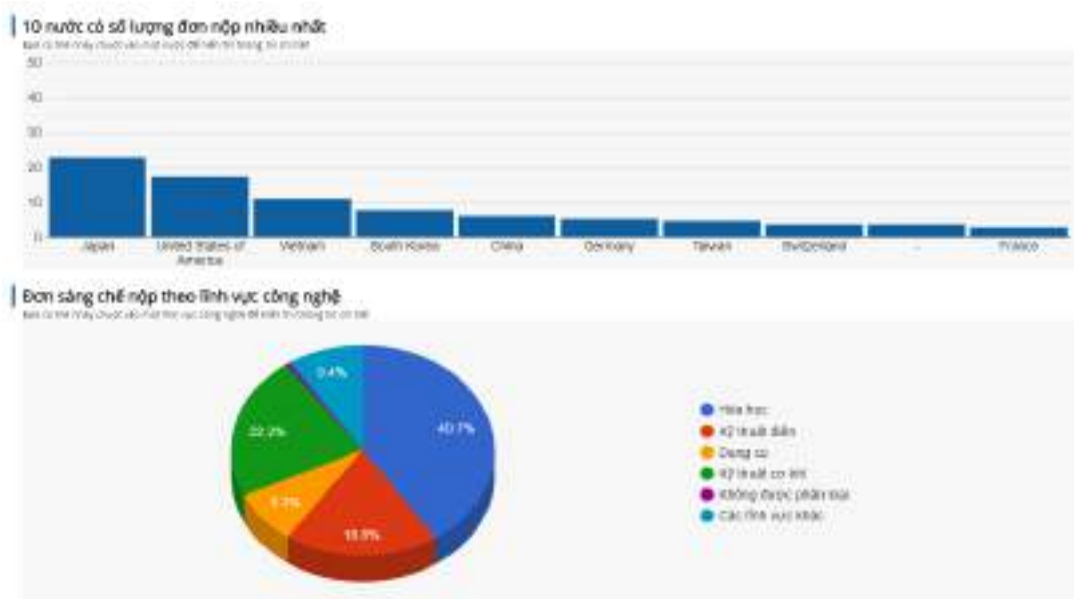
Ảnh/Photo by: Shutterstock.com.

ASSURANCE OF INDUSTRIAL
PROPERTY INFORMATION



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2020
ANNUAL REPORT OF INTELLECTUAL PROPERTY OF VIET NAM 2020

Công tác thông tin SHCN được bảo đảm thông qua việc quản lý, phát triển và bảo đảm nguồn thông tin phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Cục và đáp ứng nhu cầu tra cứu của công chúng.



Giao diện hệ thống tra cứu WIPO PUBLISH. WIPO PUBLISH interface

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Để đáp ứng nhu cầu xác lập quyền SHCN ngày càng tăng của các tổ chức, cá nhân, Cục SHTT đang thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), triển khai xây dựng Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo kế hoạch của Bộ Khoa học và Công nghệ và yêu cầu của Chính phủ trong cải cách thủ tục hành chính.

Năm 2020, số đơn đăng ký SHCN được nộp qua Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của Cục đạt 15.231, tăng 51,8% so với năm 2019 và chiếm 22,7% tổng lượng đơn nộp vào Cục.

Hệ thống quản trị đơn SHCN điện tử (WIPO IPAS) theo Thỏa thuận hợp tác giữa Cục SHTT và Tổ chức SHTT thế giới (WIPO) cho đối tượng Sáng chế và Giải pháp hữu ích đã được thực hiện thành công. Đến cuối năm 2020, hệ thống WIPO IPAS đã quản trị được 03 đối tượng SHCN là Kiểu dáng công nghiệp, Sáng chế và Giải pháp hữu ích.

Các thư viện điện tử về SHCN phục vụ công chúng như IPLib, WIPO PUBLISH được cập nhật định kỳ hàng tháng, đáp ứng nhu cầu tìm kiếm thông tin của công chúng. Cơ sở dữ liệu của hệ thống tra cứu toàn văn bằng độc quyền sáng chế DIGIPAT đã được tích hợp thành công sang hệ thống tra cứu WIPO PUBLISH để phục vụ người tra cứu thông tin hiệu quả hơn (phần mềm sử dụng giao diện dạng web, có tính thẩm mỹ cao, tốc độ tra cứu nhanh và chính xác, người dùng có khả năng cá nhân hóa các trường tra cứu theo nhu cầu sử dụng).

Để tăng cường năng lực CNTT phục vụ công việc chuyên môn, Cục đang tích cực triển khai một số dự án CNTT quan trọng như: Dự án Hiện đại hóa hệ thống CNTT, Dự án Số hóa tài liệu SHCN, Dự án Mua sắm trang thiết bị CNTT. Thông qua các dự án này, Cục SHTT kỳ vọng sẽ thiết lập được một Trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn với các trang thiết bị hiện đại, tạo lập các cơ sở dữ liệu đầy đủ, tin cậy để phục vụ công tác thẩm định đơn đăng ký SHCN.

Đáp ứng nhu cầu tra cứu của công chúng

Năm 2020, Cục SHTT đã xuất bản 12 số Công báo SHCN (từ số 382 đến số 393, mỗi số 06 quyển) dưới dạng điện tử và công bố lên Cổng thông tin điện tử của Cục vào ngày 25 hằng tháng. Tổng số trang công báo năm 2020 là 84.924 trang, tăng 7% so với năm 2019. Cùng với sự thay đổi của hệ thống quản trị đơn SHCN, công đoạn công bố thông tin sáng chế và kiểu dáng công nghiệp đã được thực hiện trên hệ thống WIPO IPAS, nhờ vậy đảm bảo chất lượng và hợp lý hóa quy trình công việc.

Định kỳ hằng tháng, Cục SHTT đăng tải số liệu thống kê số đơn SHCN được nộp và văn bằng bảo hộ được cấp của các địa phương trên Cổng thông tin điện tử. Đáng chú ý là Cục đã hoàn thành trích xuất danh sách đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ SHCN được công bố trong 38 năm qua (từ năm 1982 đến hết năm 2020) của 63 tỉnh thành phố và đăng công khai lên Cổng thông tin điện tử để phục vụ công tác quản lý nhà nước về SHCN của các địa phương cũng như các nhà nghiên cứu và bạn đọc.

Activities of industrial property information were assured with sound management and development, ensuring adequate information to support in-house operations of the Office and satisfy the searching demand of the public.



Hội thảo “Thúc đẩy đăng ký sáng chế từ kết quả nghiên cứu” do Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam phối hợp với Cục SHTT tổ chức tại Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên ngày 23 tháng 10 năm 2020.

The seminar “Promotion of invention registration based on research results” jointly organized in Tay Nguyen Research Institute, 23 October 2020 by the Vietnam Academy of Science and Technology and IP Viet Nam.

Utilization of information technology

To meet the rising need of individuals and organizations for acquisition of industrial property rights, IP Viet Nam was enhancing the utilization of information technology, running online public service level 4 according to plans of the Ministry of Science and Technology and the Government on improving administrative procedures.

In 2020, the number of industrial property filings received by the Office through the online public service were 15,231, an increase of 51.8% in comparison with the number of 2019, accounting for 22.7% of the total filings.

The Modernization of Business Services of the Intellectual Property Office of Viet Nam (WIPO IPAS) Project in cooperation with WIPO successfully completed the module for patents and utility solutions. By the end of 2020, the deployment of WIPO IPAS have concluded with three subjects of patent, utility solution and industrial design, among others.

Industrial property electronic libraries (IPLib, WIPO PUBLISH) were updated monthly to serve social access. The database of full text patents DIGIPAT was successfully migrated into WIPO PUBLISH allowing users to search more effectively (the software used web-based interface with more aesthetics, high speed and accuracy, users allowed to personalize their searches depending on the purpose of use).

To strengthen IT capacity to support in-house operations, IP Viet Nam actively implemented several important IT projects, namely: WIPO IPAS, Digitization of industrial property dossiers and IT procurement. Through these projects, IP Viet Nam would establish a qualified data center with modern IT equipment and an adequate and reliable database to serve industrial property examination.

Responding to the need of public access

In 2020, twelve monthly Industrial Property Gazettes in electronic form were published and uploaded to the office website (from the edition 382 to 393, 06 volumes for each) on the 25th of each month. The total number of pages of all the Gazettes in 2020 was 84,924, an increase of 7% compared to 2019. In line with the industrial property administration system, the publication of patent and industrial design data was all conducted on WIPO IPAS, and thus, ensured the quality and optimality of the overall workflow.

Concerning industrial property statistics, IP Viet Nam monthly published data on applications and registrations by provinces on the office website. It was notable that the Office have compiled a full list of industrial property applications and registrations of 63 provinces and cities having been published in the past 38 years (from 1982 to the end of 2020) and publicly posted on the portal to support IP administration work of localities as well as to make the source available to interested researchers

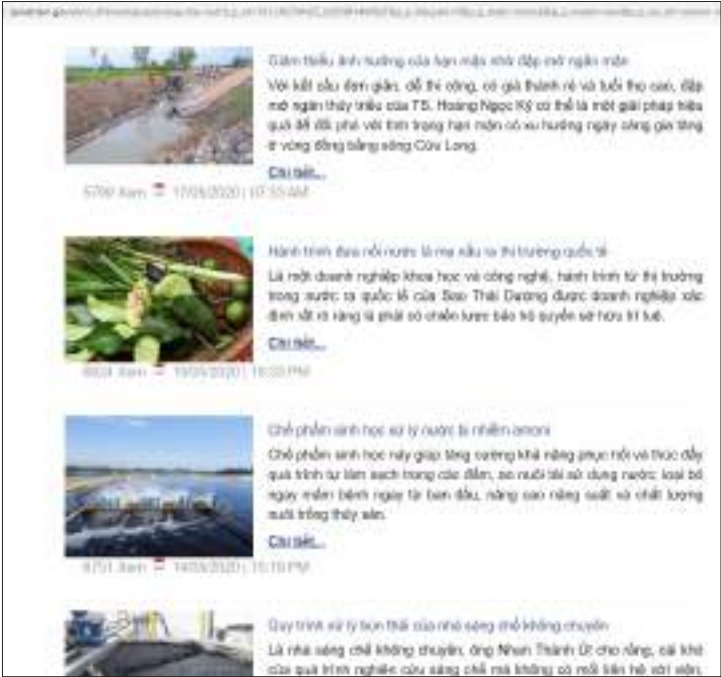
quan tâm. Cục cũng thực hiện tốt việc cung cấp các số liệu thống kê về SHTT theo định kỳ hằng năm, một trong những nguồn dữ liệu dùng làm căn cứ tính toán Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII), để gửi cho WIPO.

Bên cạnh đó, phiên bản mới nhất của bảng phân loại quốc tế về sáng chế (IPC) phiên bản 2021.01 và Bảng phân loại danh mục hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ phiên bản 11-2021 cũng đã được cập nhật và áp dụng cùng thời điểm WIPO áp dụng. Đây là một nỗ lực đáng ghi nhận trong những năm qua để đảm bảo sự đồng nhất về phân loại của đơn đăng ký SHCN từ nước ngoài nộp vào Việt Nam cũng như của đơn Việt Nam nộp ra nước ngoài. Cục đang tiến hành dịch và phê chuẩn danh mục các sản phẩm và dịch vụ thuộc Công cụ quản lý sản phẩm và dịch vụ Madrid của WIPO để hỗ trợ cho công tác nộp đơn nhãn hiệu quốc tế vào Việt Nam và ngược lại.

Thúc đẩy khai thác thông tin SHCN và truyền thông về SHTT

Năm 2020, công tác thư viện SHCN được duy trì ổn định với 244 lượt bạn đọc và 1202 lượt mượn tài liệu. Cục đã tổ chức tập huấn tra cứu thông tin SHCN cho hàng trăm học viên tại Thư viện Cục và tại các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp như ĐH Dược Hà Nội, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, ĐH Nông lâm Thái Nguyên, Tập đoàn Viettel, Công ty Đóng tàu Hạ Long, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Trường Đại học FPT. Cục đã duy trì tốt hoạt động hướng dẫn thực tập về thủ tục đăng ký và kỹ năng tra cứu thông tin SHCN cho các sinh viên năm cuối các trường đại học, chủ yếu trên địa bàn thành phố Hà Nội với số lượng trên 300 em trong năm 2020. Đây là hoạt động được triển khai từ năm 2015 đến nay, mỗi năm có hàng trăm sinh viên được bổ sung kỹ năng, kiến thức về SHTT để phục vụ cho hoạt động đổi mới sáng tạo.

Mặc dù tình hình Covid-19 ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động đào tạo, tuyên truyền, tập huấn về thông tin SHCN nhưng công tác truyền thông về SHTT trong năm 2020 vẫn đạt được những kết quả đáng khích lệ so với năm 2019. Cục đã phối hợp với các đơn vị báo chí, truyền thông trong và ngoài Bộ Khoa học và Công nghệ để tăng cường hoạt động truyền thông theo các chủ đề trọng tâm như ngày SHTT thế giới 26-4, ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18-5, Ngày thành lập Cục SHTT 29-7. Từ đầu năm 2020, chuyên mục “Sáng chế Việt” truyền thông về các sáng chế của chủ thể Việt Nam đã trở thành một nguồn thông tin tham khảo hữu ích cho các doanh nghiệp và bạn đọc quan tâm. Số lượng tin bài đăng trên Cổng thông tin điện tử của Cục năm 2020 tăng trên 50% so với năm 2019. Đặc biệt, với số lượng tin, bài đóng góp cho Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ gia tăng đột biến (từ 127 tin bài năm 2019 lên 297 tin bài năm 2020), Cục SHTT đã trở thành đơn vị đứng đầu trong số các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin cho Cổng thông tin của Bộ.



Một số bài viết trên chuyên mục “Sáng chế Việt”.
Some articles on the column “Vietnamese Patents”

Liên kết viện, trường hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo

Trong năm 2020, công tác phát triển Mạng lưới TISC về Phát triển Mạng lưới các Trung tâm Hỗ trợ công nghệ và đổi mới sáng tạo và IP-HUB về Xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp về SHTT và chuyển giao công nghệ trong viện/trường tiếp tục được thực hiện với việc xây dựng chuyên trang về Mạng lưới TISC và IP-HUB và tích hợp trên Cổng thông tin của Cục. Cục đã duy trì các cuộc họp trực tuyến với nhóm chuyên gia WIPO để phối hợp triển khai các hoạt động theo đúng lộ trình. Năm 2020 Cục đã triển khai 05 Mô đun tập huấn cho các thành viên Mạng lưới tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, tập trung vào các kỹ năng: quản lý tài sản trí tuệ của viện/trường, chuẩn bị hồ sơ đăng ký sáng chế và soạn thảo hợp đồng chuyển giao công nghệ. Hàng trăm lượt tác giả sáng chế và nhà nghiên cứu thuộc các viện/trường/doanh nghiệp thuộc mạng lưới TISC và IP-HUB đã được tư vấn về thủ tục nộp đơn sáng chế, tư vấn viết bản mô tả sáng chế cũng như tra cứu thông tin sáng chế.

Bên cạnh đó, Cục SHTT cũng tích cực tham gia vào các hoạt động nhằm cải thiện Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) và Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) liên quan đến lĩnh vực SHTT, tổ chức nhiều hoạt động đào tạo, truyền thông về SHTT nhằm phục vụ các tổ chức, cá nhân trong hoạt động phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.





**Buổi trò chuyện chuyên đề
“Sở hữu trí tuệ trong lĩnh
vực Dịch vụ - Du lịch – Khách
sạn” tại trường Đại học Kinh
tế - Đại học Đà Nẵng, ngày
06/11/2020.**

The talkshow “Intellectual property in the field of Services - Tourism - Hotels” at University of Economics - Danang University, on 06 November 2020.

and readers. The Office also provided WIPO with yearly IP statistics as one of the sources to calculate the Global Innovation Index (GII).

Besides, the latest version (ver.2021.01) of International Patent Classifications (IPC) and the International Classification of Goods and Services (Nice Classification ver.11-2021) were updated and applied by IP Viet Nam on the same effective date by WIPO. This was a notable effort made by IP Viet Nam over the past years to ensure classification consistency of industrial property applications filed by foreigners with IP Viet Nam as well as those filed by Vietnamese applicants with foreign IP Offices. The Office was translating the list of goods and services under WIPO's Madrid system for approval to support the filing of international trademarks in Viet Nam and vice versa.

Enhancement of industrial property information utilization and IP dissemination

In 2020, public service of industrial property libraries was stabilized with 244 visitors and 1,202 material loans. During the year, IP Vietnam provided training on industrial property search for hundreds of trainees from Hanoi University of Pharmacy, Vietnam Academy of Science and Technology, Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry, Viettel Group, Ha Long Shipbuilding One Member of Responsibility Limited Company, Vietnamese Academy of Forest Sciences and FPT University. The Office also instructed 300 final-year students, mainly from Ha Noi on IP search and registration procedures. This activity was repeatedly conducted since 2015 provided hundreds of students with IP knowledge and skills for innovation and creativity.

Though IP training and dissemination activities were significantly affected by Covid-19, the IP outreach in 2020 still gained encouraging outcomes compared to 2019. The Office in cooperation with media and press agencies within and outside the Ministry of Science and Technology carried out various communication activities

to celebrate the World IP Day (26 April), the Viet Nam Science and Technology Day (18 May) and IP Viet Nam's Anniversary (29 July). Since the beginning of 2020, the column “Vietnamese Patents” which introduced patents of Vietnamese holders became a source of reference for businesses and interested readers. The number of articles posted on the Office website increased by over 50% in 2020 compared to 2019. Remarkably, the number of news and articles contributing to the portal of the Ministry of Science and Technology increased dramatically (from 127 news and articles in 2019 to 297 in 2020), eventually making IP Viet Nam the most frequent contributor among agencies under the Ministry of Science and Technology in providing information to the Ministry's Portal.

Linkage with universities and institutions to support innovation and creativity

In 2020, the task to strengthen TISC network and IP-Hub as well as build up a professional force specialized in IP and technology transfer for universities/institutions continued to be carried out by launching on IP Viet Nam website a column on TISC Network and IP-Hub. The Office maintained online meetings with WIPO experts to implement cooperative activities as planned. Five training modules were conducted in the year for network members in Ha Noi and Ho Chi Minh City with a focus on providing universities/institutions with skills for intellectual property assets management, invention registration profile preparation and drafting technology transfer agreements. Hundreds of inventors and researchers from universities/institutions/businesses being members of TISC network and IP-Hub were advised and consulted on invention registration procedures, patent drafting and patent search.

In addition, IP Viet Nam actively participated in activities that helped improve the Global Innovation Index (GII) and Global Competitiveness Index (GCI) in relation to the field of intellectual property as well as conducted training and dissemination on technology development and innovation for various individuals and organizations



HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TÀI SẢN TRÍ TUỆ

SUPPORTS FOR INTELLECTUAL PROPERTY
ASSETS DEVELOPMENT

Ảnh / Photo by: Shutterstock.com.

Khi dư địa phát triển dựa vào tài nguyên và lao động đang cạn kiệt thì Việt Nam ngày càng phải quan tâm đến vấn đề phát triển tài sản trí tuệ, coi đó là một yếu tố không thể tách rời trong các chính sách phát triển kinh tế, xã hội.

Tổng kết kết quả chung trong giai đoạn 2011-2019:

Đã có 5.000 số phát sáng về SHTT trên các kênh truyền hình ở trung ương và địa phương, 37.000 người được tập huấn, 10.000 lượt người được đào tạo về SHTT. Nếu như giai đoạn 2011-2015, Chương trình chủ yếu tập huấn, đào tạo theo mô hình rộng, cung cấp các kiến thức cơ bản về SHTT cho doanh nghiệp, cộng đồng thì giai đoạn 2017-2019, việc đào tạo đã được nâng lên ở mức độ cao hơn, tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ, quản trị tài sản trí tuệ. Chương trình cũng đã hỗ trợ bảo hộ cho 118 sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc thù của địa phương, 600 lượt doanh nghiệp được hỗ trợ về SHTT, trong đó có nhiều đơn vị, doanh nghiệp lớn điển hình của Việt Nam.

Chương trình cũng đã hỗ trợ bảo hộ, áp dụng thực tiễn sáng chế cho 51 giải pháp kỹ thuật. Một số dự án điển hình có thể kể đến như Dự án “Áp dụng giải pháp hữu ích số 935 về quy trình sản xuất sản phẩm giàu axit béo omega-3 để tạo thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung EPA, DHA chất lượng cao” do Viện Hóa học các Hợp chất thiên nhiên, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam chủ trì thực hiện. Kết quả dự án là áp dụng giải pháp hữu ích để sản xuất thành công viên nang mềm omega-3, đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế tại Thông tư 43/2014/TT-BYT. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nature Việt Nam là doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao giải pháp hữu ích, bố trí kinh phí đối ứng và phân phối sản phẩm. Dự án “Áp dụng sáng chế số 14431 để sản xuất vật liệu và thiết bị xử lý nước uống an toàn sinh học” do Viện Công nghệ môi trường, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam (chủ sở hữu sáng chế) chủ trì thực hiện. Kết quả dự án là sản xuất thành công 3 sản phẩm xử lý nước uống an toàn sinh học theo công nghệ sáng chế với đầu ra là chất lượng nước sau khi lọc đạt yêu cầu theo QCVN 01:2009/BYT, bao gồm Bộ khử trùng nước uống cho dân vùng lũ công suất 10 lít/ngày, bộ thiết bị lọc nước gia đình công suất 100 lít/ngày và cột khử trùng nước công suất 2000 lít/ngày. Công ty cổ phần thương mại gốm sứ Bát Tràng bố trí nhà xưởng và tham gia sản xuất sản phẩm, giới thiệu và phân phối sản phẩm sau khi dự án kết thúc. Dự án áp dụng sáng chế số 10277 để xây dựng mô hình xử lý nước thải cho làng nghề sản xuất bánh đa và miến tại thôn Me, xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình do Viện Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm, trường Đại học Bách khoa chủ trì thực hiện. Kết quả dự án đã thu gom, kiểm soát, xử lý được môi trường nước ô nhiễm từ hệ quả của việc sản xuất thủ công của làng nghề.

Chương trình đã huy động được một nguồn lực lớn từ xã hội để đầu tư cho công tác phát triển TSTT, trong 10 năm vừa qua, nếu như nhà nước đã hỗ trợ cho 118 sản phẩm nông nghiệp chủ lực địa phương, thì có hơn 300 sản phẩm cùng loại được các doanh nghiệp, cộng đồng chủ động bố trí kinh phí, triển khai các hoạt động bảo hộ và khai thác quyền SHTT;

Tuy vậy, hiện nay tiềm lực KH&CN của Việt Nam còn rất khiêm tốn, không chỉ so với các nước phát triển, mà còn so với nhu cầu của một đất nước đang phát triển và trong so sánh ở tầm khu vực. Kết quả nghiên cứu cơ bản và định hướng ứng dụng của các tổ chức KH&CN và các doanh nghiệp KH&CN – vốn có vai trò chủ yếu trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh cho mỗi quốc gia còn ít ỏi – số lượng công bố khoa học xếp thứ 5 trong khu vực ASEAN, sau Malaysia, Singapore, Indonesia và Thái Lan và số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích của người Việt mới bằng 1/10 so với số bằng cấp cho người nước ngoài ở Việt Nam. Chính vì vậy, các chương trình, hoạt động hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, trong đó trọng tâm là Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (Chương trình 68) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm nâng cao nhận thức về tài sản trí tuệ, tăng cường kết nối viện, trường – doanh nghiệp, hỗ trợ khai thác các tài sản vô hình (sáng chế/ giải pháp hữu ích, chỉ dẫn địa lý) thành giá trị kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, tổ chức KH&CN, các địa phương.

Riêng trong năm bản lề 2020:

Năm 2020 là năm cuối cùng để triển khai Chương trình 68. Trong năm bản lề này, các hoạt động tuyên truyền nhằm thúc đẩy việc về sử dụng, phát triển tài sản trí tuệ tiếp tục được tăng cường, thông qua hàng loạt các bài viết, bình luận trên báo chí, truyền hình, hội thảo... nhằm cung cấp cho công chúng những thông tin cụ thể về việc triển khai các kết quả bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ từ Chương trình 68 ở trung ương và địa phương.

Chương trình đã thực sự lan tỏa, được các địa phương, doanh nghiệp, nhà khoa học hưởng ứng, chủ động triển khai. Bên cạnh việc tham gia Chương trình do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều ban hành cơ chế, chính sách, triển khai hoạt động hỗ trợ phát triển TSTT cho các doanh nghiệp, các nhà sản xuất, kinh doanh, cộng đồng của địa phương mình.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược SHTT

As the development of the country has been increasingly constrained due to the depletion of natural resources and the limit of cheap labors, Vietnam has to pay much attention to intellectual property asset development and consider it as an inseparable element in policies on socio-economic development.

Results in the period of 2011-2019:

During this period, there were 5,000 broadcasting times on IP at central and local channels, 37,000 people were trained and 10,000 participants were educated on IP. While in the period of 2011- 2015, the Program mainly focused on education and training at a broad scale by providing basic knowledge on IP for businesses and community, during the period 2017-2019, the training was raised to a higher level with more intensive training courses on management of IP assets. The Program also supported the protection of 118 key and specific agricultural products of localities. The Program has also supported 600 business participants on IP in which there were many big companies.

The Program also supported the protection and application of 51 technical solutions. Some particular projects can be mentioned such as Project on “Application of utility solution No. 935 on the production process of omega-3 fatty acid rich products to create functional foods, high quality EPA and DHA supplements” performed by Institute of Natural Products Chemistry, Viet Nam Academy of Science and Technology. The result of the project was to apply the utility solution to successfully produce omega-3 soft capsules and meet the food safety requirements prescribed by the Ministry of Health in the Circular No.43/2014/TT-BYT. Nature Viet Nam Investment and Development Co.,Ltd was the business that received the transfer of the utility solution, allocated reciprocal funds and distributed products. The Project on “Application of Patent No.14431 to produce materials and equipment for treatment of biosafety drinking water” performed by the Viet Nam Institute of Environmental Technology, Viet Nam Academy of Science and Technology (patent owner). The result of the project was to successfully produce 3 biosafety drinking water treatment products which provide the quality of filtered water that meet with requirements according to QCVN 01:2009/BYT, including the drinking water sterilization Kit for people in flooded areas with capacity of 10 liters per day, a set of home water filters with capacity of 100 liters per day and water disinfection column with capacity of 2,000 liters per day. Bat Trang Ceramics Trading Joint Stock Company provided the factory building and participated in production, introduction and distribution of products after the project finished. The Project on “Application of the patent No. 10277 to build a waste water treatment model for rice and vermicelli production village in Me village, Tan Hoa commune, Hung Ha district, Thai Binh province” performed

by the Institute of Biotechnology and Technology Food, the University of Technology. As a result of the project, the polluted water environment caused by the manual production of craft villages was controlled and treated.

The program mobilized a large amount of social resources to invest in IP assets development. Over past 10 years, while 118 key agricultural products of localities were supported by the government, more than 300 products of the same type were funded by businesses and communities for activities concerning IP protection and exploitation.

However, the current strength of science and technology of Vietnam is still very modest, not only compared to developed countries, but also compared to the demands of a developing country as well as to other countries in the region. Results of basic and application-oriented research of science and technology organizations and science and technology businesses which play a key role in enhancing the competitiveness of each country are minor. The number of scientific publications of Viet Nam ranked 5th in the ASEAN region after Malaysia, Singapore, Indonesia and Thailand. The number of patents and utility solutions of Vietnamese people is 1/10 compared to the number of protection titles granted for foreigners in Vietnam. Therefore, programs and activities in supporting intellectual property asset development in which the Intellectual Property Assets Development Program for the period of 2016-2020 (Program 68) was the centerpiece were very important to raise awareness, strengthen connections among institutes, schools and businesses, support the exploitation of intangible assets (patents/utility solutions, geographical indications) to bring economic value and improve the competitiveness for businesses, science and technology organizations at localities.

The pivotal year of 2020:

2020 was the last year for implementing the Program. In this pivotal year, communication activities to promote the use and development of intellectual property assets continued to be strengthened through a series of articles, comments on newspapers, television, workshops, etc. These activities provided the public with detailed information about the results of the Program on the protection and development of intellectual property assets at the central and local level.



và quản trị tài sản trí tuệ được đẩy mạnh, góp phần giúp doanh nghiệp quản lý và khai thác tốt nguồn tài sản trí tuệ, nhiều mô hình và đã và đang được thực hiện tại các doanh nghiệp và đang dần phát huy hiệu quả như mô hình quản trị tài sản trí tuệ tại Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội, Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam, Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long, Công ty CP Vĩnh Thắng...). Việc Chương trình tập trung hỗ trợ cho các doanh nghiệp cũng khẳng định quan điểm của Bộ KH&CN, Cục SHTT và các Bộ, ngành, địa phương lấy doanh nghiệp làm trọng tâm, động lực phát triển.

Chương trình 68 đã hỗ trợ bảo hộ sáng chế quốc tế cho các nhà khoa học Việt Nam, hỗ trợ khai thác, áp dụng sáng chế cho tổ chức KH&CN như: Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa, Viện Dược liệu... thông qua đó đã góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, gia tăng giá trị tài sản trí tuệ cho xã hội. Nhiều sáng chế trong số đó đã được thương mại hóa thành công, được người tiêu dùng trong nước đón nhận và tin tưởng.

Điểm đáng ghi nhận tiếp theo là Chương trình 68 đã tăng cường hỗ trợ bảo hộ, quản lý tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp, gồm có 20 sản phẩm chủ lực, đặc thù địa phương như: Cam Cao Phong, tỉnh Hòa Bình; Bưởi năm roi Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; Tôm sú Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Khóm Cầu Đúc Hậu Giang; Cam Hà Giang, tỉnh Hà Giang; Yến sào Cù Lao Chàm - Hội An, tỉnh Quảng Nam; Tôm hùm bông Phú Yên, tỉnh Phú Yên; Dấu trà m Huế; Cam Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Bảo hộ, quản lý và phát triển TSTT đã trở thành một trong các nhiệm vụ, giải pháp quan trọng được quy định, đề cập, lồng ghép trong nhiều văn bản, Chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm nói riêng, như: Đề án phát triển thương hiệu gạo của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ), Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010), Chương trình phát triển công nghệ cao đến năm 2020 (Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010) và Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2020 (Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/8/2014), Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020 (Quyết định 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018) và rất nhiều các văn bản ban hành các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ và các địa phương trên cả nước.

Hoạt động hỗ trợ địa phương bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ tiếp tục được tích cực triển khai. 317 nhiệm vụ được phê duyệt triển khai trong giai đoạn 2018-2020 về bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực địa phương, chương trình mỗi xã phường một sản phẩm (OCOP) đã được Cục SHTT sự hỗ trợ, dưới hình thức quản lý, đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ phù



Kết quả Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2019



Lớp tập huấn kiến thức cơ bản về SHTT dành cho cán bộ làm công tác SHTT đi khảo sát thực tế tại Trung tâm dịch vụ và đổi mới công nghệ - Khu công nghệ cao Hoà Lạc.

Training course on basic knowledge of intellectual property for intellectual property officers in the field survey at the Service and Technology Innovation Center - Hoa Lac Hi-Tech Park

hợp với quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN trong lĩnh vực SHTT. Hoạt động SHTT tại các địa phương đã đem lại hiệu quả rất thiết thực, các tổ chức, doanh nghiệp và hộ kinh doanh đã quan tâm đến việc đăng ký nhãn hiệu, đăng ký quyền SHCN. Việc bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa của doanh nghiệp, nhất là chỉ dẫn địa lý với các sản phẩm đặc sản của địa phương tiếp tục được duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hầu hết các địa phương đã xác định danh mục sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế, sản phẩm đặc sản của địa phương và tập trung hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhờ đó đã nâng cao năng suất, chất lượng, tạo được giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp.

Nhìn chung, thông qua việc hỗ trợ bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực địa phương, Chương trình 68 nói riêng và hoạt động SHTT nói chung đã trực tiếp góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường, dịch chuyển từ mô hình sản xuất đơn lẻ sang sản xuất tập trung, chuyển đổi từ sản phẩm thô sang sản phẩm có bao bì, tem nhãn, thay đổi thói quen của cộng đồng từ việc sản xuất, phát triển sản phẩm tự do thành sản xuất, kinh doanh sản phẩm được kiểm soát về nguồn gốc và chất lượng sản phẩm.



The results of the Intellectual Property Assets Development Program in the period of 2011-2019

The Program had a widespread impact and was appraised and actively implemented by localities, businesses and scientists. In addition to participating in the Program approved by the Prime Minister, all 63 provinces and centrally subordinate cities have issued schemes, policies and conducted activities to support businesses, manufacturers and communities in developing their intellectual property assets.

Activities to support businesses to develop IP strategy and intellectual property asset management were promoted, contributing to help businesses to effectively manage and exploit intellectual property assets. Many models were implemented by businesses and gradually brought efficiency such as models of IP asset management at Hanoi Dairy Joint Stock Company, DABACO Group Joint Stock Company, Ha Long Shipbuilding Company, Vinh Thang Joint Stock Company, etc. The focus of the Program to support businesses also affirmed the view of the Ministry of Science and Technology, the Intellectual Property Office of Viet Nam, other ministries and localities that businesses are the driving force for development.

The Program 68 supported to patent protection overseas for Vietnamese scientists, patent exploitation and application for science and technology organizations, namely the Vietnam Academy of Science and Technology, Hanoi University of Science and Technology, Soils and Fertilizers Research Institute, National Institute of Medicinal Materials, etc., contributing to promote innovation and increase the IP value for the society. Accordingly, many patents were successfully commercialized, received and trusted by domestic consumers.

Another remarkable result of the Program 68 was the strengthening of protection and management for agricultural products including 20 key and special products of localities such as Cao Phong orange of Hoa Binh province, Binh Minh Nam Roi pomelo of Vinh Long province, Ca Mau lack Tiger Prawn of Ca Mau province, Cau Duc pineapple of Hau Giang province, Ha Giang orange of Ha Giang province, Cu Lao Cham - Hoi An Salanganes Nest of Quang Nam province; Phu Yen Panulirus Ornatus of Phu Yen province, Hue's Cajeput Tree Oil, Ham Yen orange of Tuyen Quang province.

Protection, management and development of intellectual property assets became one of important tasks and solutions that have been prescribed, mentioned and integrated in many documents, programs and plans for purpose of socio-economic development in general and development of industries and products in particular such as Project on developing Viet Nam's rice brand to 2020, vision to 2030 (Decision No.706/QD-TTg dated May 21, 2015 of the Prime Minister), National Product Development Program to 2020 (Decision No. 2441/QD-TTg dated December 31, 2010), High-tech Development Program to 2020 (Decision No. 2457/QD-TTg dated December 31, 2010) and the National Industrial Promotion Program to 2020 (Decision No.1288/QD-TTg dated August 1, 2014), the Program "One village, One product" for the period of 2018-2020 (Decision No. 490/QD-TTg dated May 7, 2018) and many other promulgated documents on tasks and solutions to socio-economic development of the Government and localities across the country.

Activities to support localities in protection and development of intellectual property assets continued to be actively implemented. 317 tasks were approved for implementation in the period of 2018-2020 for protection, management and development of intellectual property assets for key products of localities; the One Commune, One Product Program (OCOP) got support from the Intellectual Property Office of Viet Nam when it became a task which was managed and inspected for acceptance in accordance with regulations on the management of science and technology tasks in the field of intellectual property. Intellectual property activities in localities brought practical results, raising awareness of organizations and businesses to trademark registration and industrial property rights registration. Trademark protection of businesses, especially geographical indications for specific products of localities, continued to be maintained and product consumption markets expanded. Most localities have identified lists of key products, advantageous products and specialty products and focused on supporting brand development, thereby improving productivity, quality and creating the value and competitiveness of products and businesses.

In general, thanks to the support and development key products of localities, the Program 68 in particular and intellectual property activities in general directly contributed to improving product value, increasing competitive advantages in the market, shifting from a form of separated single production units to a form of concentrated production units, changing from raw products to packaged and labeled products, changing community habits from an ad hoc style of product production and development to a system of production



Cam Cao Phong, một sản phẩm chủ lực của Hòa Bình được bảo hộ chỉ dẫn địa lý đã tạo tiền đề cho sản phẩm đến gần hơn với người tiêu dùng trong cả nước và vươn ra thị trường nước ngoài, mang lại thu nhập ổn định cho người dân, góp phần phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Cao Phong orange, a key product of Hoa Binh province, is granted the GI Certificate that makes products get closer to consumers nationwide and to overseas markets, bringing stable income for local people and contributing to socio-economic development.

Việc bảo hộ SHTT cho các sản phẩm đặc thù địa phương còn góp phần gìn giữ các giá trị văn hóa dân tộc, tri thức truyền thống, phát huy và tôn vinh giá trị sản phẩm được sản xuất theo quy trình bản địa.

Thời gian tới: đổi mới căn bản cách tiếp cận, đưa SHTT thực sự trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

Trong thời gian tới, Cục SHTT sẽ tham mưu cho Bộ KH&CN ưu tiên, tập trung hỗ trợ hoạt động truy soát nguồn gốc, chất lượng, phát triển sản phẩm chủ lực địa phương được bảo hộ quyền SHTT theo chuỗi giá trị, tăng cường hỗ trợ bảo hộ tài sản trí tuệ của Việt Nam tại các thị trường lớn trên thế giới.

Để thực hiện Chiến lược SHTT đến năm 2030, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 2205/QĐ-TTg, ngày 24/12/2020, phê duyệt Chương trình phát triển TSTT đến năm 2030 (Chương trình) với quan điểm đổi mới căn bản cách tiếp cận so với giai đoạn 2011-2020 nhằm góp phần đưa SHTT thực sự trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Theo đó, mục tiêu của Chương trình giai đoạn 2021-2030 lớn hơn, nhiều nội dung mới hơn, bảo đảm hỗ trợ đầy đủ các nội dung từ hoạt động tạo ra TSTT, xác lập quyền SHTT cho đến các nhiệm vụ bảo vệ quyền SHTT, quản lý, khai thác, phát triển TSTT và tạo dựng văn hóa SHTT; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo và khuyến khích các doanh nghiệp chủ động

Chương trình phát triển TSTT cho giai đoạn tiếp theo đang được Cục SHTT chủ trì xây dựng với quan điểm và định hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, đưa SHTT trở thành một trong những công cụ hữu hiệu để khuyến khích, thúc đẩy hoạt động ĐMST, phát triển công nghệ, đảm bảo khả năng cạnh tranh lành mạnh, góp phần thúc đẩy sự phát triển của khoa học-công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước. Chúng tôi đặt mục tiêu và kỳ vọng Chương trình tới đây sẽ thực hiện với quy mô lớn, triển khai sâu rộng hơn so với giai đoạn 2011-2020 nhằm thực thi hiệu quả Chiến lược SHTT đến năm 2030, đáp ứng nhu cầu của địa phương, doanh nghiệp về bảo hộ, khai thác, quản trị và phát triển TSTT.

*Trích trả lời Báo KH&PT
của ông Phan Ngân Sơn,
phó Cục trưởng Cục SHTT.*



Sản phẩm hỗ trợ dạ dày CumarGold đang được tin tưởng hiện nay là kết quả của sáng chế của Viện Khoa học vật liệu chuyển giao cho công ty Dược CVI. Trong ảnh: TS Hà Phương Thư, tác giả sáng chế và đồng sự trong phòng thí nghiệm. Nguồn: ComarGold Kare.

CumarGold, a trusted stomach support product, is the result of the Institute of Materials Science transferred to CVI Pharmaceuticals Ltd. In the photo: Dr. Ha Phuong Thu, the patent owner and colleagues in the laboratory. Source: ComarGold Kare

and trade with controlled origin and quality. IP protection for locally specific products also contributed to preserve national cultural values and traditional knowledge and promote and honor values of products manufactured by local traditional processes.

In the coming time: to renovate the approach, making intellectual property an important tool to improve competitiveness of the nation

In the coming time, IP Viet Nam will advise the Ministry of Science and Technology to prioritize and concentrate on assisting activities for product origin and quality monitoring and for the development of local key products to create the value chain, strengthening intellectual property assets protection for Viet Nam in large markets in the world.

In order to implement the Intellectual Property Strategy until 2030, on December 24, 2020, the Prime Minister signed the Decision No. 2205/QĐ-TTg on approving the Intellectual Property Assets Development Program for the period of 2021-2030 with a view to fundamentally change the approach in comparison with the period of 2011-2020 in order to make intellectual property truly an important tool to improve national competitiveness and promote economic, cultural and social development. Accordingly, the Program for the period of 2021-2030 was designed with a larger objective and scale and many new contents to ensure comprehensive supports

The IP Assets Development Program for the next stage is being developed by IP Viet Nam with an enterprise-centered view and orientation in order to make the IP one of effective tools to encourage and promote innovative activities, technology development, ensuring healthy competitiveness, contributing to the science-technology and socio-economic development of the country. We have made a target and expect that the Program in the coming time will be implemented with a deeper and larger scale than the period of 2011-2020 to effectively implement the IP Strategy until 2030, meeting the needs of businesses in terms of protection, exploitation, administration and development of IP assets.

IP Viet Nam's Deputy Director Phan Ngan Son replied to the Science and Development Newspaper.



Trong giai đoạn 2016-2020, trong khuôn khổ Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, đã có gần 200 sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc thù của địa phương được hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền SHTT và đưa vào sản xuất kinh doanh.

Đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu ASEAN về trình độ sáng tạo, bảo hộ và khai thác quyền SHTT (Mục tiêu của Chiến lược SHTT đến năm 2030)

đặt hàng, liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học để khai thác, phát triển TSTT, rút ngắn quá trình ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh, phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Các văn bản, chính sách thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ mới được thông qua:

Chiến lược SHTT đến năm 2030 với quan điểm hoạt động SHTT có sự tham gia tích cực của tất cả các chủ thể trong xã hội, trong đó viện nghiên cứu, trường đại học, các cá nhân hoạt động sáng tạo, đặc biệt là các doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong việc tạo ra và khai thác TSTT, đồng thời, thúc đẩy các hoạt động tạo ra TSTT và khuyến khích, nâng cao hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ là một trong các nhiệm vụ, giải pháp được Thủ tướng Chính phủ yêu cầu phải thực hiện để triển khai Chiến lược.

Ngoài ra, nhiều chủ trương, chính sách khác liên quan đến thúc đẩy việc tạo dựng, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ cũng đã được Đảng, Chính phủ ban hành, tiêu biểu như:

- Nghị quyết số 52-NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư yêu cầu “Hoàn thiện pháp luật về SHTT, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các TSTT do Việt Nam tạo ra; khuyến khích thương mại hoá và chuyển giao quyền SHTT, đặc biệt là đối với các sáng chế tại Việt Nam”;

- Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững quy định “thúc đẩy xây dựng và phát triển thương hiệu, Chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, tài sản trí tuệ cho các sản phẩm được bảo hộ”;

- Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam, yêu cầu “Hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ số, mô hình kinh doanh mới”.

Để thực hiện các chủ trương, chính sách trên, Cục SHTT đã phối hợp với các cơ quan truyền thông của Bộ KH&CN (Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Truyền thông KH&CN, Tạp chí KH&CN Việt Nam), Ban Khoa giáo, Đài truyền hình Việt Nam, Đài Truyền hình Hà Nội xây dựng và triển khai chuyên mục về bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ, giới thiệu các cam kết về SHTT trong Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA); phối hợp với Cục Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện hỗ trợ về SHTT trong khuôn khổ triển khai các nhiệm vụ tổng thể hỗ trợ doanh nghiệp như trao đổi các nội dung, cơ chế hỗ trợ về SHTT cho doanh nghiệp trong Dự thảo các văn bản do Cục phát triển Doanh nghiệp tham mưu ban hành, lồng ghép các nhiệm vụ hỗ trợ về SHTT cho doanh nghiệp trong khuôn khổ Chương trình phát triển tài sản trí tuệ với các nhiệm vụ do Cục Phát triển doanh nghiệp chủ trì thực hiện.

In the period of 2016-2020, in the framework of the Intellectual Property Assets Development Program, nearly 200 local specific and key agricultural products were supported to register and put into production and trade.

By 2030, Viet Nam will belong to the group of leading ASEAN countries in terms of creation, protection and exploitation of intellectual property rights (the objective of Viet Nam's Intellectual Property Strategy until 2030)

from assisting IP assets creation and IPRs establishment activities to tasks of IP protection, management, exploitation and development of IP assets and creation of IP culture; to promote innovative activities and encourage businesses to actively cooperate with research institutes and universities to exploit and develop IP assets, shortening in the process to apply research results into production and trade, practically serving socio-economic development goals.

Newly approved documents and policies to promote the development of intellectual property assets:

The IP Strategy until 2030 has a view that intellectual property activities need active participation of all stakeholders in the society, including research institutes, universities, individuals, especially businesses with a key role in creation and exploitation of intellectual property assets. Furthermore, for the implementation of the IP Strategy, promoting activities to create intellectual property assets and encouraging to improve IP assets exploitation efficiency is one of the tasks and solutions required by the Prime Minister.

In addition, many other policies on promoting the creation, protection and development of intellectual property assets have also been issued by the Party and Government, namely:

- Resolution No. 52-NQ-TW dated September 27, 2019 of the Politburo on a number of guidelines and policies to actively participate in the Fourth Industrial Revolution, requires "improving the IP law, protect and effectively exploit IP assets created by Viet Nam, encouraging commercialization and licensing of IP rights, especially for patents in Viet Nam";

- Resolution No. 53/NQ-CP dated July 17, 2019 of the

Government on solutions to encourage businesses to efficiently, safely and sustainably invest in agriculture, stipulates "promoting the development of trademarks, geographical indications, traceability, intellectual property assets for protected products";

- Directive No. 01/CT-TTg dated January 14, 2020 of the Prime Minister on promoting the development of digital-tech enterprises in Vietnam, requires "supporting the establishment and development of fast-growing enterprises based on exploitation of intellectual property assets, digital technology, new business model".

In order to implement those policies, IP Viet Nam cooperated with media agencies of the Ministry of Science and Technology (Center for Science and Technology Communication and Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering), Science and Education Department of the Vietnam Television, and Hanoi Television to develop and broadcast programs on protection, management and development of intellectual property assets, introduction to intellectual property commitments in the Viet Nam-EU Free Trade Agreement (EVFTA); cooperated with the Business Development Department of the Ministry of Planning and Investment, within the framework of implementing general tasks to support businesses, such as discussing IP contents and supportive mechanisms for businesses in drafts of documents issued by the Business Development Department, integrating IP support tasks for businesses within the framework of the Intellectual Property Assets Development Program into tasks hosted by the Business Development Department.



GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

APPEAL SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS

Năm 2020, Cục SHTT tiếp nhận 1344 đơn khiếu nại (tăng 54% so với năm 2019) và giải quyết được 926 đơn (tăng 3,6% so với năm 2019).

In 2020, IP Viet Nam received 1344 appeal requests (increase 54% compared to 2019) and settled 926 appeal requests (increase 3.6% compared to 2019).

Năm 2020, Cục SHTT tiếp nhận 1344 đơn khiếu nại (tăng 54% so với năm 2019), gồm 23 đơn khiếu nại đối với sáng chế, 03 đơn khiếu nại đối với giải pháp hữu ích, 31 đơn khiếu nại đối với kiểu dáng công nghiệp, 1281 đơn khiếu nại đối với nhãn hiệu quốc gia và 06 đơn khiếu nại đối với nhãn hiệu quốc tế. Cục đã ban hành 1154 thông báo thụ lý (tăng 70% so với năm 2019).

Số lượng đơn khiếu nại đã được Cục SHTT giải quyết là 926 đơn (tăng 3,6% so với năm 2019), gồm 43 đơn khiếu nại đối với sáng chế, 07 đơn khiếu nại đối với giải pháp hữu ích, 08 đơn khiếu nại đối với kiểu dáng công nghiệp, 752 đơn khiếu nại đối với nhãn hiệu quốc gia và 116 đơn khiếu nại đối với nhãn hiệu quốc tế.

Đồng thời, Cục đã nhận được 430 đơn đề nghị chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực cho 441 văn bằng bảo hộ (tăng 1,2% so với năm 2019) và xử lý được 106 đơn (giảm 48,8% so với năm 2019).

Thực hiện theo quy trình giải quyết khiếu nại lần hai, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức đối thoại với người nộp đơn trong quá trình giải quyết khiếu nại. Cục đã tham gia đối thoại 24 vụ khiếu nại trong thủ tục xác lập quyền SHCN do Thanh tra Bộ KH&CN tổ chức, trong đó có nhiều vụ khiếu nại, tranh chấp về quyền SHCN có độ phức tạp cao như các sáng chế “Phương pháp chuyển giới tính tạm thời ở tôm càng xanh”, “Trạm biến áp một cột”, “Hệ thống xử lý khối thải của lò đốt rác”; kiểu dáng công nghiệp “Hào kỹ thuật”, nhãn hiệu của Công ty Hyundai Aluminum Vina, nhãn hiệu Cu đơ Thư Viện, nhãn hiệu kita’s, nhãn

hiệu PMA, nhãn hiệu của Công ty Ajinomoto, nhãn hiệu “Đất Xanh”, “Trung Nguyên” và “G7”, v.v..

Đối với công tác phối hợp trong hoạt động thực thi, Cục đã tiếp nhận và xử lý công văn đề nghị cung cấp ý kiến chuyên môn của các cơ quan thực thi quyền SHTT là Thanh tra Khoa học và Công nghệ, Quản lý thị trường, Cảnh sát kinh tế và Hải quan với tổng số 184 vụ việc (sáng chế: 04 vụ việc; kiểu dáng công nghiệp: 02 vụ việc; nhãn hiệu: 178 vụ việc).

Cục đã cử cán bộ tham gia và trình bày ý kiến tại các cuộc họp của Hội chống hàng giả, bảo vệ người tiêu dùng, Tổng Cục Quản lý thị trường; làm việc với Cơ quan thực thi (Hải quan, Thanh tra Khoa học công nghệ các cấp, Quản lý thị trường, Công an kinh tế) trong việc cung cấp thông tin, trình bày quan điểm nhằm đảm bảo hoạt động thực thi quyền.

Đại diện của Cục đã tham gia 04 vụ kiện hành chính tại Tòa án, trả lời 24 công văn của Tòa án, tham dự 08 phiên xét xử hoặc hòa giải của người nộp đơn, bên thứ ba liên quan, hoặc là bên liên quan đối với các quyết định hành chính đã ban hành của Cục tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Bên cạnh đó, Cục đã cử cán bộ tham gia giảng bài cho một số lớp về thực thi quyền SHTT tại Cục Điều tra chống buôn lậu - Tổng cục Hải quan, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng, Hội chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu, Đại học Thái Nguyên...



Thứ trưởng Bộ KH&CN Nguyễn Hoàng Giang phát biểu khai mạc Hội nghị tập huấn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành khoa học và công nghệ, ngày 11/11/2020 tại Hải Phòng.

Deputy Minister Nguyen Hoang Giang delivered the opening speech at the Conference on training inspection profession in the field of science and technology on November 11, 2020 in Hai Phong city.

In 2020, IP Viet Nam received 1344 appeal requests (an increase of 54% compared to 2019), including 23 appeal requests on patents, 03 on utility solutions, 31 on industrial designs, 1281 on national trademarks and 06 on international trademarks. IP Viet Nam issued 1154 notices of acceptance (up 70% compared to 2019). Accordingly, IP Viet Nam handled 926 appeal requests (an increase of 3.6% compared to 2019), including 43 appeal requests on patents, 7 on utility solutions, 8 on industrial designs, 752 on national trademarks and 116 on international trademarks.

Besides, IP Viet Nam received 430 requests for termination and invalidation of 441 protection titles (up 1.2% compared to 2019) and settled 106 requests (down 48.8% compared to 2019).

Following the second-complaint settlement process, the Ministry of Science and Technology held dialogues with applicants. IP Viet Nam's representatives attended dialogues, organized by the Inspectorate of the Ministry of Science and Technology, concerning to 24 cases on establishment procedures of IPRs in which there were many complicated ones regarding such patents as: "method on temporary change of giant fresh water prawn's gender", "one-column transformer station", "waste smoke treatment system of crematorium", industrial design "utility trench", trademark of Hyundai Aluminum Vina Joint Stock Company, trademark "Cu đơ Thu Viện", trademark "kita's", trademark "PMA", trademark of Ajinomoto Company, trademark "Đất Xanh", trademark "Trung Nguyen", trademark "G7", etc.

For enforcement activities, IP Viet Nam received and processed the written request for professional opinions from intellectual property rights enforcement agencies, namely the Inspectorate of the Ministry of Science and Technology, Viet Nam Market Surveillance, the Economic Police and the Customs with a total of 184 cases (patent: 04 cases; industrial designs: 02 cases; trademark: 178 cases).

IP Viet Nam's representatives attended meetings organized by the Anti-Counterfeiting Association, the Consumer Protection Association and Vietnam Directorate of Market Surveillance and worked with enforcement agencies (the Customs, the Inspectorate of the Ministry of Science and Technology, the Market Surveillance and the Economic Police) to provide information and present opinions to ensure IPRs enforcement activities.

Representatives of IP Viet Nam participated in 04 administrative lawsuits in courts, provided courts with 24 professional comments, attended 08 hearing or conciliation sessions with applicants, related third-party or related party concerning the administrative decisions issued by IP Viet Nam at Hanoi People's Court.

In addition, IP Viet Nam sent lecturers to some classes on IPRs enforcement organized by the Anti-Smuggling and Investigation Department - General Department of Vietnam Customs, Departments of Science and Technology of Bac Giang, Bac Ninh provinces and Hai Phong city, Vietnam Association for Anti-counterfeiting and Trademark Protection, Thai Nguyen University, etc.

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

ADMINISTRATION OF INDUSTRIAL
PROPERTY REPRESENTATION ACTIVITIES

Công tác quản lý hoạt động đại diện SHCN được Cục SHTT tiếp tục thực hiện thường xuyên nhằm góp phần nâng cao chất lượng của hoạt động này, đồng thời hỗ trợ tích cực cho các tổ chức, cá nhân trong việc xác lập, bảo vệ và khai thác quyền SHCN.

Trong năm 2020, Cục SHTT đã ghi nhận mới 17 tổ chức, xóa tên 01 tổ chức dịch vụ đại diện SHCN, ghi nhận sửa đổi, bổ sung thông tin (về tên, địa chỉ, chi nhánh và thành viên trong Danh sách người đại diện của Tổ chức) cho 47 tổ chức; cấp mới 37 Chứng chỉ, cấp lại 11 Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN, xóa tên 01 cá nhân được cấp Chứng chỉ. Tính đến hết năm 2020, cả nước có 219 tổ chức đại diện SHCN và 367 cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN. Trong số các tổ chức đại diện SHCN đang hoạt động, 162 tổ chức có trụ sở đặt tại Hà Nội, 56 tổ chức có trụ sở đặt tại TP. Hồ Chí Minh, 01 tổ chức đặt tại TP. Cần Thơ. Các tổ chức có trụ sở đặt tại Hà Nội đều có văn phòng giao dịch tại TP. Hồ Chí Minh và ngược lại.

Tiếp tục nhiệm vụ của năm 2019, nhằm mục tiêu phát triển số lượng đại diện SHCN để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các tổ chức, cá nhân, Cục SHTT đã hoàn thành việc chấm bài kiểm tra nghiệp vụ đại diện SHCN năm 2019, thông báo kết quả cho thí sinh, đồng thời tiếp nhận và tiến hành chấm các bài kiểm tra có yêu cầu phúc tra.

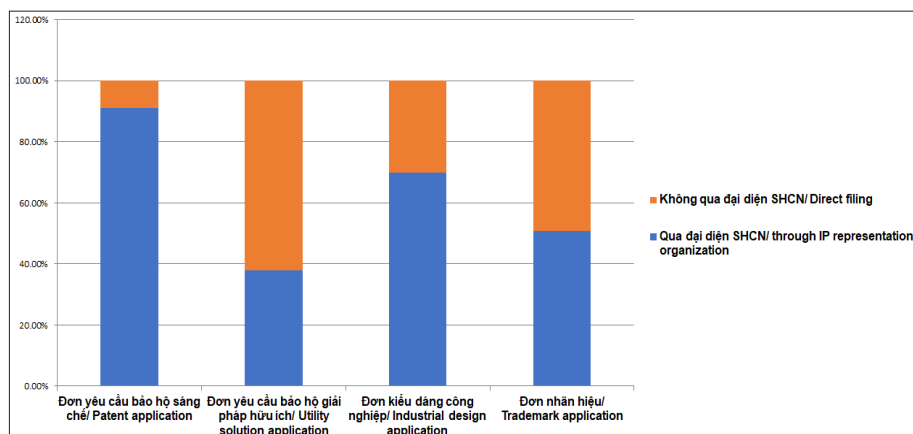
Nhằm phục vụ công tác quản lý hoạt động đại diện SHCN, Cục SHTT thực hiện thống kê định kỳ (03 tháng/một lần) số lượng đơn đăng ký xác lập quyền SHCN nộp qua các tổ chức dịch vụ đại diện SHCN. Năm 2020, số lượng đơn đăng ký xác lập quyền SHCN nộp qua các tổ chức đại diện SHCN tiếp tục chiếm tỷ lệ tương đối cao trong tổng số đơn xác lập quyền SHCN được nộp (56,22%); tỷ lệ tương ứng đối với các đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế, bằng độc quyền giải pháp hữu ích, bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu lần lượt là 91,14%, 38%, 69,78% và 50,83%.

IPVietnam continued to frequently carry out management work for industrial property representation activities, contribute to improve the quality of these activities and actively supported organizations and individuals in establishing and protecting industrial property rights.

In 2020, 17 new representation organizations were recognized; 01 organization was nullified; 47 organizations were recorded as changing information and status (amendment of name, address, branches, and list of industrial property representatives); 37 new representative agents were certified; 11 representative agents were re-certified and 01 representative agent was nullified. By the end of 2020, a total of 219 industrial property representative organizations were recognized and 367 representative agents were certified in the whole country. Among active industrial property representation organizations, 162 organizations are headquartered in Hanoi, 56 in Ho Chi Minh City, and 01 in Can Tho. Organizations which are headquartered in Hanoi have branch offices in Ho Chi Minh City and vice versa.

Continuing the mission of 2019, with an aim of raising the number of industrial property representatives to better meet the need of organizations and individuals, in 2019 IP Vietnam had also completed the assessment of the professional exam for industrial property representatives, notified the results to candidates, received and reviewed exam results that were requested to be re-assessed.

To improve management of industrial property representation activities, IP Vietnam collected periodic statistics (every 3 months) of the number of applications submitted to industrial property representation organizations. By 2020, the number of industrial property registration applications filed through industrial property representation organizations accounted for a relatively high proportion of the total number of applications filed (56,22%); The corresponding rates for application of patents, utility solutions, industrial designs and trademark were 91.14%, 38%, 69.78% and 50.83% respectively.



HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TẠI ĐỊA PHƯƠNG

INDUSTRIAL PROPERTY ACTIVITIES AT LOCAL LEVELS

Trong năm 2020, hoạt động quản lý nhà nước về SHCN tại các địa phương đã đạt được một số thành tích nhất định, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

The administration of industrial property activities in localities in 2020 gained a certain number of achievements, contributing to the socio-economic development in localities.

Kết quả hoạt động

Tổ chức bộ máy và nhân lực quản lý nhà nước

So với năm 2019, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về SHCN ở các địa phương trong năm 2020 không có nhiều thay đổi. Hiện nay chỉ có Sở KH&CN TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh có bộ phận chuyên trách quản lý về SHCN (Phòng SHTT). Ở các địa phương còn lại, phòng Quản lý chuyên ngành quản lý hoạt động SHTT ghép chung với các lĩnh vực khác như công nghệ, an toàn bức xạ...

Về nhân sự, cả nước có 162 cán bộ thực hiện công tác quản lý nhà nước về SHCN tại các Sở KH&CN, trong đó có 44 cán bộ chuyên trách và 118 cán bộ kiêm nhiệm. Tỷ lệ cán bộ chuyên trách/địa phương còn thấp (0.7 cán bộ chuyên trách/ địa phương) cho thấy sự đáng báo động về việc thiếu hụt nhân sự nói chung cũng như số lượng cán bộ chuyên trách về SHCN nói riêng ở hầu hết các địa phương. Do đó, để đảm bảo hoạt động SHCN của các địa phương đồng đều và phát triển hơn nữa, vấn đề quan trọng đang tiếp tục đặt ra đối với các địa phương là cần phải ổn định về nhân sự, tăng cường, bổ sung lực lượng cán bộ chuyên trách về SHCN và đẩy mạnh đào tạo cán bộ.

Công tác xây dựng, ban hành văn bản pháp luật

Mặc dù hệ thống văn bản pháp luật về SHCN do các cơ quan trung ương ban hành đã tương đối đầy đủ và đồng bộ, tuy nhiên để triển khai các văn bản phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của, các địa phương vẫn tiếp tục ban hành các văn bản triển khai và hướng dẫn thi hành. Trong năm 2020, nhiều địa phương đã ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật về (29/63 địa phương, với tổng số 70 văn bản được ban hành).

Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật

Năm 2020, công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về SHTT vẫn được các địa phương tiếp tục quan tâm, được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú, như tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, website...). Với sự phối hợp chặt chẽ của Cục SHTT, các địa phương đã thực hiện 38 cuộc hội thảo, tọa đàm, 177 lớp tập huấn với hơn 20.000 lượt người tham dự, hàng trăm lượt tuyên truyền phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về SHTT trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài việc tập huấn, đào tạo kiến thức pháp luật về SHCN cho đối tượng là cán bộ quản lý tại các Sở, ban, ngành,... nhiều địa phương còn mở rộng phạm vi các đối tượng được tập huấn, đào tạo như doanh nghiệp, sinh viên...

Công tác hướng dẫn xác lập, bảo vệ quyền SHCN

Công tác hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền SHTT tại địa phương vẫn là hoạt động thường xuyên và được các Sở KH&CN quan tâm, đặc biệt là tại các địa phương có hoạt động kinh tế, đầu tư sôi động. Một số địa phương đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ trong công tác tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ việc xác lập, bảo vệ quyền SHCN của các tổ chức cá nhân như Bắc Giang, Sơn La, Hoà Bình... Trong đó, một hoạt động nổi bật là Sở KH&CN tỉnh Bắc Giang đã tích cực tham mưu UBND tỉnh, phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Chỉ dẫn địa lý và Nhân hiệu quốc tế - Cục SHTT và cơ quan có liên quan giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình đăng ký bảo hộ tại Nhật Bản. Đến ngày 12/3/2021, vài thiếu Lục Ngạn đã trở thành sản phẩm đầu tiên của Việt Nam được chính thức bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản.

Performance results

Organizational structure and human resources for the State management of industrial property

The organization structure of the State management of industrial property in localities did not have significant changes in 2020. Currently, there are still only two Departments of Science and Technology in Hanoi and Ho Chi Minh City that have specialized sections in charge of industrial property management (Intellectual Property Section) while in other provinces, the State management function of industrial property joins with functions of other sectors (radiation safety, information etc.) under a common name of specialized sections management.

In terms of human resources, currently, there are 162 officials in charge of the State management of industrial property at provincial departments of science and technology, of which 44 are full-time officials and 118 are part-time officials. The ratio between the number of full-time officials and the number of province is only 0.7 (44 officials/63 provinces), which is a warning signal for the shortage of human resources in general, as well as of full-time IP specialized officials in particular in most localities.

Therefore, in order to ensure that the IP activities of localities are more evenly and effectively developed, the need of stabilizing personnel, increasing full-time IP officials and promoting staff training continues to be an important issue to the localities.

Formulation and issuance of guiding documents for the State management of industrial property

In 2020, the number of localities that issued documents for directing, operating and guiding the implementation of IP policies reached a high rate (29/63 localities, with a total of 70 documents were issued). Although the system of legal documents on IP issued by central agencies has been relatively comprehensive and synchronized, it is necessary to continue to promote the local implementation and guidance to bring those legal documents to life and make them suitable to actual conditions and situations of each locality,

This activity is always an important measure to improve the State management of IP in localities, especially for the implementation of important programs and projects, as well as in strengthening the coordination among agencies to improve IP protection efficiency.

Public communication and dissemination of knowledge, policies and laws

In 2020, public communication and dissemination of knowledge, policies and laws on IP continued to be concerned and implemented in many different forms such as training, seminars, conferences mass media (newspaper, radio, website etc.).



Đại biểu tham dự lớp tập huấn kiến thức cơ bản về SHTT dành cho cán bộ làm công tác SHTT tại địa phương, từ ngày 28/9 đến ngày 2/10/2020.

Delegates attended a basic training course on IP for local IP officials, from September 28 to October 2, 2020

There were 38 seminars, conferences, 177 training courses with more than 20,000 participants, hundreds of communication sessions to disseminate knowledge, policies and laws on IP on mass media organized by localities along with the close coordination of IP Viet Nam. In addition to the IP law training courses for managers at Departments and other state agencies, many localities expanded the scope of training courses to enterprises, students etc. with specialized and subject-oriented content.

Guidance on the establishment and protection of IP rights

Guidance to organizations and individuals in localities for IP rights establishment and protection continued to be a regular and key activity of provincial departments of science and technology, especially in localities with active economic and investment activities, such as Bac Giang, Son La, Hoa Binh... Some localities achieved very encouraging results in consulting, guiding and supporting the establishment and protection of IP rights of organizations and individuals. One notable activity is Bac Giang's Science and Technology Department had worked with Center of Geographical Indication and International Brand Protection (IP Vietnam) & other relevant organizations to consult People's Committee in solving the difficulty of registering geographical indication of Luc Ngan Lychee in Japan. Until March 12, 2021, Luc Ngan Lychee successfully became the first product of Vietnam that obtained the protection of geographical indication in Japan.

The promotion of public communication activities in localities through the IP law and communication projects with 125 broadcasts on television contributed to a remarkable improvement in awareness of manufacturers and business on IP protection. This can be illustrated in comparative data of IP consulting turns at the provincial departments of science and technology between 2011 and 2020, as follows: trademark: 596/4052 turns - an increase of nearly 7 times, industrial design: 49/237 turns



Các dự án tuyên truyền kiến thức, pháp luật về SHTT với 125 lượt phát sóng trên truyền hình đã góp phần làm chuyển biến nhận thức của các nhà sản xuất, kinh doanh về vấn đề bảo hộ quyền SHTT. Điều này thể hiện rõ khi số lượt các người dân đến xin tư vấn về SHTT tại các Sở KH&CN trong giai đoạn 10 năm (2011 - 2020) tăng rõ rệt: tư vấn về nhãn hiệu từ 596 lên 4052 lượt (tăng gần 7 lần), kiểu dáng công nghiệp từ 49 lên 237 lượt (tăng gần 5 lần), sáng chế tăng từ 23 lên 141 lượt (hơn 6 lần).

Công tác thực thi quyền SHCN

Việc xử lý xâm phạm quyền SHCN ở các địa phương tập trung chủ yếu vào đối tượng hàng giả, hàng xâm phạm quyền về nhãn hiệu. Hình thức xử phạt được áp dụng chủ yếu là phạt cảnh cáo, phạt tiền và tịch thu hàng giả mạo về SHTT.

Năm 2020, các địa phương đã có nhiều nỗ lực trong công tác thực thi quyền SHCN nhằm đẩy lùi nạn hàng giả, hàng xâm phạm quyền SHCN. Theo báo cáo của các địa phương, trên cả nước đã có 2.457 vụ xử lý xâm phạm quyền SHCN được thực hiện, trong đó chủ yếu là về nhãn hiệu với 2.455 vụ, tổng số tiền phạt là 21.533.347.000 đồng với hơn 200.000.000 sản phẩm bị xử lý. Số vụ xâm phạm quyền SHCN đã giảm 25% vụ (năm 2019 là 3.293 vụ), tổng số tiền phạt giảm 19% (năm 2019 là 26.536.667.000 đồng) so với năm 2019. Số lượng vụ việc xâm phạm quyền giảm cho thấy có sự thay đổi về nhận thức tôn trọng quyền SHTT trong cộng đồng doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc sụt giảm này còn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và hoạt động bảo vệ quyền SHCN nói riêng.

Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ

Qua 03 giai đoạn thực hiện Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, nhiều địa phương đã xây dựng và triển khai Chương trình Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của riêng mình. Trong năm 2020, đã có 181 dự án được các địa phương triển khai thực hiện với các kết quả quan trọng:

16 sáng chế/giải pháp hữu ích được hỗ trợ bảo hộ, khai thác, 276 sản phẩm đặc thù địa phương được hỗ trợ bảo hộ, quản lý quyền SHCN, 23 tổ chức tập thể được thành lập để quản lý tài sản trí tuệ cộng đồng, 8981 lượt người được tập huấn, đào tạo về SHTT, 1406 lượt doanh nghiệp được hỗ trợ về SHTT, 125 lượt phát sóng truyền hình tuyên truyền về SHTT.

Triển khai các biện pháp hỗ trợ, thúc đẩy sáng kiến, sáng tạo

Hoạt động thúc đẩy phong trào sáng kiến, sáng tạo của các địa phương có những bước chuyển biến tích cực, chủ yếu được phát động thông qua các hội thi, trao giải thưởng sáng tạo kỹ thuật trên địa bàn tỉnh (thường niên hoặc 2 năm 1 lần). Trong năm 2020, đã có 18 địa phương

tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, 25 địa phương tổ chức Hội thi sáng tạo thanh thiếu niên với hàng nghìn giải pháp tham dự cùng hàng trăm giải thưởng được trao. Thông qua các hội thi, những thành quả sáng tạo của các tác giả góp phần cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội đã ghi nhận được.

Một số địa phương đã chủ động sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các quy chế, quy định mới về quản lý hoạt động sáng kiến, tuy nhiên cũng còn một số địa phương lúng túng trong việc thúc đẩy các sáng kiến, đặc biệt là trong việc xem xét, đánh giá phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến. Theo báo cáo từ các địa phương, năm 2020 cả nước đã có 46.994 sáng kiến được công nhận trong đó 3.514 sáng kiến được công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh, tổng số tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến là 102.361.032.000 đồng, số tiền trả thù lao, trả thưởng cho các tác giả sáng kiến là 5.491.071.000 đồng và có 1.852 cán bộ được nâng lương trước thời hạn do có sáng kiến được công nhận. Có thể thấy trong thời gian qua, hoạt động sáng kiến trong cả nước đã thành một phong trào rộng khắp, thể hiện sức sáng tạo mạnh mẽ của người lao động Việt Nam.

Nhận xét, đánh giá

Công tác quản lý nhà nước về SHCN của các địa phương trong năm 2020 đã đạt được những thành quả nhất định, trong đó có thể kể đến các mặt đạt được hiệu quả tốt, như tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về SHCN, hoạt động tư vấn, hướng dẫn việc đăng ký xác lập và bảo vệ quyền SHCN, công tác thực thi, xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHCN và công tác khuyến khích, hỗ trợ các sáng kiến, sáng tạo. Một số địa phương tiêu biểu như TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Sơn La, Hà Tĩnh, Cần Thơ, An Giang, Lâm Đồng, Long An, Bắc Giang, Hà Nội, Lào Cai, Bình Định, Kon Tum v.v... đã thực hiện công tác quản lý nhà nước về SHCN đạt kết quả tốt.

Một số nguyên nhân quan trọng đem lại các kết quả đó là sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, sự cố gắng nỗ lực của các đơn vị, cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về SHCN tại địa phương. Nhờ đó hàng trăm dự án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cũng đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực, nâng cao nhận thức của công chúng về việc bảo hộ quyền SHCN tại các địa phương.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn một số hạn chế như hoạt động bảo vệ quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp. Cần bổ sung thêm nhân sự, đặc biệt là nhân sự chuyên trách trong công tác quản lý nhà nước về SHCN... Thời gian tới cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống và nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về SHCN tại các địa phương.

- an increase of nearly 5 times, invention: 23/141 turns - an increase of more than 6 times.

Enforcement and handling of IP sights

In 2020, localities made great efforts in the IP enforcement in order to prevent counterfeiting. According to reports from localities, there were 2,457 IPR infringement cases nationwide, of which 2,455 were trademarks with total amount of 21,533,347,000 VND were fined and 200,000,000 products infringing IPR were handled.

The above data indicates that the number of IPR infringements cases decreased 32% (compared to 3,293 in 2019), sanctioned amount decreased 23% (compared to 26,536,667,000 VND in 2019). The decline demonstrates a change in IPR awareness in the business community.

In addition, this decrease is also due to the impact of the Covid-19 epidemic on production and business activities in general and IP protection in particular. The handling of IPR infringement in localities focuses mainly on counterfeit goods, goods infringing trademark rights. The main sanction is caution, fine and confiscation of counterfeit goods.

Enterprise supporting activities for the development of IP assets

The Supportive Program for the Development of IP assets has been carried out effectively in 03 phases with a broader scope and specific goals, based on which many localities built and launched their own local supporting programs for the Intellectual Property Development Assistance Program.

In 2020, there were 181 projects implemented by localities with 16 patents/utility solutions supported for protection and exploitation, 279 local specialties supported for protection and IP management, 23 collective organizations established to manage community IP assets, 8981 turns of individuals trained in IP knowledge, 1406 turns of enterprises supported in IP, 125 turns of IP propaganda broadcasted.

Implementation of measures to support and promote innovative and creative activities

Promoting innovative and creative activities of localities are undergoing positive changes, being implemented in most localities, mainly in the form of organizing local contests and technical innovation awards (annual or once every 2 years). In 2020, 18 localities held technical innovation contests, 25 localities held a children and youth creativity contests with thousands of solutions and hundreds of awards. Through contests, the creative achievements of the authors contributing to technical improvement, production rationalization, and socio-economic benefits were recorded.

After the Government's Decree No. 13/ND-CP dated March 2, 2019 promulgating the Regulation on Innovations, some localities amended, supplemented or issued new regulations on innovations management. On the other hand, some localities faced difficulties and confusion in implementing innovation activities, especially in reviewing and evaluating the influence scope of innovations.

According to reports from localities in 2020, there were 46,994 recognized innovations, of which 3,514 innovations were recognized with the scope of provincial influence, the total amount of benefit from the application of the innovations was 102,361,032,000 VND, the amount of remuneration and award to the authors of the innovations is 5,491,071,000 VND and there were 1,852 officials receiving a salary increase ahead of time due to the recognized innovations. It can be seen that in recent years, the innovation activities has become a widespread movement, demonstrating the strong creativity of Vietnamese workers.

Comments

The state management of industrial property in localities in 2020 achieved certain results, including good aspects such as: IP public communication and knowledge dissemination, consultant activities, guidance on registration for establishment and protection of IP rights, enforcement and handling of IPR infringements, promotion and support of innovation activities. Some outstanding localities which gained achievements in state management of IP good were Ho Chi Minh City, Da Nang, Son La, Ha Tinh, Can Tho, An Giang, Lam Dong, Long An, Bac Giang, Ha Noi, Lao Cai, Binh Dinh, Kon Tum..., etc.

Those results demonstrate that the achievements of state management activities on IP in localities contributed to local socio-economic development. Some important reasons can be recognized are the attention and close guidance of leaders at all levels, the efforts of the local officials in charge of state management of IP; and the contribution of hundreds of projects to support the development of IP assets has also contributed to raise the public awareness about the protection of IP rights in localities.

Despite that, the shortcoming aspects in localities also need to be identified, such as: the protection of inventions, industrial designs need to be strengthened; human resource, especially full-time IP responsible personnel need to be supplemented etc. Based on that, appropriate measures need to be implemented to enhance the structure and improve the efficiency of state management on IP in the next period of time.





Ảnh/Photo by: Shutterstock.com



PHỤ LỤC THỐNG KÊ

STATISTICS

63



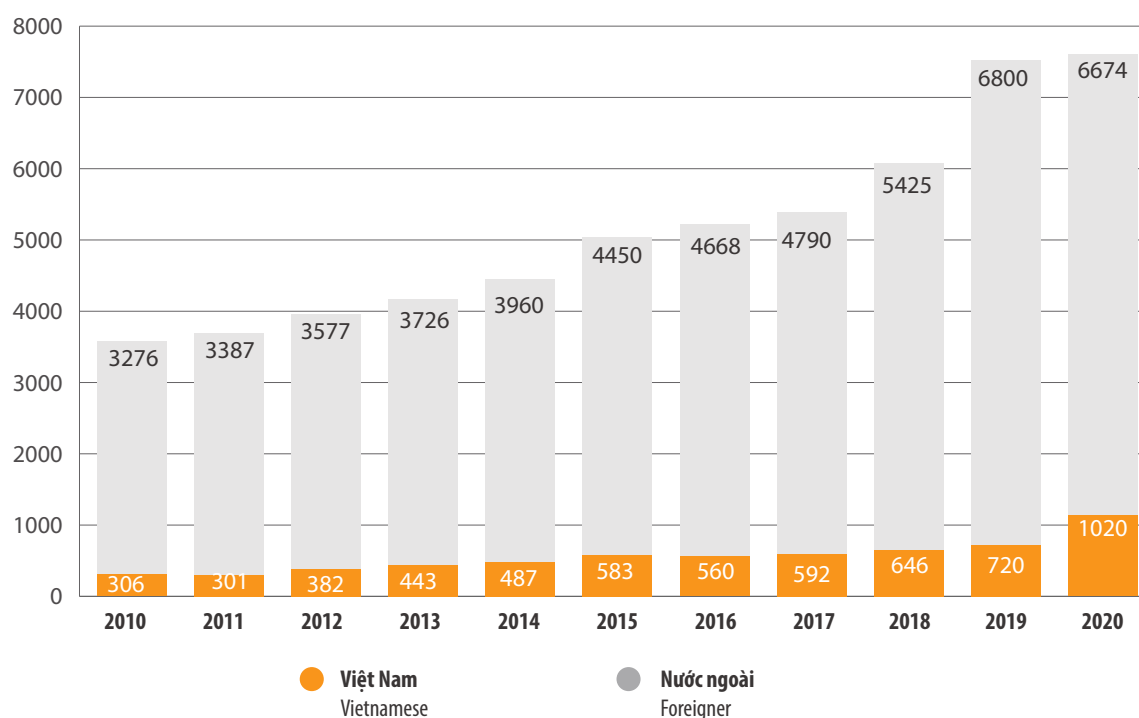
1. SÁNG CHẾ / INVENTION

- Đơn đăng ký sáng chế đã nộp và bằng độc quyền sáng chế đã cấp từ 1981 đến 2020

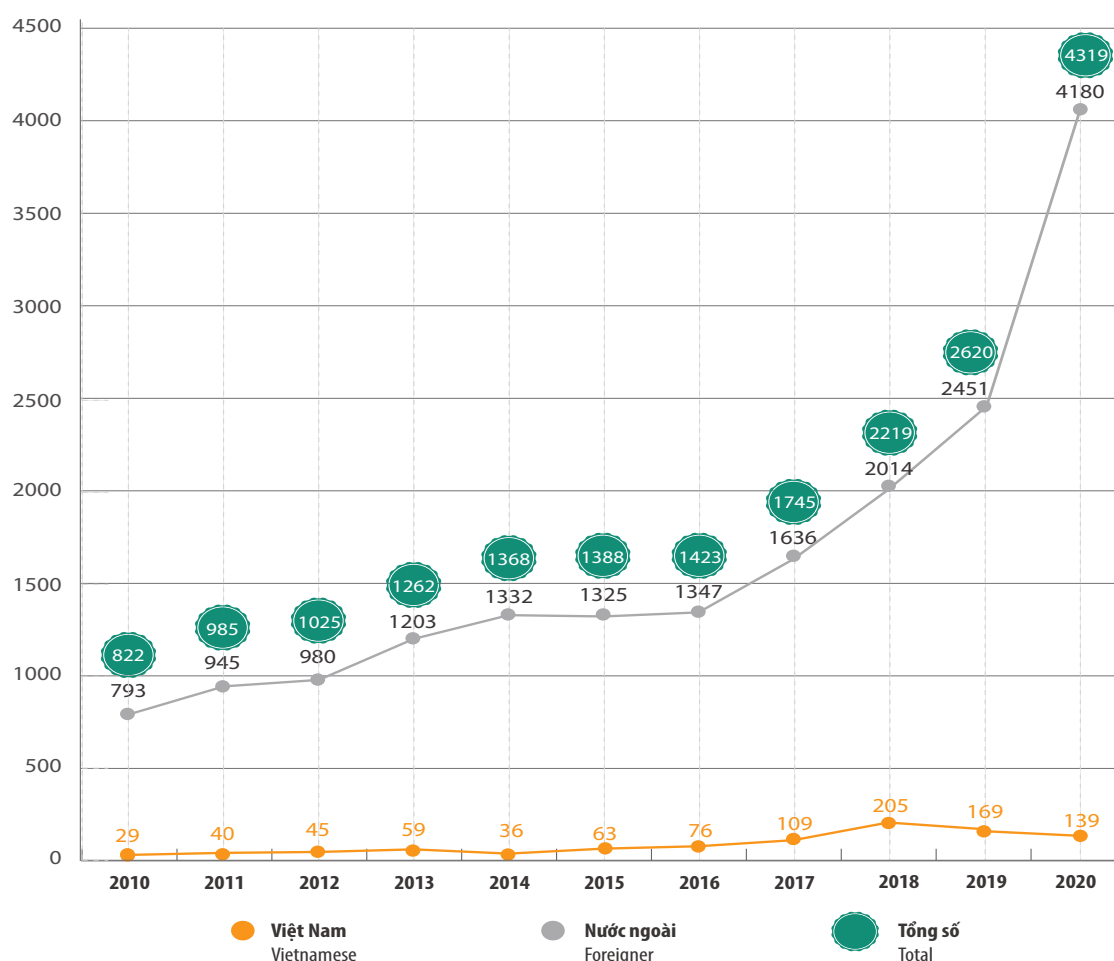
Invention applications filed and Invention patents granted from 1981 to 2020

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký sáng chế đã nộp Filed Invention applications			Số lượng bằng độc quyền sáng chế đã cấp Granted Invention patents		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
1981-1989	506	25	531	74	7	81
1990	62	17	79	11	3	14
1991	39	25	64	14	13	27
1992	34	49	83	19	16	35
1993	33	194	227	3	13	16
1994	22	270	292	5	14	19
1995	23	659	682	3	53	56
1996	37	971	1008	4	58	62
1997	30	1234	1264	0	111	111
1998	25	1080	1105	5	343	348
1999	35	1107	1142	13	322	335
2000	34	1205	1239	10	620	630
2001	52	1234	1286	7	776	783
2002	69	1142	1211	9	734	743
2003	78	1072	1150	17	757	774
2004	103	1328	1431	22	676	698
2005	180	1767	1947	27	641	668
2006	196	1970	2166	44	625	669
2007	219	2641	2860	34	691	725
2008	204	2995	3199	39	627	666
2009	258	2632	2890	29	677	706
2010	306	3276	3582	29	793	822
2011	301	3387	3688	40	945	985
2012	382	3577	3959	45	980	1025
2013	443	3726	4169	59	1203	1262
2014	487	3960	4447	36	1332	1368
2015	583	4450	5033	63	1325	1388
2016	560	4668	5228	76	1347	1423
2017	592	4790	5382	109	1636	1745
2018	646	5425	6071	205	2014	2219
2019	720	6800	7520	169	2451	2620
2020	1020	6674	7694	139	4180	4319
Tổng số/Total	8279	74350	82629	1359	25983	27342

* Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2020 / Statistics is calculated up to 31 December 2020



Số lượng đơn đăng ký sáng chế từ năm 2010 đến 2020 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Invention applications filed from 2010 to 2020 by the Vietnamese and the Foreigner



Số lượng bằng độc quyền sáng chế đã cấp từ năm 2010 đến 2020 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Invention patents granted from 2010 to 2020 by the Vietnamese and the Foreigner



2. GIẢI PHÁP HỮU ÍCH / UTILITY SOLUTION

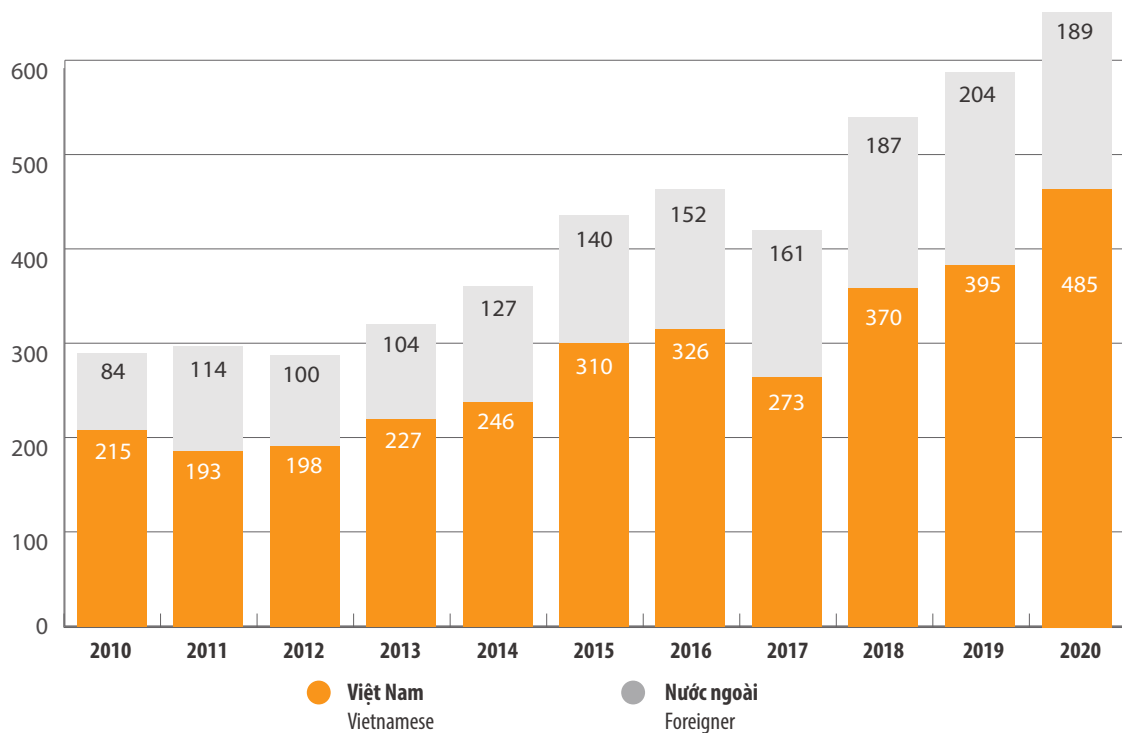
- Đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp và Bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp từ 1989 đến 2020

Utility solution applications filed and Utility solution patents granted from 1989 to 2020

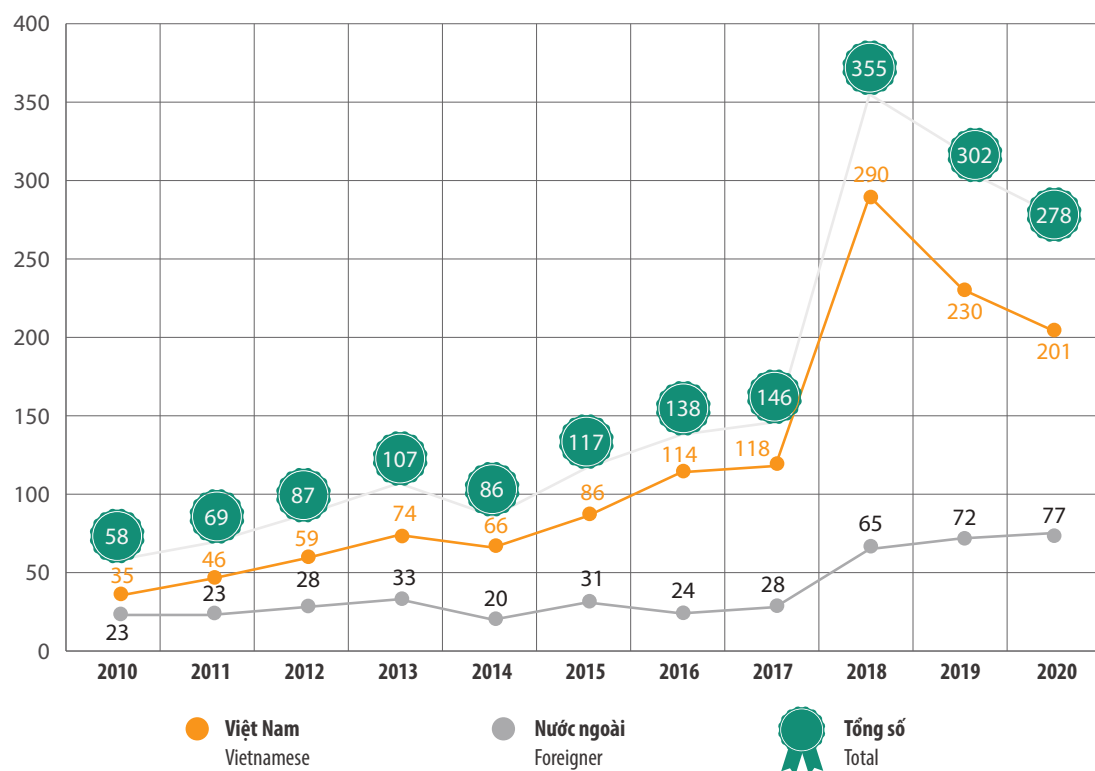
Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp Filed utility solution applications			Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp Granted utility solution patents		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
1989	25	0	25	0	0	0
1990	39	25	64	23	0	23
1991	52	01	53	44	1	45
1992	32	01	33	23	1	24
1993	38	20	58	9	1	10
1994	34	24	58	18	9	27
1995	26	39	65	8	16	24
1996	41	38	79	5	6	11
1997	24	42	66	8	12	20
1998	15	13	28	3	14	17
1999	28	14	42	6	12	18
2000	35	58	93	10	13	23
2001	35	47	82	17	9	26
2002	67	64	131	21	26	47
2003	76	51	127	28	27	55
2004	103	62	165	44	25	69
2005	182	66	248	41	33	74
2006	160	76	236	45	25	70
2007	120	100	220	49	36	85
2008	116	168	284	48	27	75
2009	133	120	253	45	19	64
2010	215	84	299	35	23	58
2011	193	114	307	46	23	69
2012	198	100	298	59	28	87
2013	227	104	331	74	33	107
2014	246	127	373	66	20	86
2015	310	140	450	86	31	117
2016	326	152	478	114	24	138
2017	273	161	434	118	28	146
2018	370	187	557	290	65	355
2019	395	204	599	230	72	302
2020	485	189	674	201	77	278
Tổng số/Total	4619	2591	7210	1814	736	2550

* Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2020 / Statistics is calculated up to 31 December 2020

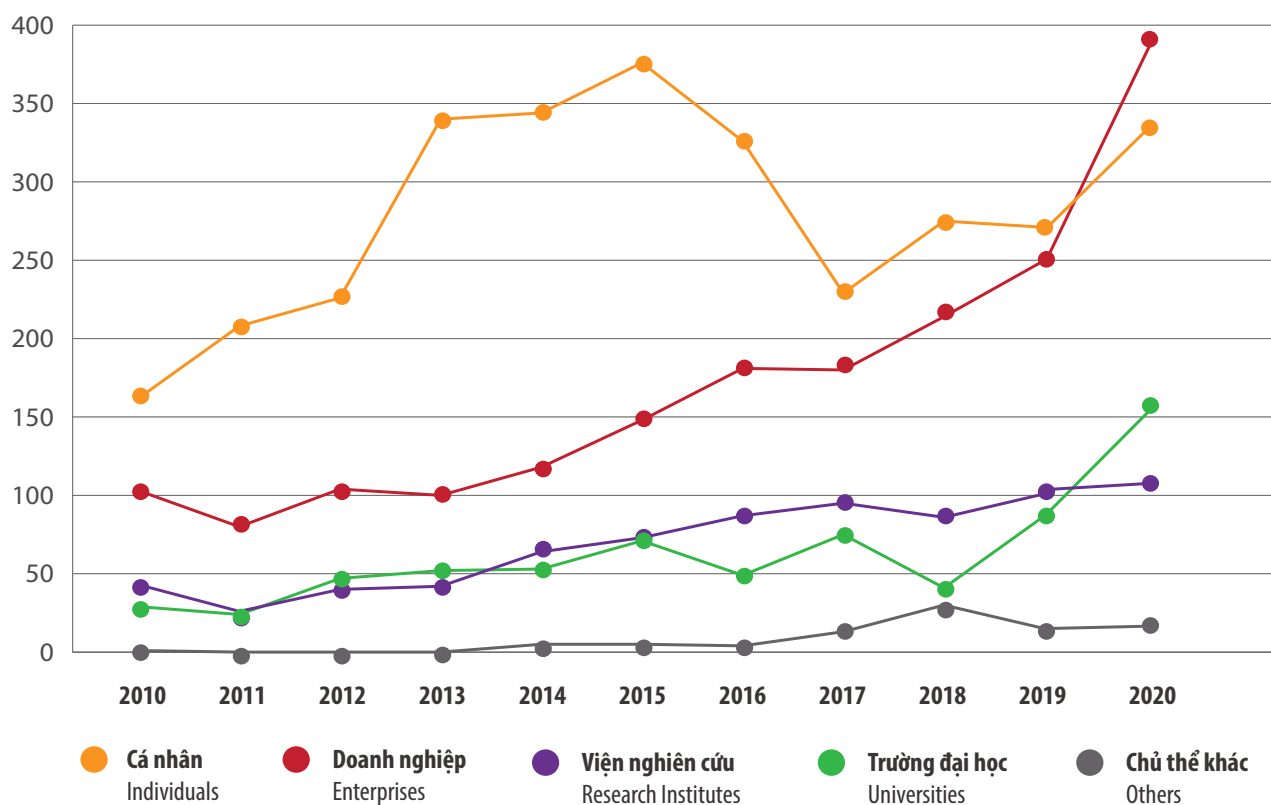




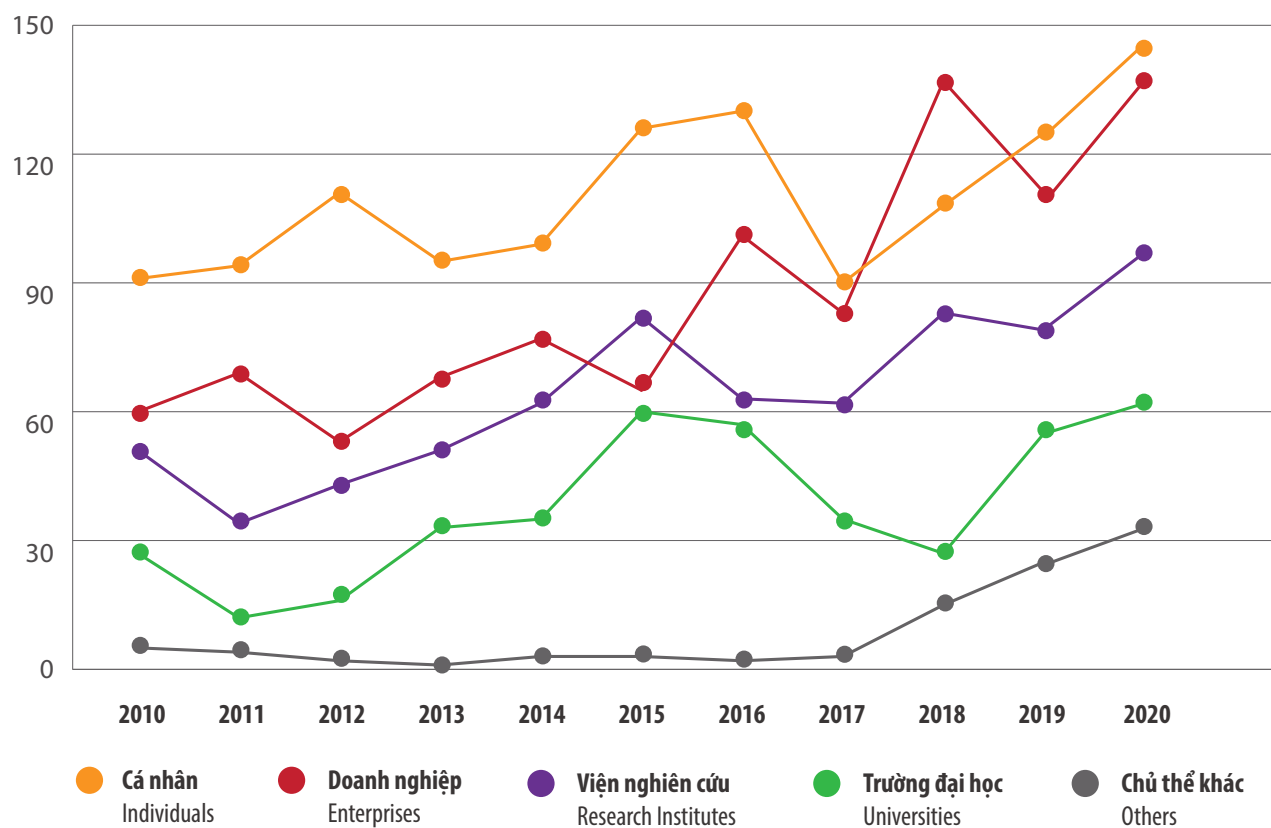
Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích từ năm 2010 đến 2020 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Utility solution applications filed from 2010 to 2020 by the Vietnamese and the Foreigner



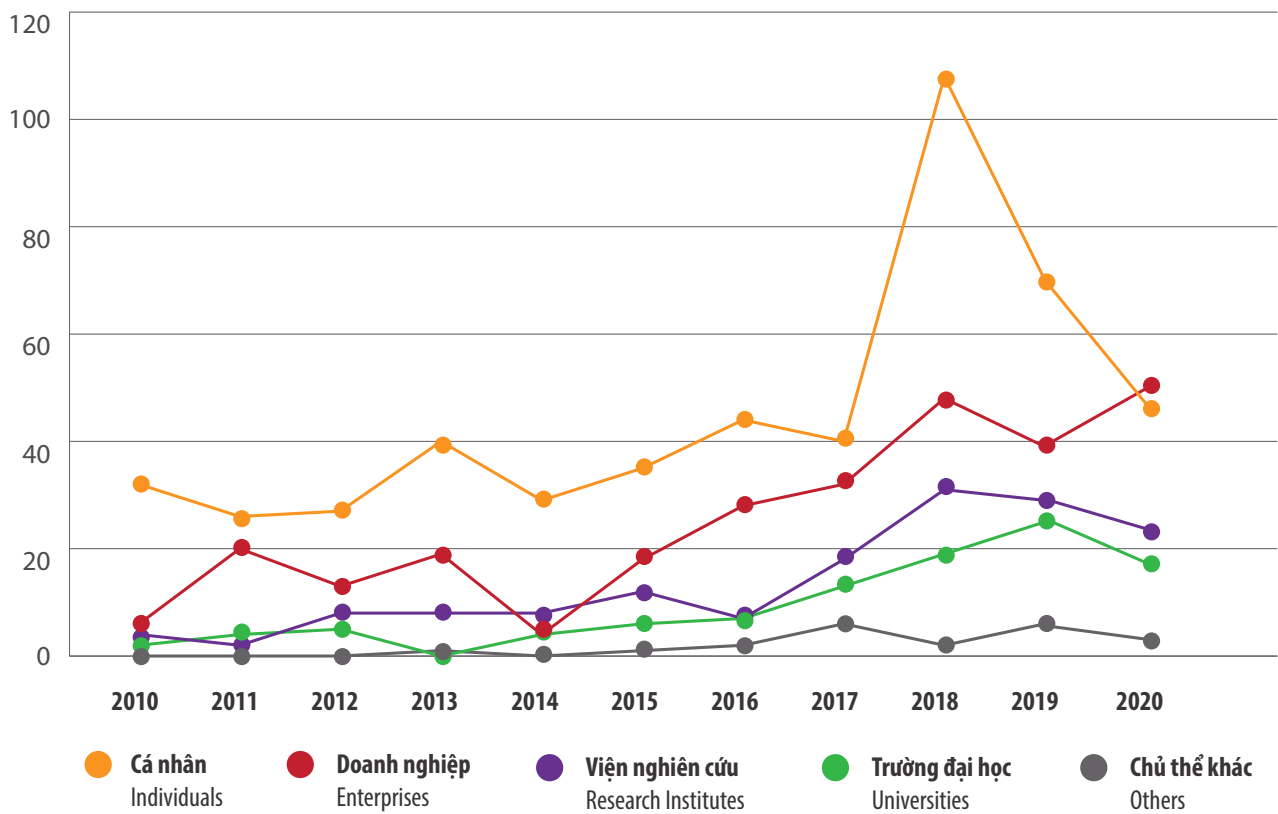
Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp từ năm 2010 đến 2020 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Utility solution patents granted from 2010 to 2020 by the Vietnamese and the Foreigner



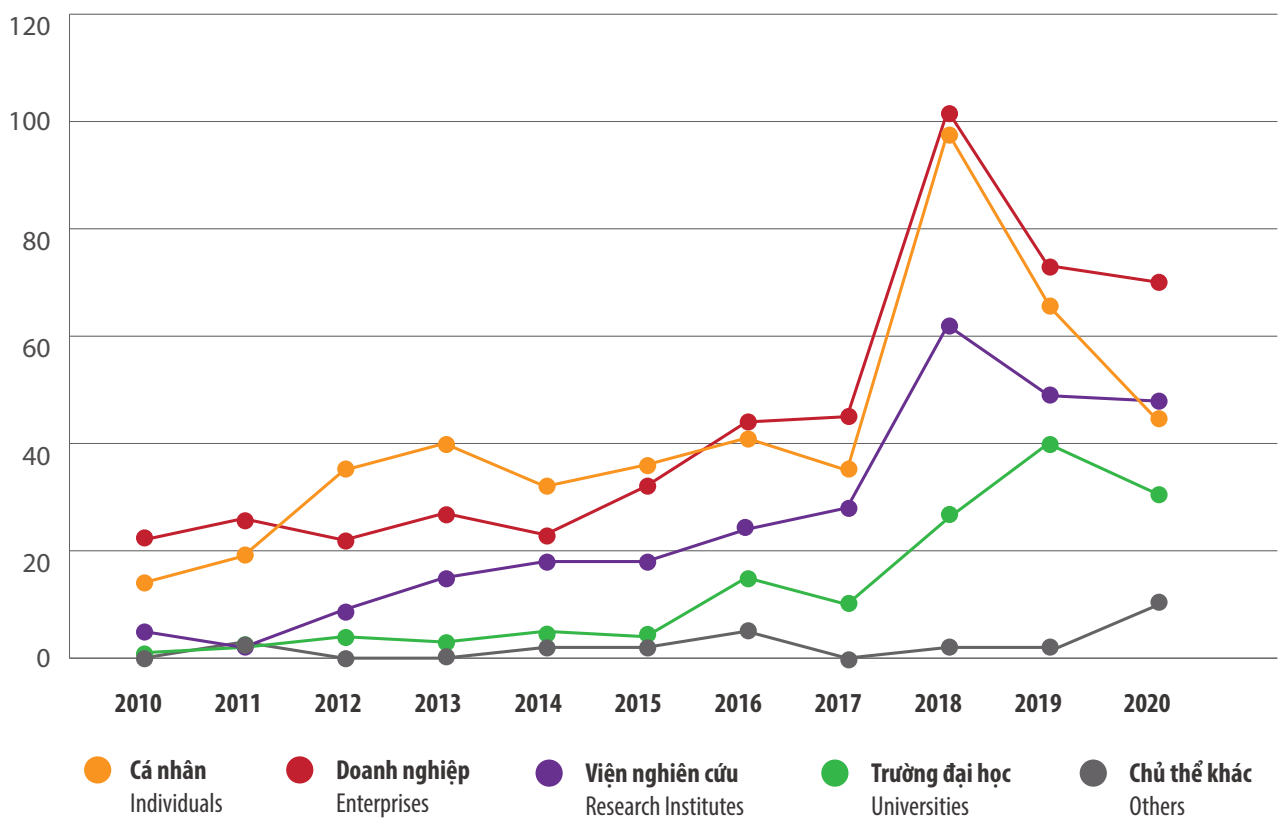
Số lượng đơn đăng ký sáng chế của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2010-2020 theo chủ thể
Vietnamese invention applications by holders from 2010 to 2020



Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2010-2020 theo chủ thể
Vietnamese utility solution applications by holders from 2010 to 2020



Số lượng bằng độc quyền sáng chế của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2010-2020 theo chủ thể
Patents granted for Vietnamese inventions by holders from 2010 to 2020

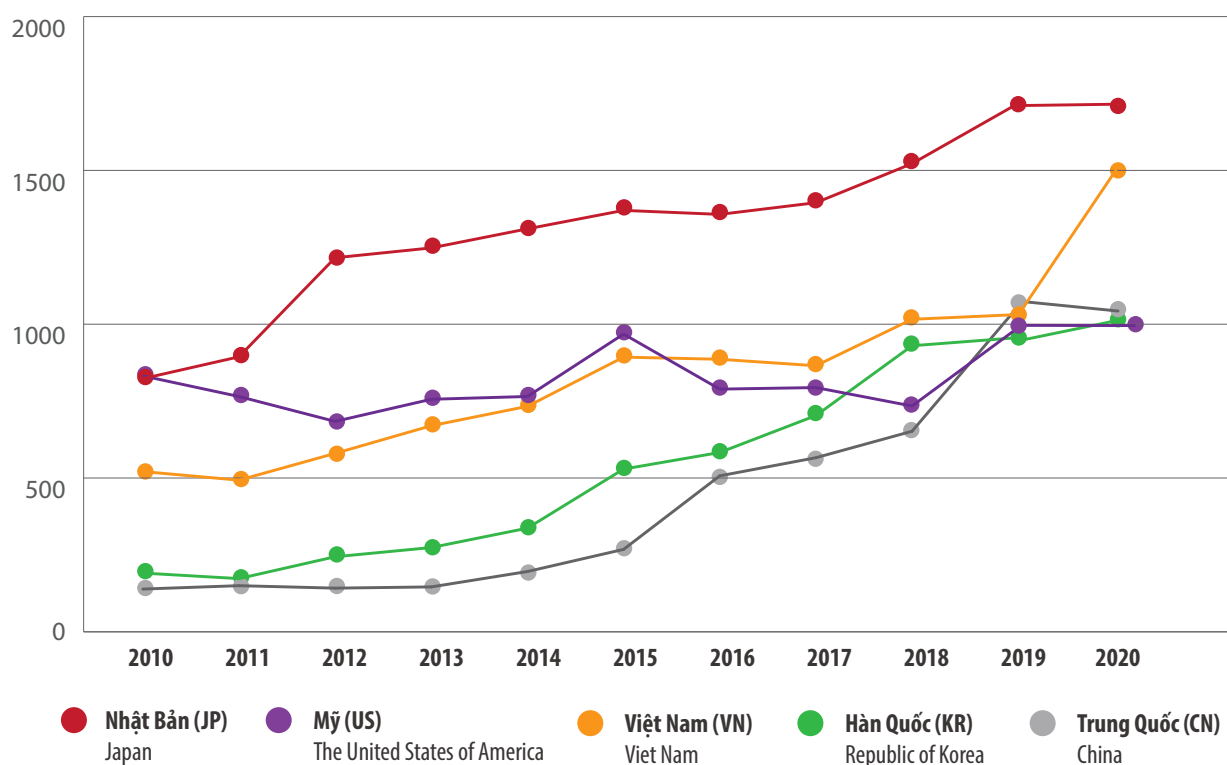


Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam từ năm 2010-2020 theo chủ thể
Patents granted for Vietnamese utility solutions by holders from 2010 to 2020

- Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích nộp cho Cục SHTT theo nước xuất xứ/vùng lãnh thổ từ năm 2003 đến 2020**

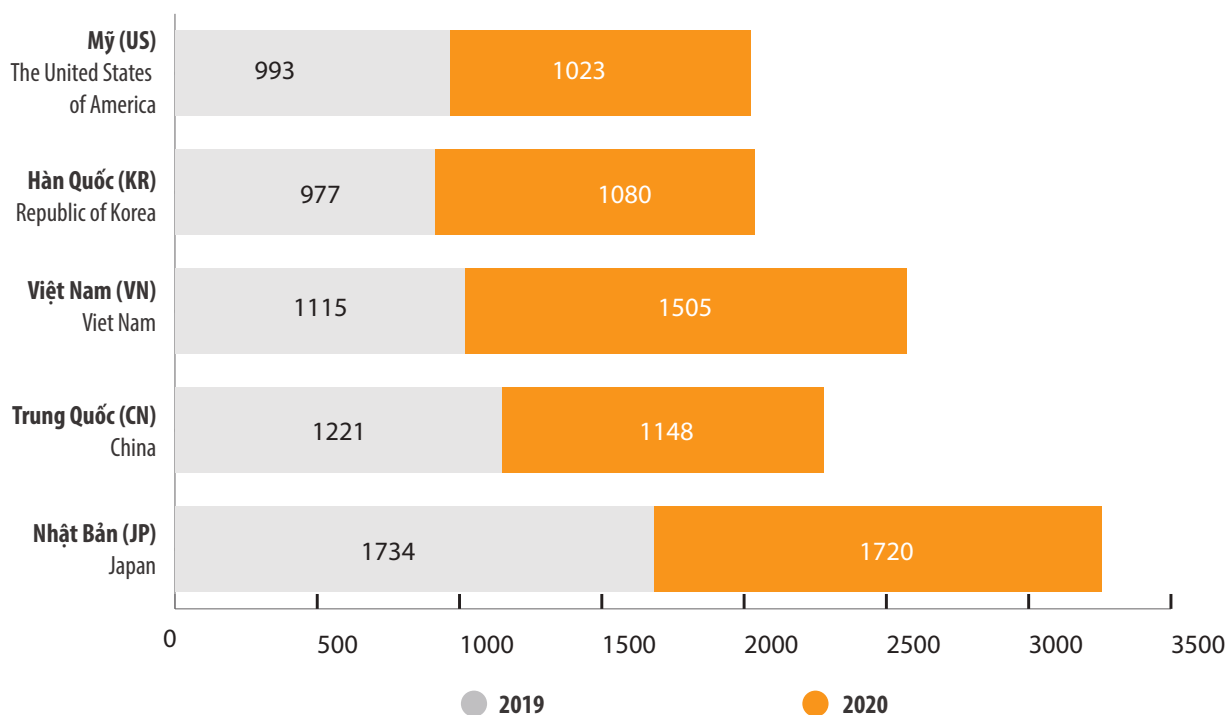
Patent and utility solution applications directly filed with IP VIET NAM by country/territory of origin from 2003 to 2020

Nước/vùng lãnh thổ xuất xứ Country/Territory of Origin	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Ôxtrâylia (AU) Australia	21	30	31	31	39	61	36	41	53	28	34	43	44	43	37	57	57	58
Bỉ (BE) Belgium	16	24	28	46	84	80	58	53	45	47	37	29	42	30	42	34	52	39
Canada (CA) Canada	5	25	14	13	16	18	8	17	28	24	25	22	16	31	22	11	19	19
Thụy Sĩ (CH) Switzerland	59	97	93	56	107	135	118	153	154	200	192	205	189	234	174	211	182	132
Trung Quốc (CN) China	18	10	19	27	63	87	117	139	150	142	146	196	268	507	566	652	1221	1148
CHLB Đức (DE) Germany	91	134	165	185	215	235	195	216	282	206	206	214	212	240	210	259	279	289
Đan Mạch (DK) Denmark	16	25	17	33	30	45	33	35	48	19	28	33	28	24	28	43	46	49
Pháp (FR) France	40	43	74	79	92	120	107	140	144	138	127	127	118	94	100	102	88	104
Anh (GB) Great Britain	45	31	61	70	83	98	59	71	63	63	63	67	41	45	60	82	70	69
Italia (IT) Italy	11	27	23	30	34	35	44	41	47	43	46	45	66	61	63	59	76	64
Nhật Bản (JP) Japan	261	257	376	357	425	632	632	823	894	1216	1248	1310	1370	1357	1395	1522	1734	1720
Hàn Quốc (KR) Republic of Korea	47	50	67	112	174	175	195	191	173	244	274	337	529	583	703	930	977	1080
Hà Lan (NL) Netherlands	37	59	66	68	117	113	107	98	118	96	115	99	126	124	106	111	133	127
Na Uy (NO) Norway	7	7	7	16	9	14	13	10	9	19	14	16	8	8	8	17	13	19
Thụy Điển (SE) Sweden	1	2	9	11	10	19	13	51	35	29	40	40	54	50	52	70	74	80
Đài Loan (TW) Chinese Taipei	73	106	142	137	247	321	192	202	187	181	185	184	173	242	229	282	352	341
Mỹ (US) The United States of America	278	356	523	564	738	692	595	832	765	684	756	765	968	789	794	734	993	1023
Việt Nam (VN) Viet Nam	149	206	362	196	339	320	391	521	493	580	670	733	893	886	865	1016	1115	1505
Các nước khác Other countries/territories	102	107	116	371	763	283	230	247	307	298	294	355	340	358	362	436	638	502
Tổng số Total	1277	1596	2195	2402	3585	3483	3143	3881	3995	4257	4500	4820	5483	5706	5816	6628	8119	8368



Sự gia tăng tổng số lượng đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích của các nước có đơn nộp nhiều nhất trong giai đoạn 2010 đến 2020

The increase in invention and utility solution applications of top countries during 2010 -2020



Tổng số lượng đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích của các nước nộp nhiều nhất năm 2019 so với năm 2020

Invention and utility solution applications of top countries in 2019 in comparison with 2020

Số lượng đơn sáng chế của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2010 - 2020 theo phân loại sáng chế quốc tế (IPC) / Invention applications by Vietnamese applicants and Foreign applicants from 2010 to 2020 by international patent classification (IPC)

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	A01	Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nghề chăn nuôi; Săn bắn; Đặt bẫy; đánh cá	44	646	18	747	28	675
2	A21	Nướng bánh; thiết bị để chuẩn bị hoặc chế biến bột nhào; bột nhào để nướng bánh	0	2	0	14	1	10
3	A22	Giết mổ gia súc; Chế biến thịt; Chế biến gia cầm hay cá	1	2	0	7	0	0
4	A23	Thức ăn hay thực phẩm; Chế biến thức ăn, thực phẩm không thuộc các lớp khác	33	228	12	243	16	320
5	A24	Thuốc lá; Xi gà; Thuốc lá điếu; Dụng cụ hút thuốc	0	10	1	11	0	18
6	A41	Quần áo	0	5	2	13	1	23
7	A42	Mũ nón	0	1	0	5	0	10
8	A43	Sản xuất giấy dép	4	28	1	35	1	50
9	A44	Tạp hoá; Đồ kim hoàn	0	12	0	13	0	35
10	A45	Đồ dùng cầm tay hoặc đi đường	3	9	1	15	4	8
11	A46	Đồ dùng để chải	0	52	0	18	0	51
12	A47	Đồ gỗ; Đồ dùng hoặc dụng cụ gia đình; Máy xay cà phê; Máy xay gia vị; Thiết bị hút bụi nói chung	13	54	10	49	11	55
13	A61	Y tế và thú y; Vệ sinh	29	2644	34	2945	39	2739
14	A62	Cứu hộ; cứu hỏa	3	1	0	27	7	7
15	A63	Thể thao; trò chơi; giải trí tập thể	0	28	5	11	3	13
16	A99	Các đối tượng chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
17	B01	Các quy trình hoặc thiết bị vật lý hoặc hóa học nói chung	12	235	22	259	15	348
18	B02	Đập vỡ vụn, nghiền thành bột hoặc nghiền vụn, sơ chế nguyên liệu hạt để nghiền	1	19	4	20	5	3
19	B03	Tách các vật liệu rắn sử dụng chất lỏng hoặc sử dụng các bàn máy hoặc các máy sàng khí nén; tách các vật liệu rắn từ các vật liệu rắn hoặc các chất lỏng bằng từ tính hoặc điện tĩnh; tách bằng các điện trường cao thế [5]	2	9	1	17	5	18
20	B04	Các máy li tâm hoặc các máy dùng cho các quy trình vật lý hoặc hóa học	0	9	0	6	0	10
21	B05	Phun hoặc phun mù nói chung; tráng chất lỏng hoặc các vật liệu chảy lỏng khác lên bề mặt nói chung [2]	3	39	0	47	3	29
22	B06	Tạo ra hoặc truyền các dao động cơ học nói chung	0	0	0	4	0	0
23	B07	Tách các chất rắn ra khỏi các chất rắn; phân loại	0	7	3	6	1	8
24	B08	Làm sạch	0	10	1	5	5	1
25	B09	Loại bỏ chất thải rắn; cải tạo đất nhiễm bẩn [3,6]	1	2	0	11	2	10
26	B21	Gia công cơ khí kim loại mà không loại bỏ đáng kể vật liệu; dập kim loại	2	32	0	34	0	51
27	B22	Ngành đúc; luyện kim bột	0	24	0	53	0	66
28	B23	Máy công cụ; gia công kim loại chưa được đề cập đến ở các vị trí khác	9	31	0	40	0	100
29	B24	Mài; đánh bóng	0	14	0	15	2	63
30	B25	Các dụng cụ cầm tay; các dụng cụ dịch chuyển được dẫn động bằng động cơ; dụng cụ trong phân xưởng; các tay máy	0	8	1	12	1	12
31	B26	Dụng cụ cắt cầm tay; cắt; chia cắt	0	10	0	10	1	13
32	B27	Chế biến hoặc bảo quản gỗ hoặc vật liệu tương tự; máy đóng đinh hoặc đóng ghim nói chung	0	12	4	7	0	15
33	B28	Gia công xi măng, đất sét hoặc đá	2	4	14	6	6	3
34	B29	Xử lý các chất dẻo; xử lý các chất ở trạng thái dẻo nói chung	4	93	3	115	1	114
35	B30	Máy ép	0	2	1	1	0	8
36	B31	Chế tạo các sản phẩm giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như với giấy; xử lý cơ học giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như giấy	0	1	0	5	0	12
37	B32	Các sản phẩm có lớp	0	60	2	97	3	122

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
40	809	49	696	53	563	86	573	60	577	65	595	64	633	120	678
0	17	3	7	0	15	2	11	0	0	3	9	3	22	7	57
0	0	0	2	1	6	0	3	0	7	0	0	0	1	2	2
44	351	20	372	20	375	43	267	29	290	40	433	60	554	70	515
0	22	0	72	0	27	1	84	0	29	0	75	0	67	9	70
3	10	3	16	0	28	2	27	4	57	4	47	8	73	10	65
0	9	0	7	1	2	2	4	1	3	1	1	2	21	1	4
3	38	1	87	7	148	4	166	2	123	2	174	0	220	3	220
0	11	0	21	1	41	0	30	0	29	3	42	2	45	1	28
0	10	1	24	1	26	2	21	0	20	4	44	4	43	22	23
0	50	3	27	0	41	0	54	2	10	1	16	3	25	1	11
10	55	33	86	26	63	14	94	19	108	19	148	37	121	11	125
45	2395	62	2821	77	3086	61	2745	48	2705	122	3039	196	3602	250	3299
0	17	1	18	6	12	13	19	4	19	5	40	3	36	13	18
3	9	6	44	7	25	14	36	3	31	2	53	2	75	6	74
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0
31	374	31	314	19	261	26	204	47	292	24	344	26	427	46	354
4	23	2	9	7	16	2	19	4	5	5	13	1	30	7	13
1	12	2	9	1	11	0	14	1	6	1	17	5	19	1	21
7	2	2	10	0	12	0	11	1	3	0	1	0	3	2	0
10	70	6	63	3	48	3	64	7	79	2	52	4	134	2	124
0	0	0	1	0	1	0	0	0	3	0	5	0	1	1	1
1	19	1	11	3	16	1	4	1	12	1	7	0	26	3	10
0	9	2	9	2	11	2	10	1	12	2	25	6	29	5	11
0	15	8	14	3	12	3	14	4	13	3	12	10	18	2	19
0	52	2	100	2	78	6	64	5	60	0	83	2	135	1	84
1	34	5	41	2	54	2	44	1	49	0	62	2	108	2	54
2	56	7	96	5	91	6	93	4	88	5	101	6	143	2	156
0	21	2	26	1	31	0	23	0	30	1	34	0	27	1	27
1	11	1	13	7	10	5	21	1	38	1	28	0	40	16	49
0	17	0	19	2	19	3	9	1	27	1	31	2	52	0	23
0	17	0	7	1	10	7	8	1	0	1	32	8	29	2	6
1	24	1	16	0	17	3	34	1	28	7	36	5	63	4	14
3	100	13	110	3	156	7	217	5	174	4	257	8	317	15	324
0	4	1	2	1	2	0	15	4	1	0	2	1	10	2	0
1	5	0	3	1	8	0	14	0	6	1	24	2	5	1	25
2	116	5	113	18	112	2	136	6	232	2	226	3	336	6	348

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
38	B33	Công nghệ chế tạo đắp lớp [2015.01]	0	0	0	0	0	0
39	B41	Thiết bị in; các loại máy kẻ dòng; các loại máy chữ; các loại khuôn dấu [4]	0	26	1	38	6	53
40	B42	Đóng sách; an-bum; hồ sơ, tài liệu; sản phẩm in đặc biệt	0	16	0	13	0	23
41	B43	Dụng cụ viết hoặc vẽ; dụng cụ phụ trợ dùng cho bàn giấy	1	2	2	6	3	4
42	B44	Nghệ thuật trang trí	1	5	1	2	2	9
43	B60	Phương tiện vận tải (những vấn đề chung)	6	66	5	84	6	94
44	B61	Các phương tiện vận tải trên ray	0	2	10	10	3	4
45	B62	Các phương tiện vận tải không ray trên mặt đất	9	131	14	141	4	250
46	B63	Tàu thủy và các phương tiện nổi khác; trang thiết bị cho chúng	3	18	6	29	7	52
47	B64	Thiết bị bay, hàng không; du hành vũ trụ	0	3	4	1	2	1
48	B65	Vận chuyển; đóng gói; bảo quản; xử lý nguyên vật liệu dạng tấm mỏng và sợi	9	148	7	178	15	279
49	B66	Nâng tải; nhấc tải; chuyển tải	2	20	4	15	5	9
50	B67	Mở hoặc đóng chai, lọ, bình hoặc thùng chứa tương tự; xử lý chất lỏng	1	5	0	12	2	6
51	B68	Nghề làm yên cương; nghề bọc đồ gỗ	0	0	0	0	0	1
52	B81	Công nghệ vi cấu trúc [7]	0	0	0	0	0	4
53	B82	Công nghệ nano [7]	0	0	1	0	0	1
54	B99	Các đối tượng kỹ thuật không được đề cập ở các phân lớp khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
55	C01	Hóa vô cơ	4	32	18	65	5	62
56	C02	Xử lý nước, nước thải; nước thải sinh hoạt hoặc bùn	7	98	12	117	6	108
57	C03	Thủy tinh, bông khoáng hay bông xi	1	37	1	28	0	46
58	C04	Xi măng; bê tông; đá nhân tạo; đồ gốm; vật liệu chịu lửa [4]	17	38	17	35	9	84
59	C05	Phân bón; sản xuất phân bón [4]	4	9	0	35	16	34
60	C06	Các chất nổ; diêm	0	0	1	0	0	0
61	C07	Hóa hữu cơ [2]	20	1714	31	1798	14	1474
62	C08	Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; điều chế chúng hoặc gia công hóa học; các hợp phần trên cơ sở các hợp chất này	13	275	7	324	24	382
63	C09	Thuốc nhuộm; sơn; dầu đánh bóng; nhựa tự nhiên; chất kết dính; các hợp phần dùng cho mục đích khác; sử dụng các vật liệu cho mục đích khác	1	114	1	177	4	203
64	C10	Công nghiệp dầu mỏ, khí và luyện cốc; khí dùng trong kỹ thuật chứa carbon monoxit; nhiên liệu; chất bôi trơn; than bùn	9	115	5	155	19	163
65	C11	Dầu động vật hoặc dầu thực vật, mỡ, chất béo hay sáp; các axit béo thu nhận được từ chúng; các chất tẩy rửa; nến	2	98	2	94	6	121
66	C12	Hóa sinh; bia; rượu mạnh; rượu vang; dấm; vi sinh vật học; enzym học; tạo đột biến hay kỹ thuật di truyền	20	271	8	368	28	275
67	C13	Công nghiệp đường [4]	0	2	0	7	0	5
68	C14	Da; da sống; da còn lông; da thuộc	0	1	0	2	2	3
69	C21	Luyện gang, thép	0	38	0	57	0	113
70	C22	Luyện kim; hợp kim kim loại đen hay màu; gia công hợp kim hay kim loại màu	0	47	6	74	11	140
71	C23	Phủ vật liệu kim loại; phủ vật liệu bằng vật liệu kim loại; xử lý bề mặt bằng phương pháp hóa học; xử lý bằng phương pháp khuếch tán vật liệu kim loại; phủ bằng phương pháp bay hơi trong chân không, phương pháp mạ phun, phương pháp cấy ion hay kết tủa hóa học hơi nói chung; ức chế sự ăn mòn của vật liệu kim loại hay đóng cặn nói chung [2]	0	0	0	0	0	0
72	C25	Các qui trình điện phân hay điện di; các thiết bị dùng cho điện phân, điện di [4]	4	23	1	41	0	40
73	C30	Cấy tinh thể [3]	0	1	0	4	3	3
74	C40	Công nghệ tổ hợp [2006.01]	0	0	0	0	0	0
75	C99	Đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập ở những phân lớp khác trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	10	0	11	12	25
1	32	0	52	3	73	2	111	3	99	0	81	2	124	2	77
1	16	0	7	1	7	2	3	2	9	0	35	0	35	0	13
0	5	4	1	6	4	5	2	1	3	1	11	0	0	1	3
0	3	0	3	0	6	0	8	0	6	1	4	2	8	0	13
14	115	7	130	19	116	10	112	14	177	9	219	10	227	11	235
2	16	4	44	3	1	6	4	1	7	3	20	2	12	2	13
4	249	5	197	6	341	7	182	2	155	9	190	8	294	4	274
8	44	9	30	6	43	4	40	6	42	7	39	2	41	9	49
3	4	4	4	4	5	2	3	2	0	9	18	5	17	2	15
9	299	7	250	15	311	10	313	10	285	7	411	26	449	10	378
4	13	4	20	10	5	11	23	2	17	5	41	1	25	5	40
0	8	0	16	0	4	1	19	0	9	0	34	0	55	0	16
0	0	0	0	0	1	0	2	0	1	0	1	0	0	0	2
1	0	2	1	0	1	0	0	2	0	1	1	2	1	1	0
0	0	3	1	2	5	3	7	2	5	12	6	5	8	26	9
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	72	6	68	15	67	16	65	6	86	26	60	13	85	23	100
19	179	32	105	30	94	23	138	28	122	21	127	31	173	44	147
4	54	0	72	2	44	3	57	2	69	3	122	0	143	1	255
14	88	5	72	11	91	54	126	11	125	6	119	15	213	25	133
13	19	17	20	9	26	11	28	11	20	16	32	9	50	31	45
0	2	0	0	0	0	0	0	2	0	0	3	0	3	1	0
18	1488	30	1449	35	1517	31	1356	41	1354	28	1574	49	1681	45	1406
9	415	6	354	11	411	3	472	12	567	11	553	12	802	35	701
0	231	9	200	4	180	19	238	8	284	15	344	5	441	12	417
17	193	17	210	6	157	13	94	8	126	14	181	8	164	15	94
2	171	8	198	4	155	8	123	9	178	5	224	27	139	21	174
22	367	33	366	41	337	34	266	32	408	48	439	65	662	69	570
0	7	0	5	0	14	0	1	0	7	0	4	1	9	0	7
0	6	2	2	0	1	2	1	0	4	0	0	0	8	0	9
1	102	1	174	1	122	0	99	2	144	0	103	2	207	0	137
0	215	3	281	7	252	4	217	4	259	8	251	1	491	7	294
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	224	4	261
0	58	4	62	1	34	1	59	5	73	2	65	4	108	2	118
0	3	0	4	3	2	0	4	0	4	15	0	0	0	0	5
0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	4	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
76	D01	Chỉ hoặc tơ xơ tự nhiên hay nhân tạo; kéo sợi	0	28	0	18	2	40
77	D02	Sợi; xử lý cuối tơ sợi bằng các phương pháp cơ học; mắc sợi	0	2	0	5	0	4
78	D03	Dệt	0	17	0	4	0	12
79	D04	Sự đan tết; sản xuất đăng ten; sản xuất hàng dệt kim; các sản phẩm trang sức; vật liệu không dệt	0	14	0	15	0	18
80	D05	Máy; thêu; sản xuất hàng có cắm lông	0	9	1	10	0	8
81	D06	Xử lý các sản phẩm dệt; giặt; vật liệu đàn hồi không thuộc các lớp khác	3	76	0	62	3	57
82	D07	Dây cáp, dây chèo hoặc dây cáp trừ dây dẫn điện	0	3	0	3	0	5
83	D21	Sản xuất giấy; sản xuất xenlulo	3	42	2	27	0	50
84	D99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
85	E01	Xây dựng đường, đường sắt hoặc cầu	1	13	1	15	2	26
86	E02	Công trình thủy lợi; nền móng; chuyển đất	6	37	9	73	19	49
87	E03	Cấp nước; thoát nước	3	8	1	6	6	24
88	E04	Công trình xây dựng	18	45	18	84	18	108
89	E05	Ổ khóa; chìa khóa; phụ tùng cửa sổ; cửa ra vào và các loại cửa khác; kết sắt	0	27	7	25	4	24
90	E06	Cửa đi, cửa sổ, cửa chớp, hoặc màn cuốn, cầu thang	3	3	4	15	3	8
91	E21	Khoan đất hoặc đá; khai mỏ	1	19	0	28	1	44
92	E99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
93	F01	Máy hoặc động cơ nói chung (động cơ đốt trong F02, máy thủy lực F03, F04); Thiết bị động lực nói chung; Máy hơi nước	2	47	3	40	0	75
94	F02	Các động cơ đốt trong; các thiết bị động lực hoạt động bằng khí nóng hoặc sản phẩm cháy	2	92	4	95	0	114
95	F03	Máy và động cơ thủy lực; Các động cơ gió, động cơ lò xo hoặc động cơ trọng lực; Các phương pháp và thiết bị để tạo năng lượng cơ học hoặc lực đẩy phản lực, không thuộc các đề mục khác	12	54	9	25	12	32
96	F04	Máy thủy lực dẫn nở thể tích; Máy bơm chất lỏng hoặc lưu chất đàn hồi	1	26	8	17	2	48
97	F15	Các cơ cấu thừa hành dạng thủy lực hoặc khí nén; Các hệ thống thủy lực hoặc khí nén nói chung	0	3	4	8	1	0
98	F16	Các cụm chi tiết máy; Phương pháp chung để sản xuất và duy trì hoạt động của thiết bị và máy móc; Cách nhiệt nói chung	7	150	18	187	18	144
99	F17	Bảo quản hoặc phân phối khí hoặc chất lỏng	0	10	0	7	0	14
100	F21	Chiếu sáng	1	15	0	17	0	34
101	F22	Sinh hơi	0	12	0	3	0	7
102	F23	Thiết bị buồng đốt; Quá trình đốt cháy	1	64	1	28	7	46
103	F24	Sưởi ấm; Lò bếp; Thông gió	8	24	3	40	14	31
104	F25	Làm lạnh hay đông lạnh; Các hệ thống kết hợp đốt nóng và làm lạnh; Các hệ thống bơm nhiệt; Sản xuất hay bảo quản đá; Hóa lỏng hay hoá rắn các chất khí	0	24	0	31	2	40
105	F26	Sấy	9	3	2	5	2	12
106	F27	Các loại lò đun nóng, Nung thiêu, sấy, hoặc chưng [4]	0	24	0	28	1	54
107	F28	Trao đổi nhiệt nói chung	0	17	0	17	1	15
108	F41	Vũ khí	1	1	1	1	6	2
109	F42	Đạn dược và công tác nổ	0	0	0	0	0	0
110	F99	Đối tượng không thuộc các đề mục khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
111	G01	Đo; Thử nghiệm	8	107	9	132	5	94
112	G02	Quang học	1	27	0	32	0	46
113	G03	Chụp ảnh; Điện ảnh; Kỹ thuật tương tự sử dụng các loại sóng khác ngoài sóng quang; Ghi điện ký; Toàn ký [4]	0	16	3	40	3	36
114	G04	Đồng hồ và các máy đo thời gian khác	0	1	0	1	0	0
115	G05	Điều khiển; Điều chỉnh	1	15	0	8	1	8
116	G06	Tính toán; Đếm	5	127	6	147	14	156
117	G07	Thiết bị kiểm tra	0	18	0	8	3	12

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	32	1	30	4	30	0	56	2	60	1	38	1	90	0	94
0	14	0	12	2	7	0	11	0	21	0	8	0	16	1	16
0	5	0	3	0	11	0	26	1	19	3	37	0	17	3	32
0	25	0	36	0	47	0	58	0	70	1	87	0	80	2	95
0	29	0	24	0	15	1	33	0	29	0	35	0	31	0	35
0	63	0	95	2	71	11	86	0	158	17	130	4	127	6	218
0	2	0	0	0	0	0	6	0	2	0	5	0	6	0	12
0	34	0	30	1	46	0	29	0	63	0	79	0	69	0	61
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	20	0	26	6	16	6	17	7	24	7	32	4	48	11	24
9	52	16	58	42	36	27	71	37	57	38	80	15	71	14	56
6	26	7	37	12	20	27	28	12	31	4	36	5	19	4	44
21	77	19	82	38	94	40	84	28	96	19	194	22	187	23	147
0	18	6	23	2	22	1	29	6	38	4	42	2	56	3	55
3	8	0	41	3	18	7	31	4	35	1	30	7	45	7	38
0	45	2	51	7	37	7	37	8	19	1	30	2	47	5	30
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	80	8	51	1	38	10	42	1	67	1	71	3	70	2	59
8	122	4	127	10	107	16	114	3	104	5	95	8	151	19	94
17	35	21	18	21	19	19	28	29	35	12	27	23	30	23	58
7	20	6	22	1	19	4	47	5	82	5	51	14	58	4	58
0	9	0	3	0	7	0	11	3	16	0	27	3	44	3	30
21	191	18	215	22	112	10	173	7	238	14	297	10	361	15	295
0	10	0	16	0	11	2	4	0	19	0	12	1	12	2	16
6	24	3	31	4	21	1	43	3	55	11	38	8	182	8	63
0	21	0	28	0	15	2	16	1	8	6	13	5	13	0	15
6	61	13	44	24	36	5	46	10	32	8	31	12	51	10	79
3	31	7	55	9	59	5	49	7	72	7	112	3	148	15	104
1	28	2	30	2	54	5	74	5	94	2	53	5	72	1	78
4	19	7	16	6	10	9	11	4	21	1	35	2	24	4	10
1	38	0	56	3	45	0	33	1	33	0	42	1	32	3	38
2	15	0	18	1	6	0	22	0	38	3	52	0	32	0	42
1	2	0	0	1	3	1	8	4	5	3	4	2	8	1	18
0	3	0	2	0	2	1	0	0	0	3	6	0	0	3	4
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	104	24	153	32	132	23	206	100	233	41	229	60	371	69	393
1	50	0	57	1	110	8	174	9	189	11	248	12	256	21	297
3	87	3	70	1	87	9	65	5	81	2	107	0	99	3	74
0	3	0	1	0	1	0	1	0	0	0	12	0	7	1	6
1	20	3	17	3	12	3	25	5	35	4	39	3	48	6	32
33	210	20	221	24	281	30	276	47	400	36	649	52	801	76	607
0	39	1	35	1	45	4	30	6	68	2	42	3	25	5	38



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
118	G08	Phát tín hiệu	2	6	1	12	3	8
119	G09	Giáo dục; Mật mã; Trình diễn; Quảng cáo; Niêm phong	1	6	0	13	2	14
120	G10	Dụng cụ âm nhạc; Âm học	0	31	2	16	3	32
121	G11	Lưu trữ thông tin	0	77	0	55	0	66
122	G12	Chi tiết của các thiết bị	0	0	0	0	0	0
123	G16	Công nghệ thông tin và truyền thông [ict] chuyên dụng cho các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt [2018.01]	0	0	0	0	0	0
124	G21	Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	0	0	1	6	0	13
125	G99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
126	H01	Các phần tử và linh kiện điện cơ bản	6	158	5	240	5	232
127	H02	Sản xuất, biến đổi và phân phối năng lượng điện	5	49	4	85	5	104
128	H03	Sơ đồ điện tử nói chung	0	20	3	14	2	33
129	H04	Kỹ thuật thông tin điện	5	1005	5	627	9	510
130	H05	Các lĩnh vực kỹ thuật điện đặc biệt không được nêu trong các lớp khác	3	33	2	43	2	66
131	H99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

Số lượng đơn giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2010 - 2020 theo phân loại sáng chế quốc tế (IPC) / Utility solution applications by Vietnamese applicants and Foreign applicants from 2010 to 2020 by international patent classification (IPC)

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	A01	Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nghề chăn nuôi; Sản bản; Đặt bẫy; đánh cá	22	4	18	0	16	5
2	A21	Nướng bánh; thiết bị để chuẩn bị hoặc chế biến bột nhào; bột nhào để nướng bánh	2	3	0	0	1	0
3	A22	Giết mổ gia súc; Chế biến thịt; Chế biến gia cầm hay cá	0	0	0	1	0	2
4	A23	Thức ăn hay thực phẩm; Chế biến thức ăn, thực phẩm không thuộc các lớp khác	12	3	9	0	15	0
5	A24	Thuốc lá; Xi gà; Thuốc lá điếu; Dụng cụ hút thuốc	0	0	1	0	2	0
6	A41	Quần áo	0	1	1	0	0	1
7	A42	Mũ nón	0	1	3	1	4	0
8	A43	Sản xuất giấy dép	1	6	4	11	0	12
9	A44	Tạp hóa; Đồ kim hoàn	0	2	0	1	0	2
10	A45	Đồ dùng cầm tay hoặc đi đường	0	1	1	0	1	0
11	A46	Đồ dùng để chải	0	0	0	0	0	0
12	A47	Đồ gỗ; Đồ dùng hoặc dụng cụ gia đình; Máy xay cà phê; Máy xay gia vị; Thiết bị hút bụi nói chung	19	6	9	3	9	4
13	A61	Y tế và thú y; Vệ sinh	28	1	24	2	20	6
14	A62	Cứu hộ; cứu hỏa	5	0	4	5	0	1
15	A63	Thể thao; trò chơi; giải trí tập thể	2	4	0	3	4	0
16	A99	Các đối tượng chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
17	B01	Các quy trình hoặc thiết bị vật lý hoặc hóa học nói chung	5	2	6	6	19	9
18	B02	Đập vỡ vụn, nghiền thành bột hoặc nghiền vụn, sơ chế nguyên liệu hạt để nghiền	1	0	2	0	3	0
19	B03	Tách các vật liệu rắn sử dụng chất lỏng hoặc sử dụng các bàn máy hoặc các máy sàng khí nén; tách các vật liệu rắn từ các vật liệu rắn hoặc các chất lỏng bằng từ tính hoặc điện tĩnh; tách bằng các điện trường cao thế [5]	0	0	1	0	3	0
20	B04	Các máy li tâm hoặc các máy dùng cho các quy trình vật lý hoặc hóa học	0	3	0	0	0	0

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
3	13	6	41	9	30	4	43	5	43	8	37	5	63	19	41
4	26	5	27	1	33	5	42	5	43	8	100	5	108	4	122
1	31	4	10	3	113	3	204	3	86	3	52	1	60	4	159
0	28	0	19	0	13	1	20	0	10	2	9	0	23	1	16
0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	10
1	24	0	7	0	15	0	32	1	27	0	11	0	27	0	27
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	240	17	242	5	308	10	377	40	412	28	642	44	743	39	758
7	107	9	121	16	110	12	163	25	166	16	185	23	256	20	253
6	18	0	23	0	21	0	38	5	59	8	25	5	64	0	39
15	591	10	635	15	897	11	1081	51	1122	37	1408	50	2732	59	2862
1	77	3	112	2	101	7	91	3	79	5	163	8	160	26	202
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
30	5	47	12	40	21	33	15	49	21	38	10	69	7	57	6
0	1	0	0	3	0	1	0	0	0	2	0	1	0	4	1
1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
8	3	20	0	37	5	20	2	21	0	35	4	56	0	53	3
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	4	0
0	0	5	0	0	1	0	1	3	7	2	7	3	1	6	4
0	1	0	0	2	0	0	1	0	0	3	0	0	1	0	2
0	10	1	17	0	21	0	21	0	14	2	8	1	16	1	12
0	1	0	0	1	1	0	1	0	6	0	0	1	1	0	0
4	2	1	4	1	2	4	1	1	2	1	1	0	0	15	4
1	3	0	0	1	0	0	0	1	2	0	0	0	5	0	0
10	8	7	4	7	22	7	12	16	13	9	19	13	22	18	19
17	9	24	7	25	24	32	4	35	11	49	11	61	45	116	28
0	0	0	1	0	0	4	0	2	0	0	2	7	0	5	3
8	3	4	5	0	0	0	1	1	1	2	15	4	5	0	3
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	2	22	6	7	12	17	5	11	5	19	7	11	4	14	5
2	0	1	1	2	3	3	0	1	1	4	0	1	4	4	0
0	0	4	0	0	0	1	0	3	0	1	0	0	0	2	1
0	0	0	1	0	0	0	7	0	0	0	0	0	0	0	0



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
21	B05	Phun hoặc phun mù nói chung; tráng chất lỏng hoặc các vật liệu chảy lỏng khác lên bề mặt nói chung [2]	1	2	1	1	0	2
22	B06	Tạo ra hoặc truyền các dao động cơ học nói chung	0	0	0	0	0	0
23	B07	Tách các chất rắn ra khỏi các chất rắn; phân loại	1	0	0	0	1	0
24	B08	Làm sạch	0	0	0	0	0	0
25	B09	Loại bỏ chất thải rắn; cải tạo đất nhiễm bẩn [3,6]	1	0	0	0	3	0
26	B21	Gia công cơ khí kim loại mà không loại bỏ đáng kể vật liệu; dập kim loại	0	0	0	1	1	0
27	B22	Ngành đúc; luyện kim bột	1	0	0	0	0	0
28	B23	Máy công cụ; gia công kim loại chưa được đề cập đến ở các vị trí khác	1	0	11	1	0	0
29	B24	Mài; đánh bóng	0	0	0	0	0	0
30	B25	Các dụng cụ cầm tay; các dụng cụ dịch chuyển được dẫn động bằng động cơ; dụng cụ trong phân xưởng; các tay máy	1	0	1	3	0	1
31	B26	Dụng cụ cắt cầm tay; cắt; chia cắt	0	1	0	0	0	1
32	B27	Chế biến hoặc bảo quản gỗ hoặc vật liệu tương tự; máy đóng đinh hoặc đóng ghim nói chung	2	0	2	0	2	0
33	B28	Gia công xi măng, đất sét hoặc đá	2	0	1	0	0	0
34	B29	Xử lý các chất dẻo; xử lý các chất ở trạng thái dẻo nói chung	1	6	2	8	1	2
35	B30	Máy ép	0	1	0	0	3	0
36	B31	Chế tạo các sản phẩm giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như với giấy; xử lý cơ học giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như giấy	0	0	0	1	0	0
37	B32	Các sản phẩm có lớp	0	0	0	1	0	2
38	B33	Công nghệ chế tạo đắp lớp [2015.01]	0	0	0	0	0	0
39	B41	Thiết bị in; các loại máy kẻ dòng; các loại máy chữ; các loại khuôn dấu [4]	0	1	1	0	1	0
40	B42	Đóng sách; an-bum; hồ sơ, tài liệu; sản phẩm in đặc biệt	0	0	3	0	0	0
41	B43	Dụng cụ viết hoặc vẽ; dụng cụ phụ trợ dùng cho bàn giấy	0	0	1	2	0	1
42	B44	Nghệ thuật trang trí	0	0	2	0	0	0
43	B60	Phương tiện vận tải (những vấn đề chung)	4	2	2	4	3	1
44	B61	Các phương tiện vận tải trên ray	1	0	0	0	2	0
45	B62	Các phương tiện vận tải không ray trên mặt đất	5	3	3	10	5	17
46	B63	Tàu thủy và các phương tiện nổi khác; trang thiết bị cho chúng	3	0	4	0	2	0
47	B64	Thiết bị bay, hàng không; du hành vũ trụ	0	0	0	0	1	0
48	B65	Vận chuyển; đóng gói; bảo quản; xử lý nguyên vật liệu dạng tấm mỏng và sợi	14	13	3	12	5	19
49	B66	Nâng tải; nhấc tải; chuyển tải	2	2	0	0	3	3
50	B67	Mở hoặc đóng chai, lọ, bình hoặc thùng chứa tương tự; xử lý chất lỏng	0	0	1	1	1	0
51	B68	Nghề làm yên cương; nghề bọc đồ gỗ	0	1	0	0	0	0
52	B81	Công nghệ vi cấu trúc [7]	0	0	0	0	0	0
53	B82	Công nghệ nano [7]	1	0	1	0	0	0
54	B99	Các đối tượng kỹ thuật không được đề cập ở các phân lớp khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
55	C01	Hóa vô cơ	3	0	2	1	5	0
56	C02	Xử lý nước, nước thải; nước thải sinh hoạt hoặc bùn	4	1	14	0	14	2
57	C03	Thủy tinh, bóng khoáng hay bóng xỉ	1	0	0	0	0	1
58	C04	Xi măng; bê tông; đá nhân tạo; đồ gốm; vật liệu chịu lửa [4]	3	0	4	1	5	0
59	C05	Phân bón; sản xuất phân bón [4]	0	0	3	0	3	0
60	C06	Các chất nổ; diêm	0	0	3	0	1	0
61	C07	Hóa hữu cơ [2]	5	0	4	1	7	0

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
4	0	0	8	3	2	0	1	3	1	5	0	2	2	6	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
1	0	2	0	2	0	0	2	2	0	7	3	0	0	2	2
2	0	0	1	1	0	0	0	3	0	2	0	4	3	4	0
0	0	1	1	2	0	2	0	1	0	2	0	3	0	3	2
4	0	0	0	1	2	3	6	1	0	0	1	5	1	2	1
0	0	0	4	2	0	0	0	0	0	2	0	1	0	1	1
4	0	2	0	4	6	0	2	0	9	0	3	4	10	1	5
1	0	0	1	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1
0	1	1	0	1	6	2	1	0	0	3	5	1	7	0	0
1	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	3
2	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	1	0	1	2	0
3	0	2	0	8	1	4	0	4	1	4	0	1	0	1	0
4	7	1	3	3	12	1	20	2	6	1	4	3	4	0	3
0	0	2	0	0	0	0	1	1	0	1	0	3	0	3	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	2	0	0
1	1	0	2	3	3	5	3	0	4	1	2	1	6	2	11
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
0	2	0	3	0	2	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	1	0	2	0	0	0	1	0	2	0	0	0	0
0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	6	0	0	0
6	7	3	10	1	4	2	7	3	17	1	9	7	9	2	4
0	0	0	0	2	0	3	0	0	2	3	0	0	0	2	0
3	5	1	7	2	13	0	16	1	12	4	4	1	8	0	3
1	0	1	0	11	1	2	0	6	0	3	2	2	1	0	1
1	0	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	2	0
24	19	8	15	6	15	6	16	8	15	13	19	10	25	22	30
2	0	1	1	0	0	0	4	0	6	2	0	8	0	5	3
0	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	2	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0
0	0	1	0	0	0	1	0	2	0	1	0	2	1	4	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	0	5	0	5	0	10	0	8	0	8	1	15	0	6	0
11	0	11	0	31	6	17	1	22	2	28	9	19	4	27	7
1	1	0	1	3	0	4	0	1	0	1	3	4	2	0	0
4	0	3	0	5	5	13	0	11	0	15	2	14	0	13	0
1	1	12	0	7	0	16	0	12	0	11	0	11	0	8	0
1	0	0	0	0	0	3	0	0	0	3	0	1	0	0	0
27	0	13	1	16	0	13	0	33	1	20	1	23	2	18	0



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
62	C08	Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; điều chế chúng hoặc gia công hóa học; các hợp phần trên cơ sở các hợp chất này	7	0	0	1	5	0
63	C09	Thuốc nhuộm; sơn; dầu đánh bóng; nhựa tự nhiên; chất kết dính; các hợp phần dùng cho mục đích khác; sử dụng các vật liệu cho mục đích khác	2	0	0	0	4	4
64	C10	Công nghiệp dầu mỏ, khí và luyện cốc; khí dùng trong kỹ thuật chứa carbon monoxit; nhiên liệu; chất bôi trơn; than bùn	4	0	6	0	11	0
65	C11	Dầu động vật hoặc dầu thực vật, mỡ, chất béo hay sáp; các axit béo thu nhận được từ chúng; các chất tẩy rửa; nến	0	0	2	1	1	0
66	C12	Hóa sinh; bia; rượu mạnh; rượu vang; dấm; vi sinh vật học; enzym học; tạo đột biến hay kỹ thuật di truyền	11	0	20	4	22	3
67	C13	Công nghiệp đường [4]	0	0	0	0	1	0
68	C14	Da; da sống; da còn lông; da thuộc	0	0	2	0	0	0
69	C21	Luyện gang, thép	2	0	0	1	0	0
70	C22	Luyện kim; hợp kim kim loại đen hay màu; gia công hợp kim hay kim loại màu	4	0	0	1	1	0
71	C23	Phủ vật liệu kim loại; phủ vật liệu bằng vật liệu kim loại; xử lý bề mặt bằng phương pháp hóa học; xử lý bằng phương pháp khuyếch tán vật liệu kim loại; phủ bằng phương pháp bay hơi trong chân không, phương pháp mạ phun, phương pháp cấy ion hay kết tủa hóa học hơi nói chung; ức chế sự ăn mòn của vật liệu kim loại hay đồng cặn nói chung [2]	0	0	0	0	0	0
72	C25	Các qui trình điện phân hay điện di; các thiết bị dùng cho điện phân, điện di [4]	3	0	1	3	2	0
73	C30	Cấy tinh thể [3]	0	0	0	0	0	0
74	C40	Công nghệ tổ hợp [2006.01]	0	0	0	0	0	0
75	C99	Đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập ở những phân lớp khác trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
76	D01	Chỉ hoặc tơ xơ tự nhiên hay nhân tạo; kéo sợi	0	0	0	2	0	3
77	D02	Sợi; xử lý cuối tơ sợi bằng các phương pháp cơ học; mắc sợi	0	0	0	0	0	1
78	D03	Dệt	0	0	0	0	0	0
79	D04	Sự đan tết; sản xuất dệt ten; sản xuất hàng dệt kim; các sản phẩm trang sức; vật liệu không dệt	0	2	0	0	0	0
80	D05	May; thêu; sản xuất hàng có cắm lông	0	2	0	3	0	3
81	D06	Xử lý các sản phẩm dệt; giặt; vật liệu đàn hồi không thuộc các lớp khác	0	3	0	1	1	0
82	D07	Dây cáp, dây chao hoặc dây cáp trừ dây dẫn điện	0	0	4	0	0	0
83	D21	Sản xuất giấy; sản xuất xenlulo	0	0	1	0	1	0
84	D99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
85	E01	Xây dựng đường, đường sắt hoặc cầu	0	1	3	0	3	2
86	E02	Công trình thủy lợi; nền móng; chuyển đất	9	2	6	3	1	3
87	E03	Cấp nước; thoát nước	1	0	7	0	3	0
88	E04	Công trình xây dựng	13	1	16	5	13	3
89	E05	Ổ khóa; chìa khóa; phụ tùng cửa sổ; cửa ra vào và các loại cửa khác; kết sắt	0	3	1	9	2	0
90	E06	Cửa đi, cửa sổ, cửa chớp, hoặc màn cuốn, cầu thang	0	5	3	5	9	2
91	E21	Khoan đất hoặc đá; khai mỏ	0	0	0	0	1	0
92	E99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
93	F01	Máy hoặc động cơ nói chung (động cơ đốt trong F02, máy thủy lực F03, F04); Thiết bị động lực nói chung; Máy hơi nước	0	0	0	2	1	0
94	F02	Các động cơ đốt trong; các thiết bị động lực hoạt động bằng khí nóng hoặc sản phẩm cháy	4	0	0	0	1	0
95	F03	Máy và động cơ thủy lực; Các động cơ gió, động cơ lò xo hoặc động cơ trọng lực; Các phương pháp và thiết bị để tạo năng lượng cơ học hoặc lực đẩy phản lực, không thuộc các đề mục khác	1	4	5	1	1	2
96	F04	Máy thủy lực dẫn nở thể tích; Máy bơm chất lỏng hoặc lưu chất đàn hồi	4	3	3	3	2	3

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
8	6	2	1	7	0	6	4	6	3	3	0	17	2	10	1
1	0	2	1	6	0	4	0	11	1	4	0	7	1	11	1
8	0	8	0	6	0	2	0	3	0	12	0	3	0	4	0
2	0	4	0	10	12	1	0	0	0	6	1	10	0	11	2
12	0	9	0	26	0	37	0	21	0	51	1	65	1	49	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0	0
0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
8	0	3	0	5	0	2	0	2	0	0	0	3	0	4	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	2	0
6	0	0	1	3	0	2	0	0	0	2	1	2	2	3	0
0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	2	0	3	3	0	0	0	9	0	0	3	1
0	0	0	1	0	0	0	0	2	0	0	3	0	0	0	0
0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	0	0
0	3	0	1	0	5	0	1	0	0	0	0	0	4	0	8
0	3	0	3	0	5	0	3	0	1	0	16	0	5	0	3
2	2	1	1	0	4	3	0	0	2	7	7	1	0	0	7
0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	5	1	4	0	4	0	4	0	2	5	2	8	1	2
13	1	5	3	15	3	17	0	13	1	40	1	32	3	13	3
3	2	9	3	2	1	20	1	7	0	23	0	17	0	18	3
12	1	9	4	10	6	11	1	21	11	20	3	18	9	19	4
4	4	5	0	1	2	2	11	2	2	2	4	5	0	0	2
11	0	7	0	3	1	12	7	2	0	1	2	12	12	10	0
0	0	1	0	6	0	2	1	0	0	2	2	3	0	5	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
1	3	0	1	0	0	2	0	0	1	0	1	0	0	1	0
2	2	5	1	0	0	3	0	4	2	0	1	2	2	2	0
0	2	5	1	4	0	3	1	2	1	1	1	1	2	1	0
1	0	1	3	1	8	4	1	4	4	0	2	1	3	0	2



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
97	F15	Các cơ cấu thừa hành dạng thủy lực hoặc khí nén; Các hệ thống thủy lực hoặc khí nén nói chung	1	0	0	0	0	0
98	F16	Các cụm chi tiết máy; Phương pháp chung để sản xuất và duy trì hoạt động của thiết bị và máy móc; Cách nhiệt nói chung	9	9	11	4	6	0
99	F17	Bảo quản hoặc phân phối khí hoặc chất lỏng	0	0	0	3	0	0
100	F21	Chiếu sáng	0	0	0	0	1	2
101	F22	Sinh hơi	2	4	0	1	0	0
102	F23	Thiết bị buồng đốt; Quá trình đốt cháy	4	2	6	1	2	2
103	F24	Sưởi ấm; Lò bếp; Thông gió	9	0	2	5	6	6
104	F25	Làm lạnh hay đông lạnh; Các hệ thống kết hợp đốt nóng và làm lạnh; Các hệ thống bơm nhiệt; Sản xuất hay bảo quản đá; Hóa lỏng hay hoá rắn các chất khí	2	0	0	0	4	0
105	F26	Sấy	9	0	1	0	13	0
106	F27	Các loại lò đun nóng, Nung thiêu, sấy, hoặc chưng [4]	0	0	1	2	1	0
107	F28	Trao đổi nhiệt nói chung	0	0	0	0	0	1
108	F41	Vũ khí	0	0	0	1	0	0
109	F42	Đạn dược và công tác nổ	0	0	0	0	2	0
110	F99	Đối tượng không thuộc các đề mục khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
111	G01	Đo; Thử nghiệm	8	6	2	4	2	1
112	G02	Quang học	1	1	0	0	0	0
113	G03	Chụp ảnh; Điện ảnh; Kỹ thuật tương tự sử dụng các loại sóng khác ngoài sóng quang; Ghi điện ký; Toàn ký [4]	0	0	0	0	0	0
114	G04	Đồng hồ và các máy đo thời gian khác	0	0	0	0	0	0
115	G05	Điều khiển; Điều chỉnh	0	0	1	1	7	0
116	G06	Tính toán; Đếm	4	8	3	11	2	4
117	G07	Thiết bị kiểm tra	1	0	0	2	1	0
118	G08	Phát tín hiệu	1	0	1	0	2	0
119	G09	Giáo dục; Mật mã; Trình diễn; Quảng cáo; Niêm phong	1	1	5	0	1	1
120	G10	Dụng cụ âm nhạc; Âm học	2	0	0	2	0	0
121	G11	Lưu trữ thông tin	0	3	0	0	0	0
122	G12	Chi tiết của các thiết bị	0	0	0	0	0	0
123	G16	Công nghệ thông tin và truyền thông [ict] chuyên dụng cho các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt [2018.01]	0	0	0	0	0	0
124	G21	Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	0	0	0	0	0	0
125	G99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
126	H01	Các phần tử và linh kiện điện cơ bản	4	4	3	6	6	8
127	H02	Sản xuất, biến đổi và phân phối năng lượng điện	6	1	3	5	1	3
128	H03	Sơ đồ điện tử nói chung	0	0	1	0	0	0
129	H04	Kỹ thuật thông tin điện	0	0	1	4	3	0
130	H05	Các lĩnh vực kỹ thuật điện đặc biệt không được nêu trong các lớp khác	0	0	0	1	0	2
131	H99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

Số lượng bằng sáng chế của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2010 - 2020 theo phân loại sáng chế quốc tế (IPC) / Invention Patents granted by Vietnamese applicants and Foreign applicants from 2010 to 2020 by international patent classification (IPC)

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	A01	Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nghề chăn nuôi; Sản bắn; Đặt bẫy; Đánh cá	1	50	1	158	3	83
2	A21	Nướng bánh; thiết bị để chuẩn bị hoặc chế biến bột nhào; bột nhào để nướng bánh	0	1	0	1	0	0
3	A22	Giết mổ gia súc; Chế biến thịt; Chế biến gia cầm hay cá	0	2	0	2	0	0



2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	0	0	0	1	1	1	0	1	0	1	1	0	0	0
6	2	0	11	2	7	4	3	6	10	11	9	8	12	4	6
0	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	2	0	2	0	0
9	4	1	3	5	0	2	1	4	3	4	11	7	0	3	2
0	0	2	1	0	0	0	0	4	0	0	2	0	0	0	0
9	0	16	0	9	1	5	5	13	1	8	0	6	2	0	4
6	0	6	3	9	2	3	5	4	7	1	9	9	7	13	7
2	0	0	1	5	0	0	1	1	4	1	2	1	1	2	1
3	0	3	0	5	0	1	0	0	1	3	0	0	1	2	0
1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	3	0	4	0	0	0
0	0	0	1	3	1	0	1	0	0	0	0	1	2	1	0
0	0	5	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	0	2	0
0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	3	11	4	14	0	32	4	10	4	11	8	33	9	30	4
0	0	0	2	1	1	0	1	0	0	0	0	11	3	4	5
0	1	0	0	0	1	3	0	1	0	0	3	1	2	4	4
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0
3	0	1	0	1	0	8	0	2	2	9	0	12	2	2	1
9	2	22	0	4	2	20	4	12	9	19	13	27	20	22	4
0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1	0
3	2	4	4	8	0	9	0	9	0	3	0	8	1	6	3
2	1	0	0	2	0	4	8	4	0	3	4	3	2	0	1
0	0	3	1	3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	10	8	11	5	5	13	13	10	6	4	20	15	25	13	28
9	6	3	5	4	0	14	7	0	4	11	10	16	12	3	15
0	0	0	0	1	0	2	0	0	0	0	0	3	0	0	1
5	0	17	1	5	2	15	1	7	2	7	4	21	1	19	7
1	5	2	3	2	1	3	2	6	0	6	4	6	1	4	3
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
19	116	6	156	8	172	1	177	4	198	23	328	17	480	10	530
3	3	0	8	0	0	0	0	0	1	0	1	0	3	0	21
0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	5	0	0	0	5

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
4	A23	Thức ăn hay thực phẩm; Chế biến thức ăn, thực phẩm không thuộc các lớp khác	2	43	3	66	1	22
5	A24	Thuốc lá; Xi gà; Thuốc lá điếu; Dụng cụ hút thuốc	0	7	0	3	0	6
6	A41	Quần áo	1	3	0	3	0	3
7	A42	Mũ nón	0	0	0	6	2	0
8	A43	Sản xuất giấy dếp	2	11	0	13	0	10
9	A44	Tạp hoá; Đồ kim hoàn	0	4	0	3	1	2
10	A45	Đồ dùng cầm tay hoặc đi đường	0	2	0	0	0	3
11	A46	Đồ dùng để chải	0	17	0	11	0	6
12	A47	Đồ gỗ; Đồ dùng hoặc dụng cụ gia đình; Máy xay cà phê; Máy xay gia vị; Thiết bị hút bụi nói chung	0	6	1	18	0	10
13	A61	Y tế và thú y; Vệ sinh	11	519	1	785	4	656
14	A62	Cứu hộ; cứu hỏa	0	0	4	0	2	1
15	A63	Thể thao; trò chơi; giải trí tập thể	1	5	3	1	5	3
16	A99	Các đối tượng chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
17	B01	Các quy trình hoặc thiết bị vật lý hoặc hóa học nói chung	0	36	1	31	5	73
18	B02	Đập vỡ vụn, nghiền thành bột hoặc nghiền vụn, sơ chế nguyên liệu hạt để nghiền	0	1	1	5	1	3
19	B03	Tách các vật liệu rắn sử dụng chất lỏng hoặc sử dụng các bàn máy hoặc các máy sàng khí nén; tách các vật liệu rắn từ các vật liệu rắn hoặc các chất lỏng bằng từ tính hoặc điện tĩnh; tách bằng các điện trường cao thế [5]	0	0	1	0	3	2
20	B04	Các máy li tâm hoặc các máy dùng cho các quy trình vật lý hoặc hóa học	0	0	0	0	0	3
21	B05	Phun hoặc phun mù nói chung; tráng chất lỏng hoặc các vật liệu chảy lỏng khác lên bề mặt nói chung [2]	0	4	0	7	1	13
22	B06	Tạo ra hoặc truyền các dao động cơ học nói chung	0	1	0	0	0	0
23	B07	Tách các chất rắn ra khỏi các chất rắn; phân loại	0	0	0	1	0	1
24	B08	Làm sạch	0	5	0	1	0	2
25	B09	Loại bỏ chất thải rắn; cải tạo đất nhiễm bẩn [3,6]	0	1	1	0	1	3
26	B21	Gia công cơ khí kim loại mà không loại bỏ đáng kể vật liệu; dập kim loại	0	10	0	23	0	15
27	B22	Ngành đúc; luyện kim bột	0	9	0	19	0	4
28	B23	Máy công cụ; gia công kim loại chưa được đề cập đến ở các vị trí khác	0	8	1	13	0	27
29	B24	Mài; đánh bóng	0	5	0	0	0	5
30	B25	Các dụng cụ cầm tay; các dụng cụ dịch chuyển được dẫn động bằng động cơ; dụng cụ trong phân xưởng; các tay máy	0	2	0	9	0	3
31	B26	Dụng cụ cắt cầm tay; cắt; chia cắt	1	1	0	6	0	4
32	B27	Chế biến hoặc bảo quản gỗ hoặc vật liệu tương tự; máy đóng đinh hoặc đóng ghim nói chung	0	2	1	1	0	2
33	B28	Gia công xi măng, đất sét hoặc đá	2	2	0	8	0	2
34	B29	Xử lý các chất dẻo; xử lý các chất ở trạng thái dẻo nói chung	0	33	0	17	0	24
35	B30	Máy ép	0	0	0	3	0	1
36	B31	Chế tạo các sản phẩm giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như với giấy; xử lý cơ học giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như giấy	0	0	0	1	0	0
37	B32	Các sản phẩm có lớp	0	21	0	21	0	24
38	B33	Công nghệ chế tạo đắp lớp [2015.01]	0	0	0	0	0	0
39	B41	Thiết bị in; các loại máy kẻ dòng; các loại máy chữ; các loại khuôn dấu [4]	0	9	0	27	0	11
40	B42	Đóng sách; an-bum; hồ sơ, tài liệu; sản phẩm in đặc biệt	0	4	0	3	0	2
41	B43	Dụng cụ viết hoặc vẽ; dụng cụ phụ trợ dùng cho bàn giấy	0	4	0	2	0	1
42	B44	Nghệ thuật trang trí	0	0	1	2	1	1
43	B60	Phương tiện vận tải (những vấn đề chung)	1	26	2	17	3	23
44	B61	Các phương tiện vận tải trên ray	0	0	1	2	0	0

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	64	4	42	1	51	2	78	2	67	5	112	15	138	10	401
0	2	0	2	0	3	0	2	0	0	0	9	0	38	0	35
0	11	0	10	0	6	0	4	1	3	0	7	1	17	1	30
0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	5	1	12	0	1
0	20	0	24	0	26	0	23	0	48	7	53	0	98	1	167
0	3	0	5	0	4	0	1	0	6	0	7	0	39	0	34
0	6	0	7	0	4	3	3	0	7	0	5	0	6	0	20
0	26	0	25	0	12	0	3	0	5	1	10	0	13	0	11
6	25	2	5	6	11	6	17	9	25	15	40	4	45	10	66
8	758	6	766	11	810	7	791	5	1112	31	1163	27	1576	22	2321
0	2	0	1	0	1	2	8	0	2	0	10	3	9	0	13
1	13	0	3	0	4	1	7	1	7	11	26	0	13	1	37
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	75	3	88	3	69	2	77	6	85	19	98	13	288	3	342
2	6	0	9	0	10	4	10	4	3	2	2	0	14	2	29
1	7	0	10	0	1	1	6	0	5	1	1	0	16	2	23
0	0	0	8	0	2	1	2	2	1	1	2	0	3	0	18
1	19	0	14	2	20	0	19	0	16	1	30	3	25	0	78
0	0	0	1	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
0	2	0	3	0	0	1	0	0	2	0	0	0	8	0	12
0	0	0	1	0	2	0	0	0	5	0	2	0	21	0	11
0	7	0	6	0	3	0	2	6	3	4	7	3	19	1	21
0	21	0	30	0	19	0	12	0	31	5	50	0	60	0	75
0	20	0	15	1	25	0	14	0	10	0	9	0	52	0	77
0	18	0	22	0	25	0	37	0	36	5	14	5	39	3	126
1	6	0	6	0	27	0	11	0	14	1	21	0	12	1	30
0	6	0	4	0	4	0	3	0	12	1	4	2	14	3	21
0	0	0	0	0	10	0	5	0	6	1	4	1	10	2	35
0	2	0	2	0	10	1	7	1	4	4	5	5	12	0	3
0	12	1	1	0	7	0	2	0	1	2	5	0	7	7	15
1	38	0	41	0	25	5	53	4	28	3	70	0	121	2	252
0	1	0	2	0	1	0	4	0	4	0	0	1	1	0	13
0	3	0	2	0	1	0	0	0	1	0	9	0	2	0	8
0	45	1	47	0	35	3	38	1	31	0	46	0	111	1	211
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	8	0	17	0	25	0	21	3	23	4	23	0	49	0	102
0	4	0	2	0	3	0	3	0	11	0	7	0	5	0	3
0	1	0	2	1	1	0	6	0	3	6	4	6	0	0	7
0	1	0	1	0	4	0	2	0	1	2	8	0	1	0	2
1	38	0	54	5	54	1	35	2	75	6	82	3	95	1	185
0	0	0	0	0	2	0	0	0	6	1	10	1	11	0	28



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
45	B62	Các phương tiện vận tải không ray trên mặt đất	0	50	2	53	2	80
46	B63	Tàu thủy và các phương tiện nổi khác; trang thiết bị cho chúng	0	11	0	14	0	19
47	B64	Thiết bị bay, hàng không; du hành vũ trụ	0	0	0	0	0	1
48	B65	Vận chuyển; đóng gói; bảo quản; xử lý nguyên vật liệu dạng tấm mỏng và sợi	0	38	0	50	1	38
49	B66	Nâng tải; nhấc tải; chuyển tải	0	9	0	7	0	3
50	B67	Mở hoặc đóng chai, lọ, bình hoặc thùng chứa tương tự; xử lý chất lỏng	0	4	0	1	0	1
51	B68	Nghề làm yên cương; nghề bọc đồ gỗ	0	0	0	0	0	0
52	B81	Công nghệ vi cấu trúc [7]	0	0	0	0	0	0
53	B82	Công nghệ nano [7]	0	0	0	0	0	1
54	B99	Các đối tượng kỹ thuật không được đề cập ở các phân lớp khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
55	C01	Hóa vô cơ	0	10	1	15	7	27
56	C02	Xử lý nước, nước thải; nước thải sinh hoạt hoặc bùn	0	7	4	17	12	33
57	C03	Thủy tinh, bóng khoáng hay bông xỉ	0	3	0	7	0	14
58	C04	Xi măng; bê tông; đá nhân tạo; đồ gốm; vật liệu chịu lửa [4]	6	16	7	8	6	18
59	C05	Phân bón; sản xuất phân bón [4]	0	0	2	3	0	4
60	C06	Các chất nổ; diêm	0	0	0	0	0	0
61	C07	Hóa hữu cơ [2]	9	445	4	502	3	588
62	C08	Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; điều chế chúng hoặc gia công hóa học; các hợp phần trên cơ sở các hợp chất này	3	48	0	75	0	124
63	C09	Thuốc nhuộm; sơn; dầu đánh bóng; nhựa tự nhiên; chất kết dính; các hợp phần dùng cho mục đích khác; sử dụng các vật liệu cho mục đích khác	0	21	1	26	2	49
64	C10	Công nghiệp dầu mỏ, khí và luyện cốc; khí dùng trong kỹ thuật chứa carbon monoxit; nhiên liệu; chất bôi trơn; than bùn	0	14	2	36	0	35
65	C11	Dầu động vật hoặc dầu thực vật, mỡ, chất béo hay sáp; các axit béo thu nhận được từ chúng; các chất tẩy rửa; nến	0	48	0	60	0	33
66	C12	Hóa sinh; bia; rượu mạnh; rượu vang; dấm; vi sinh vật học; enzym học; tạo đột biến hay kỹ thuật di truyền	1	50	1	60	1	62
67	C13	Công nghiệp đường [4]	0	1	0	0	0	4
68	C14	Da; da sống; da còn lông; da thuộc	0	0	0	2	0	3
69	C21	Luyện gang, thép	0	5	0	5	0	35
70	C22	Luyện kim; hợp kim kim loại đen hay màu; gia công hợp kim hay kim loại màu	0	5	0	16	0	13
71	C23	Phủ vật liệu kim loại; phủ vật liệu bằng vật liệu kim loại; xử lý bề mặt bằng phương pháp hóa học; xử lý bằng phương pháp khuyếch tán vật liệu kim loại; phủ bằng phương pháp bay hơi trong chân không, phương pháp mạ phun, phương pháp cấy ion hay kết tủa hóa học hơi nói chung; ức chế sự ăn mòn của vật liệu kim loại hay đóng cặn nói chung [2]	0	0	0	0	0	0
72	C25	Các qui trình điện phân hay điện di; các thiết bị dùng cho điện phân, điện di [4]	0	1	0	8	0	16
73	C30	Cấy tinh thể [3]	0	1	0	2	0	0
74	C40	Công nghệ tổ hợp [2006.01]	0	0	0	0	0	0
75	C99	Đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập ở những phân lớp khác trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
76	D01	Chỉ hoặc tơ xơ tự nhiên hay nhân tạo; kéo sợi	0	11	0	17	0	3
77	D02	Sợi; xử lý cuối tơ sợi bằng các phương pháp cơ học; mắc sợi	0	2	0	1	0	4
78	D03	Dệt	0	2	0	2	0	6
79	D04	Sự đan tết; sản xuất đăng ten; sản xuất hàng dệt kim; các sản phẩm trang sức; vật liệu không dệt	0	11	0	5	0	7
80	D05	May; thêu; sản xuất hàng có cắm lông	0	0	0	0	0	2

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
8	127	6	109	2	173	2	127	2	265	2	259	0	250	1	282
1	3	0	21	0	15	4	20	3	38	4	12	3	13	2	50
3	0	0	0	1	0	1	2	0	5	10	3	0	0	0	1
0	60	1	49	7	83	2	101	6	158	9	227	5	143	2	286
0	7	0	6	0	1	3	5	11	9	3	12	0	19	1	23
0	2	0	0	1	1	0	10	0	8	1	10	0	13	0	8
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	3	0	1	0	1	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	14	1	25	0	19	0	16	5	16	2	23	0	27	4	52
3	47	0	39	0	31	2	26	5	28	6	40	13	98	6	138
0	4	0	12	1	17	0	16	0	10	1	18	6	35	2	47
1	27	4	16	3	16	6	21	1	16	7	27	0	46	0	139
1	4	0	1	0	2	2	5	1	5	1	14	1	25	6	24
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
5	554	4	456	11	390	5	433	16	670	24	722	19	917	14	1145
0	79	0	110	0	74	6	100	12	120	0	126	8	256	8	412
2	91	0	65	0	56	1	99	2	55	1	99	4	108	3	229
2	70	0	91	3	74	3	135	4	109	10	117	16	158	9	104
0	70	0	55	0	73	0	97	0	102	8	22	2	114	3	222
1	128	5	106	5	68	4	86	9	72	19	134	21	202	11	334
0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	6	0	5	0	17
0	1	0	0	0	2	0	2	0	0	0	5	0	1	0	6
1	16	0	37	1	27	0	32	0	28	1	19	0	59	0	195
1	16	0	46	4	42	3	85	2	33	0	21	6	106	3	519
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	71	1	260
3	7	0	13	0	15	1	28	0	7	3	17	2	33	0	106
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	20	0	5	0	14	0	21	3	13	0	15	0	28	1	44
0	1	0	2	0	0	0	1	0	15	0	5	0	11	0	11
0	0	0	5	0	1	0	15	0	1	0	1	0	11	0	18
0	15	0	6	0	3	0	11	0	9	0	36	0	38	0	67
0	7	0	2	0	5	0	2	0	11	0	16	1	35	0	28

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
81	D06	Xử lý các sản phẩm dệt; giặt; vật liệu đàn hồi không thuộc các lớp khác	0	20	0	11	0	34
82	D07	Dây cáp, dây chấu hoặc dây cáp trừ dây dẫn điện	0	0	0	0	0	2
83	D21	Sản xuất giấy; sản xuất xenlulo	0	6	0	5	0	1
84	D99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
85	E01	Xây dựng đường, đường sắt hoặc cầu	0	4	0	1	0	4
86	E02	Công trình thủy lợi; nền móng; chuyển đất	2	8	0	15	5	10
87	E03	Cấp nước; thoát nước	0	4	2	6	0	3
88	E04	Công trình xây dựng	3	11	0	15	4	34
89	E05	Ổ khóa; chìa khóa; phụ tùng cửa sổ; cửa ra vào và các loại cửa khác; kết sắt	0	13	1	2	2	18
90	E06	Cửa đi, cửa sổ, cửa chớp, hoặc màn cuốn, cầu thang	0	3	0	4	0	6
91	E21	Khoan đất hoặc đá; khai mỏ	1	13	0	9	0	8
92	E99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
93	F01	Máy hoặc động cơ nói chung (động cơ đốt trong F02, máy thủy lực F03, F04); Thiết bị động lực nói chung; Máy hơi nước	1	19	2	25	1	42
94	F02	Các động cơ đốt trong; các Thiết bị động lực hoạt động bằng khí nóng hoặc sản phẩm cháy	3	27	5	40	0	53
95	F03	Máy và động cơ thủy lực; Các động cơ gió, động cơ lò xo hoặc động cơ trọng lực; Các phương pháp và thiết bị để tạo năng lượng cơ học hoặc lực đẩy phản lực, không thuộc các đề mục khác	0	0	3	8	0	6
96	F04	Máy thủy lực dân nỡ thể tích; Máy bơm chất lỏng hoặc lưu chất đàn hồi	1	2	0	20	1	8
97	F15	Các cơ cấu thừa hành dạng thủy lực hoặc khí nén; Các hệ thống thủy lực hoặc khí nén nói chung	0	0	0	0	0	1
98	F16	Các cụm chi tiết máy; Phương pháp chung để sản xuất và duy trì hoạt động của thiết bị và máy móc; Cách nhiệt nói chung	0	30	7	81	0	62
99	F17	Bảo quản hoặc phân phối khí hoặc chất lỏng	0	1	0	4	0	0
100	F21	Chiếu sáng	0	3	0	8	0	5
101	F22	Sinh hơi	0	3	0	7	0	0
102	F23	Thiết bị buồng đốt; Quá trình đốt cháy	0	3	0	10	2	3
103	F24	Sưởi ấm; Lò bếp; Thông gió	0	7	1	10	0	9
104	F25	Làm lạnh hay đông lạnh; Các hệ thống kết hợp đốt nóng và làm lạnh; Các hệ thống bơm nhiệt; Sản xuất hay bảo quản đá; Hóa lỏng hay hóa rắn các chất khí	0	7	0	4	1	5
105	F26	Sấy	0	1	0	0	0	0
106	F27	Các loại lò đun nóng, Nung thiêu, sấy, hoặc chưng [4]	0	3	0	0	0	12
107	F28	Trao đổi nhiệt nói chung	0	1	0	4	0	8
108	F41	Vũ khí	0	0	0	0	0	0
109	F42	Đạn dược và công tác nổ	0	0	0	0	1	0
110	F99	Đối tượng không thuộc các đề mục khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
111	G01	Đo; Thử nghiệm	2	27	1	41	0	27
112	G02	Quang học	0	16	0	15	0	7
113	G03	Chụp ảnh; Điện ảnh; Kỹ thuật tương tự sử dụng các loại sóng khác ngoài sóng quang; Ghi điện ký; Toàn ký [4]	0	12	0	17	0	13
114	G04	Đồng hồ và các máy đo thời gian khác	0	2	0	1	0	0
115	G05	Điều khiển; Điều chỉnh	0	2	0	0	5	4
116	G06	Tính toán; Đếm	0	17	1	24	0	23
117	G07	Thiết bị kiểm tra	0	0	0	2	0	1
118	G08	Phát tín hiệu	1	0	1	3	0	3
119	G09	Giáo dục; Mật mã; Trình diễn; Quảng cáo; Niêm phong	0	5	0	4	1	0
120	G10	Dụng cụ âm nhạc; Âm học	0	3	0	9	0	10
121	G11	Lưu trữ thông tin	0	17	0	15	0	17

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	53	0	45	0	32	0	33	0	16	0	53	9	78	0	105
0	3	0	8	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	2
0	5	0	10	4	23	0	14	1	13	0	29	0	40	0	37
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	5	0	11	2	5	2	10	2	16	0	19	3	8	0	14
4	33	1	32	8	33	6	32	22	31	25	43	9	28	11	61
1	2	2	4	4	2	1	10	5	5	6	8	9	24	1	25
10	15	9	36	5	49	4	41	4	59	33	73	11	66	7	87
2	10	3	19	4	15	4	9	1	12	5	16	5	28	0	34
0	9	0	12	0	4	0	7	0	13	1	19	0	34	4	37
0	11	0	30	0	10	0	10	0	22	3	36	2	28	0	30
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	30	1	52	1	31	3	34	2	57	1	54	0	58	0	97
5	65	4	73	2	66	6	65	2	75	5	94	3	109	1	138
2	5	1	24	3	6	2	20	2	17	12	4	25	18	2	21
0	3	0	7	1	16	1	20	1	15	3	33	3	12	0	37
0	1	2	6	0	0	2	3	0	4	1	2	1	5	0	17
3	57	0	96	13	74	11	106	7	146	11	124	8	136	10	255
0	4	0	5	0	5	0	5	0	7	0	12	0	5	1	4
0	5	0	3	0	6	2	11	1	7	5	34	0	18	4	73
0	3	0	4	0	2	0	10	0	14	0	8	0	11	0	19
4	7	1	22	0	22	0	28	5	25	2	47	5	27	3	58
2	6	0	8	1	14	3	11	4	13	5	55	1	22	2	45
0	3	0	3	0	12	0	7	0	4	0	16	0	30	1	60
0	0	0	0	0	0	2	7	5	17	0	8	0	2	1	11
0	9	0	9	0	22	0	8	1	22	0	12	0	17	0	40
0	5	0	4	0	10	0	5	0	8	0	15	0	13	0	24
0	0	0	0	0	2	0	0	0	3	0	1	0	0	0	2
0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	3
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	41	0	41	2	39	3	32	11	46	18	63	19	78	19	130
0	9	0	10	1	13	0	17	0	29	3	54	8	61	7	120
0	12	0	17	0	14	1	22	7	41	2	41	1	104	0	86
0	1	0	0	0	1	0	1	0	0	0	1	0	0	0	3
0	2	0	8	0	6	0	3	0	6	2	3	1	12	0	22
0	28	1	43	2	66	3	61	3	107	6	113	9	166	14	249
0	2	0	5	0	14	0	15	0	13	1	28	1	29	0	35
0	0	0	2	0	7	0	7	0	3	3	18	2	16	1	30
0	3	0	0	0	3	2	5	0	15	2	20	1	25	1	38
0	7	0	7	0	24	0	8	1	22	1	36	7	37	1	163
0	8	0	20	0	18	0	38	0	17	0	27	0	21	0	10



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
122	G12	Chi tiết của các thiết bị	0	0	1	0	0	0
123	G16	Công nghệ thông tin và truyền thông [ict] chuyên dụng cho các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt [2018.01]	0	0	0	0	0	0
124	G21	Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	0	0	0	0	0	0
125	G99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
126	H01	Các phần tử và linh kiện điện cơ bản	1	72	1	51	4	77
127	H02	Sản xuất, biến đổi và phân phối năng lượng điện	0	15	0	26	0	28
128	H03	Sơ đồ điện tử nói chung	0	0	0	6	0	5
129	H04	Kỹ thuật thông tin điện	2	129	3	129	0	201
130	H05	Các lĩnh vực kỹ thuật điện đặc biệt không được nêu trong các lớp khác	0	10	2	5	1	12
131	H99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

Số lượng bằng giải pháp hữu ích của người nộp đơn Việt Nam và người nộp đơn nước ngoài từ năm 2010 - 2020 theo phân loại sáng chế quốc tế (IPC) / Utility solution patent granted by Vietnamese applicants and Foreign applicants from 2010 to 2020 by international patent classification (IPC)

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
1	A01	Nông nghiệp; Lâm nghiệp; Nghề chăn nuôi; Sản bắn; Đặt bẫy; đánh cá	9	3	10	3	5	3
2	A21	Nướng bánh; thiết bị để chuẩn bị hoặc chế biến bột nhào; bột nhào để nướng bánh	0	0	1	0	1	0
3	A22	Giết mổ gia súc; Chế biến thịt; Chế biến gia cầm hay cá	0	0	0	0	0	0
4	A23	Thức ăn hay thực phẩm; Chế biến thức ăn, thực phẩm không thuộc các lớp khác	7	0	2	0	4	0
5	A24	Thuốc lá; Xi gà; Thuốc lá điếu; Dụng cụ hút thuốc	0	0	0	0	0	0
6	A41	Quần áo	0	0	0	0	0	0
7	A42	Mũ nón	0	0	0	0	0	0
8	A43	Sản xuất giấy dép	0	0	0	5	0	0
9	A44	Tạp hoá; Đồ kim hoàn	0	0	0	0	0	1
10	A45	Đồ dùng cầm tay hoặc đi đường	2	0	0	0	0	0
11	A46	Đồ dùng để chải	0	0	0	0	0	0
12	A47	Đồ gỗ; Đồ dùng hoặc dụng cụ gia đình; Máy xay cà phê; Máy xay gia vị; Thiết bị hút bụi nói chung	0	0	11	2	4	1
13	A61	Y tế và thú y; Vệ sinh	0	0	4	0	6	0
14	A62	Cứu hộ; cứu hỏa	0	0	2	0	3	0
15	A63	Thể thao; trò chơi; giải trí tập thể	0	0	0	0	0	2
16	A99	Các đối tượng chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
17	B01	Các quy trình hoặc thiết bị vật lý hoặc hóa học nói chung	0	0	2	1	2	0
18	B02	Đập vỡ vụn, nghiền thành bột hoặc nghiền vụn, sơ chế nguyên liệu hạt để nghiền	0	0	0	0	2	2
19	B03	Tách các vật liệu rắn sử dụng chất lỏng hoặc sử dụng các bàn máy hoặc các máy sàng khí nén; tách các vật liệu rắn từ các vật liệu rắn hoặc các chất lỏng bằng từ tính hoặc điện tĩnh; tách bằng các điện trường cao thế [5]	0	0	2	0	2	0
20	B04	Các máy li tâm hoặc các máy dùng cho các quy trình vật lý hoặc hóa học	0	0	0	0	0	0
21	B05	Phun hoặc phun mù nói chung; tráng chất lỏng hoặc các vật liệu chảy lỏng khác lên bề mặt nói chung [2]	0	1	0	2	1	0
22	B06	Tạo ra hoặc truyền các dao động cơ học nói chung	0	0	0	0	0	0

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	2	0	0	0	4	0	7	0	1	0	6	1	12	0	19
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	44	1	50	1	75	2	95	5	125	4	92	14	191	6	360
0	27	1	25	0	35	1	38	5	49	3	97	10	57	3	159
0	10	0	7	1	17	0	15	0	19	0	19	3	31	5	29
0	249	0	363	2	403	0	307	2	355	4	483	12	648	20	989
0	13	0	11	1	9	0	10	0	18	1	44	0	66	5	141
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
15	0	11	1	10	2	12	0	25	0	56	5	61	10	34	13
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	4	4	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	1	3	0	8	0	10	4	10	0	45	5	29	0	42	0
0	0	0	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	2	0	0	1	0	0	1	0	3	0	0	0
0	1	3	0	3	0	0	0	0	1	2	0	1	0	0	0
0	2	0	0	0	2	0	0	0	1	0	12	0	27	1	13
0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	5
1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	10
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	2	1	1	10	0	11	2	5	2	12	1	5	12	1	5
12	2	11	0	18	2	10	8	16	2	56	4	33	17	55	5
0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	3	0	0	0	1	1
0	1	0	0	2	0	0	3	0	0	12	2	1	1	2	3
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	4	12	0	7	0	6	1	13	1	20	6	11	4	8	5
1	0	0	0	2	2	0	0	0	0	3	0	1	0	1	1
0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7
2	3	1	0	0	0	0	0	1	1	2	3	3	2	2	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
23	B07	Tách các chất rắn ra khỏi các chất rắn; phân loại	1	0	0	0	0	0
24	B08	Làm sạch	0	0	0	0	0	0
25	B09	Loại bỏ chất thải rắn; cải tạo đất nhiễm bẩn [3,6]	1	0	0	0	0	0
26	B21	Gia công cơ khí kim loại mà không loại bỏ đáng kể vật liệu; dập kim loại	0	0	0	0	0	0
27	B22	Ngành đúc; luyện kim bột	0	0	0	0	1	0
28	B23	Máy công cụ; gia công kim loại chưa được đề cập đến ở các vị trí khác	0	3	0	1	11	1
29	B24	Mài; đánh bóng	0	0	1	0	0	1
30	B25	Các dụng cụ cầm tay; các dụng cụ dịch chuyển được dẫn động bằng động cơ; dụng cụ trong phân xưởng; các tay máy	0	1	0	0	0	0
31	B26	Dụng cụ cắt cầm tay; cắt; chia cắt	0	1	0	0	0	0
32	B27	Chế biến hoặc bảo quản gỗ hoặc vật liệu tương tự; máy đóng đinh hoặc đóng ghim nói chung	2	0	0	0	0	0
33	B28	Gia công xi măng, đất sét hoặc đá	1	0	1	0	0	0
34	B29	Xử lý các chất dẻo; xử lý các chất ở trạng thái dẻo nói chung	0	0	0	0	2	5
35	B30	Máy ép	0	0	0	0	0	0
36	B31	Chế tạo các sản phẩm giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như với giấy; xử lý cơ học giấy, bìa cứng hoặc vật liệu được xử lý cơ học theo phương pháp tương tự như giấy	0	0	0	0	0	0
37	B32	Các sản phẩm có lớp	0	0	0	0	0	0
38	B33	Công nghệ chế tạo đắp lớp [2015.01]	0	0	0	0	0	0
39	B41	Thiết bị in; các loại máy kẻ dòng; các loại máy chữ; các loại khuôn dấu [4]	0	0	0	6	0	0
40	B42	Đóng sách; an-bum; hồ sơ, tài liệu; sản phẩm in đặc biệt	0	0	0	0	0	0
41	B43	Dụng cụ viết hoặc vẽ; dụng cụ phụ trợ dùng cho bàn giấy	3	0	0	0	0	0
42	B44	Nghệ thuật trang trí	0	1	0	0	0	0
43	B60	Phương tiện vận tải (những vấn đề chung)	0	4	0	1	1	1
44	B61	Các phương tiện vận tải trên ray	0	0	4	0	0	0
45	B62	Các phương tiện vận tải không ray trên mặt đất	1	2	0	1	2	0
46	B63	Tàu thủy và các phương tiện nổi khác; trang thiết bị cho chúng	0	1	0	0	2	0
47	B64	Thiết bị bay, hàng không; du hành vũ trụ	0	0	0	0	0	0
48	B65	Vận chuyển; đóng gói; bảo quản; xử lý nguyên vật liệu dạng tấm mỏng và sợi	1	2	2	0	1	5
49	B66	Nâng tải; nhấc tải; chuyển tải	2	0	3	0	0	0
50	B67	Mở hoặc đóng chai, lọ, bình hoặc thùng chứa tương tự; xử lý chất lỏng	0	0	0	0	0	0
51	B68	Nghề làm yên cương; nghề bọc đồ gỗ	0	0	0	0	0	0
52	B81	Công nghệ vi cấu trúc [7]	0	0	0	0	0	0
53	B82	Công nghệ nano [7]	0	0	0	0	0	0
54	B99	Các đối tượng kỹ thuật không được đề cập ở các phân lớp khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
55	C01	Hóa vô cơ	0	0	0	0	0	0
56	C02	Xử lý nước, nước thải; nước thải sinh hoạt hoặc bùn	6	0	2	0	0	0
57	C03	Thủy tinh, bông khoáng hay bông xi	0	0	0	0	0	0
58	C04	Xi măng; bê tông; đá nhân tạo; đồ gốm; vật liệu chịu lửa [4]	1	0	1	0	0	0
59	C05	Phân bón; sản xuất phân bón [4]	0	0	5	0	1	0
60	C06	Các chất nổ; diêm	0	0	0	0	0	0
61	C07	Hóa hữu cơ [2]	1	0	1	0	1	0
62	C08	Các hợp chất cao phân tử hữu cơ; điều chế chúng hoặc gia công hóa học; các hợp phần trên cơ sở các hợp chất này	2	0	0	0	5	0
63	C09	Thuốc nhuộm; sơn; dầu đánh bóng; nhựa tự nhiên; chất kết dính; các hợp phần dùng cho mục đích khác; sử dụng các vật liệu cho mục đích khác	0	0	0	0	1	0

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	2	0	0	0	1	0	2	0	1	0	2	0	0	0
1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	5	0	0	0
0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	5	0	1	0	1	0
0	1	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	5	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	4	0	0
1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0
0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
0	2	0	1	0	4	1	0	0	0	0	0	2	0	4	5
0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1	3	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0
2	0	0	1	0	0	0	0	2	0	6	0	2	0	0	0
0	2	3	1	2	0	0	0	1	0	1	9	0	5	0	1
0	0	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0
0	5	2	0	0	0	2	0	0	1	2	1	1	2	0	6
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0
0	5	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	4	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	2	0	0	3	1	0	0	0	2	0	0
0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0	0	0
0	0	0	2	2	0	2	1	4	3	1	2	4	2	4	14
0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	2	0	0	0	0	0
2	0	3	1	2	1	1	0	3	3	1	2	3	6	0	6
1	0	0	0	7	0	0	0	0	0	5	0	3	0	2	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	1	0
5	1	1	2	2	2	2	3	1	5	16	23	11	11	2	14
0	2	0	0	3	3	0	0	0	2	1	7	3	2	0	3
0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	1	0	1	0	2	0	0	0	1	0	1	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	6	0	3	0	3	0	5	1	9	0	6	0	5	0
3	0	3	0	5	0	8	0	3	0	28	3	13	4	16	0
0	0	0	0	0	1	5	0	0	0	3	0	5	0	0	0
1	0	5	0	1	0	7	0	11	1	8	0	16	0	13	0
0	0	3	0	0	0	9	0	6	0	24	0	10	0	6	0
0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	0	7	0	3	0	16	0	16	0	29	2	22	3	8	0
1	0	3	0	4	0	7	0	2	5	4	0	7	0	5	0
0	4	0	0	1	0	2	0	1	1	1	0	0	0	5	0

STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
64	C10	Công nghiệp dầu mỏ, khí và luyện cốc; khí dùng trong kỹ thuật chứa carbon monoxit; nhiên liệu; chất bôi trơn; than bùn	0	0	0	0	6	0
65	C11	Dầu động vật hoặc dầu thực vật, mỡ, chất béo hay sáp; các axit béo thu nhận được từ chúng; các chất tẩy rửa; nến	2	0	2	0	0	0
66	C12	Hóa sinh; bia; rượu mạnh; rượu vang; dấm; vi sinh vật học; enzym học; tạo đột biến hay kỹ thuật di truyền	5	0	3	0	8	0
67	C13	Công nghiệp đường [4]	0	0	0	2	0	0
68	C14	Da; da sống; da còn lông; da thuộc	0	0	0	0	0	0
69	C21	Luyện gang, thép	0	0	0	0	0	0
70	C22	Luyện kim; hợp kim kim loại đen hay màu; gia công hợp kim hay kim loại màu	0	0	0	0	0	0
71	C23	Phủ vật liệu kim loại; phủ vật liệu bằng vật liệu kim loại; xử lý bề mặt bằng phương pháp hóa học; xử lý bằng phương pháp khuyếch tán vật liệu kim loại; phủ bằng phương pháp bay hơi trong chân không, phương pháp mạ phun, phương pháp cấy ion hay kết tủa hóa học hơi nói chung; ức chế sự ăn mòn của vật liệu kim loại hay đóng cặn nói chung [2]	0	0	0	0	0	0
72	C25	Các qui trình điện phân hay điện di; các thiết bị dùng cho điện phân, điện di [4]	0	0	0	0	0	0
73	C30	Cấy tinh thể [3]	0	0	0	0	0	0
74	C40	Công nghệ tổ hợp [2006.01]	0	0	0	0	0	0
75	C99	Đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập ở những phân lớp khác trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
76	D01	Chỉ hoặc tơ xơ tự nhiên hay nhân tạo; kéo sợi	0	0	0	0	0	0
77	D02	Sợi; xử lý cuối tơ sợi bằng các phương pháp cơ học; mắc sợi	0	0	0	0	0	0
78	D03	Dệt	0	0	0	0	0	0
79	D04	Sự đan tết; sản xuất dệt ten; sản xuất hàng dệt kim; các sản phẩm trang sức; vật liệu không dệt	0	2	0	0	1	0
80	D05	May; thêu; sản xuất hàng có cảm lông	0	0	0	0	0	7
81	D06	Xử lý các sản phẩm dệt; giặt; vật liệu đàn hồi không thuộc các lớp khác	0	0	0	0	0	0
82	D07	Dây cáp, dây chèo hoặc dây cáp trừ dây dẫn điện	0	0	0	0	0	0
83	D21	Sản xuất giấy; sản xuất xenlulo	0	0	0	0	0	1
84	D99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
85	E01	Xây dựng đường, đường sắt hoặc cầu	0	0	0	0	0	0
86	E02	Công trình thủy lợi; nền móng; chuyển đất	0	0	2	5	1	0
87	E03	Cấp nước; thoát nước	0	0	1	0	0	0
88	E04	Công trình xây dựng	0	3	2	2	7	1
89	E05	Ổ khóa; chìa khóa; phụ tùng cửa sổ; cửa ra vào và các loại cửa khác; kết sắt	0	0	0	0	1	1
90	E06	Cửa đi, cửa sổ, cửa chớp, hoặc màn cuốn, cầu thang	5	2	0	0	3	0
91	E21	Khoan đất hoặc đá; khai mỏ	0	0	0	0	1	0
92	E99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
93	F01	Máy hoặc động cơ nói chung (động cơ đốt trong F02, máy thủy lực F03, F04); Thiết bị động lực nói chung; Máy hơi nước	0	0	0	0	1	0
94	F02	Các động cơ đốt trong; các Thiết bị động lực hoạt động bằng khí nóng hoặc sản phẩm cháy	3	0	0	0	2	0
95	F03	Máy và động cơ thủy lực; Các động cơ gió, động cơ lò xo hoặc động cơ trọng lực; Các phương pháp và thiết bị để tạo năng lượng cơ học hoặc lực đẩy phản lực, không thuộc các đề mục khác	1	0	0	3	1	0
96	F04	Máy thủy lực dân nổ thể tích; Máy bơm chất lỏng hoặc lưu chất đàn hồi	0	0	0	1	2	0
97	F15	Các cơ cấu thừa hành dạng thủy lực hoặc khí nén; Các hệ thống thủy lực hoặc khí nén nói chung	0	0	0	0	0	0
98	F16	Các cụm chi tiết máy; Phương pháp chung để sản xuất và duy trì hoạt động của thiết bị và máy móc; Cách nhiệt nói chung	1	3	0	1	2	7
99	F17	Bảo quản hoặc phân phối khí hoặc chất lỏng	0	0	0	0	2	0

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	3	0	14	0	3	0	3	0	11	0	7	0	2	0
2	0	0	0	1	0	5	0	0	0	5	0	3	6	8	0
12	0	5	0	2	0	18	0	2	0	35	3	48	0	46	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0
0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	0	1	0	2	0	0	0	0	0	7	0	7	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	2	0
1	0	0	0	6	0	0	0	2	0	1	0	0	0	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	2	0	3	1	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	1	0	4
0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0	0	0	2	0	3
0	0	0	0	0	0	4	0	0	1	0	6	7	1	0	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	3	0	0	2	1	1	0	0	0	8	0	2	0	3	0
1	0	0	0	2	2	8	3	5	0	31	3	23	0	18	1
0	2	6	0	2	0	4	0	1	0	16	0	7	0	5	1
17	1	1	0	8	1	3	0	12	1	27	0	9	2	17	5
2	0	0	3	0	0	1	6	0	0	1	0	2	7	1	0
1	0	3	2	1	0	5	0	11	7	13	0	3	1	0	1
0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	1
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	5	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	6	2	5	2	0	0	1	0
1	0	0	1	1	0	1	0	2	1	5	0	1	0	0	0
2	1	0	2	1	2	1	1	0	0	3	2	4	7	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1
0	3	0	0	0	0	11	0	4	1	5	1	3	3	0	15
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	3



STT	LỚP/ CLASS	TÊN LỚP/ CLASS TITLE	2010		2011		2012	
			VN	NN	VN	NN	VN	NN
100	F21	Chiếu sáng	0	0	0	0	0	1
101	F22	Sinh hơi	0	0	0	0	1	0
102	F23	Thiết bị buồng đốt; Quá trình đốt cháy	0	0	2	0	3	0
103	F24	Sưởi ấm; Lò bếp; Thông gió	1	1	2	1	3	0
104	F25	Làm lạnh hay đông lạnh; Các hệ thống kết hợp đốt nóng và làm lạnh; Các hệ thống bơm nhiệt; Sản xuất hay bảo quản đá; Hoá lỏng hay hoá rắn các chất khí	0	0	2	1	0	0
105	F26	Sấy	0	0	0	0	0	0
106	F27	Các loại lò đun nóng, Nung thiêu, sấy, hoặc chưng [4]	0	0	0	0	0	0
107	F28	Trao đổi nhiệt nói chung	0	0	0	0	0	0
108	F41	Vũ khí	0	0	0	0	0	0
109	F42	Đạn dược và công tác nổ	0	0	0	0	0	0
110	F99	Đối tượng không thuộc các đề mục khác của phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
111	G01	Đo; Thử nghiệm	1	0	1	1	0	1
112	G02	Quang học	0	0	0	0	0	0
113	G03	Chụp ảnh; Điện ảnh; Kỹ thuật tương tự sử dụng các loại sóng khác ngoài sóng quang; Ghi điện ký; Toàn ký [4]	0	0	0	1	0	0
114	G04	Đồng hồ và các máy đo thời gian khác	0	0	0	0	0	0
115	G05	Điều khiển; Điều chỉnh	0	0	1	0	0	0
116	G06	Tính toán; Đếm	0	2	0	0	0	1
117	G07	Thiết bị kiểm tra	0	0	0	0	0	0
118	G08	Phát tín hiệu	0	0	0	1	0	0
119	G09	Giáo dục; Mật mã; Trình diễn; Quảng cáo; Niêm phong	1	0	0	0	0	0
120	G10	Dụng cụ âm nhạc; Âm học	0	0	0	0	0	0
121	G11	Lưu trữ thông tin	0	0	0	0	0	0
122	G12	Chi tiết của các thiết bị	0	0	0	0	0	0
123	G16	Công nghệ thông tin và truyền thông [ict] chuyên dụng cho các lĩnh vực ứng dụng đặc biệt [2018.01]	0	0	0	0	0	0
124	G21	Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân	0	0	0	0	0	0
125	G99	Các đối tượng kỹ thuật chưa được đề cập đến trong phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0
126	H01	Các phần tử và linh kiện điện cơ bản	0	2	1	2	0	3
127	H02	Sản xuất, biến đổi và phân phối năng lượng điện	0	2	3	0	0	7
128	H03	Sơ đồ điện tử nói chung	0	0	0	0	1	0
129	H04	Kỹ thuật thông tin điện	0	0	0	0	0	0
130	H05	Các lĩnh vực kỹ thuật điện đặc biệt không được nêu trong các lớp khác	0	1	0	1	0	0
131	H99	Các vấn đề không được đề cập đến thuộc phần này [2006.01]	0	0	0	0	0	0

2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019		2020	
VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN	VN	NN
0	0	0	1	0	0	3	0	2	1	4	1	8	0	2	0
0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	0	2	0	3	2	0	1	2	0	10	0	6	0	2	0
3	2	1	0	1	0	1	0	3	4	7	0	8	2	1	2
0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
5	0	4	0	1	0	1	0	10	0	4	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	4	0	0	0
0	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	0	0
0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	0	2	0	0	1	6	1	4	0	13	0	30	0	15	2
0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	6	0	4	2
0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	3	0	2	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2	0
1	0	0	1	3	3	1	4	9	1	5	2	16	0	11	6
0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0
0	0	0	0	0	1	3	0	6	0	1	0	2	0	3	1
3	0	3	0	0	1	1	0	1	0	1	0	0	0	2	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2	2
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	1	1	2	5	4	2	2	4	1	4	8	3	8	3
0	1	0	0	0	1	2	0	5	3	7	2	8	4	4	4
0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	6	0	0	0
0	0	0	0	1	0	1	0	1	0	3	2	14	0	9	2
0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	5	1	4	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

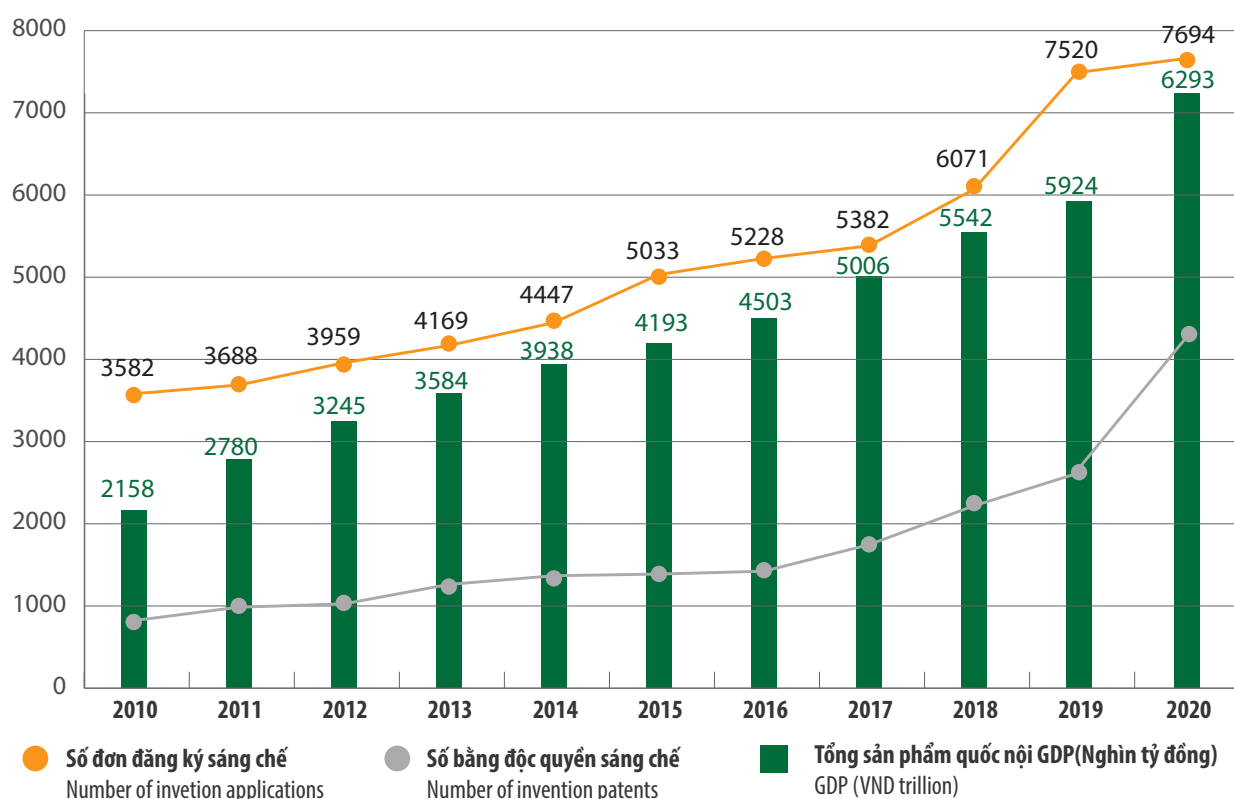


Mối tương quan giữa tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và số đơn, bằng độc quyền sáng chế giai đoạn 2010 – 2020
 / The correlation between GDP and invention applications/patents during 2010-2020

Năm / Year	Số đơn đăng ký sáng chế Number of invention applications	Số Bằng độc quyền sáng chế Number of invention patents	Tổng sản phẩm quốc nội GDP (Ngàn tỷ đồng) GDP (VND trillion)
2010	3582	822	2158
2011	3688	985	2780
2012	3959	1025	3245
2013	4169	1262	3584
2014	4447	1368	3938
2015	5033	1388	4193
2016	5228	1423	4503
2017	5382	1745	5006
2018	6071	2219	5542
2019	7520	2620	5924
2020	7694	4319	6293

(Nguồn GDP: Trích từ số liệu đăng trên trang web của Tổng cục Thống kê - <http://www.gso.gov.vn>)

(Source: statistics on the General Statistics Office's website - <http://www.gso.gov.vn>)



Mối tương quan giữa tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và số đơn, bằng độc quyền sáng chế giai đoạn 2010 – 2020
 The correlation between GDP and invention applications/patents during 2010 - 2020



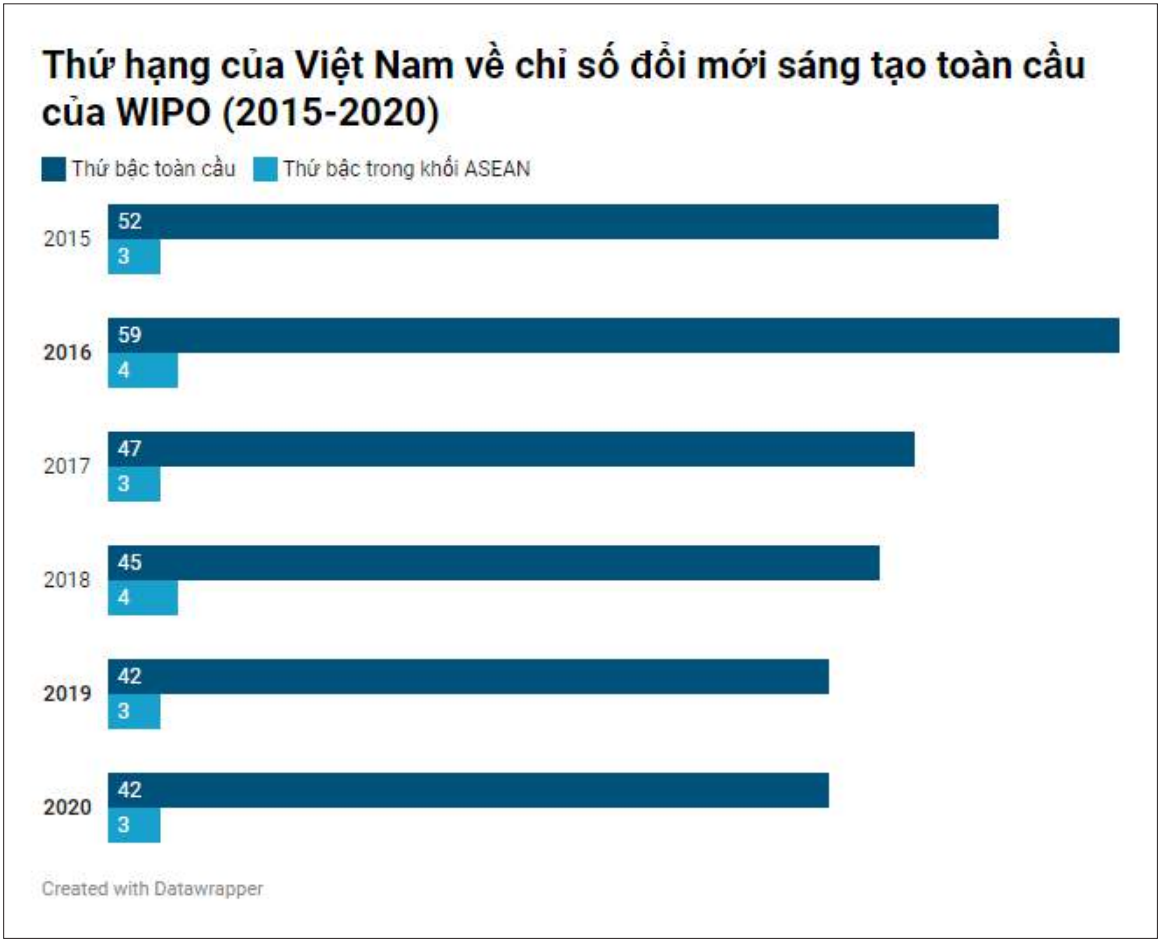
Thứ hạng của Việt Nam trong Báo cáo về Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu của WIPO trong những năm gần đây so với các quốc gia ASEAN

STT	Quốc gia ASEAN	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	VIETNAM	52	59	47	45	42	42
2	SINGAPORE	7	6	7	5	8	8
3	MALAYSIA	32	35	37	35	35	33
4	THAILAND	55	52	51	44	43	44
5	PHILIPPINES	83	74	73	73	54	50
6	INDONESIA	97	88	87	85	85	85
7	BRUNEI DARUSSALAM	N/A	N/A	71	67	71	71
8	CAMBODIA	91	95	101	98	98	110
9	MYANMAR	138	N/A	N/A	N/A	N/A	129
10	LAO PDR	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	113
11	PAPUA NEW GUINEA	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
12	TIMOR-LESTE	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
	Thứ bậc của Việt Nam trong ASEAN	3	4	3	4	3	3

Ghi chú:

* N/A: không có dữ liệu

Nguồn: Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (WIPO) 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.

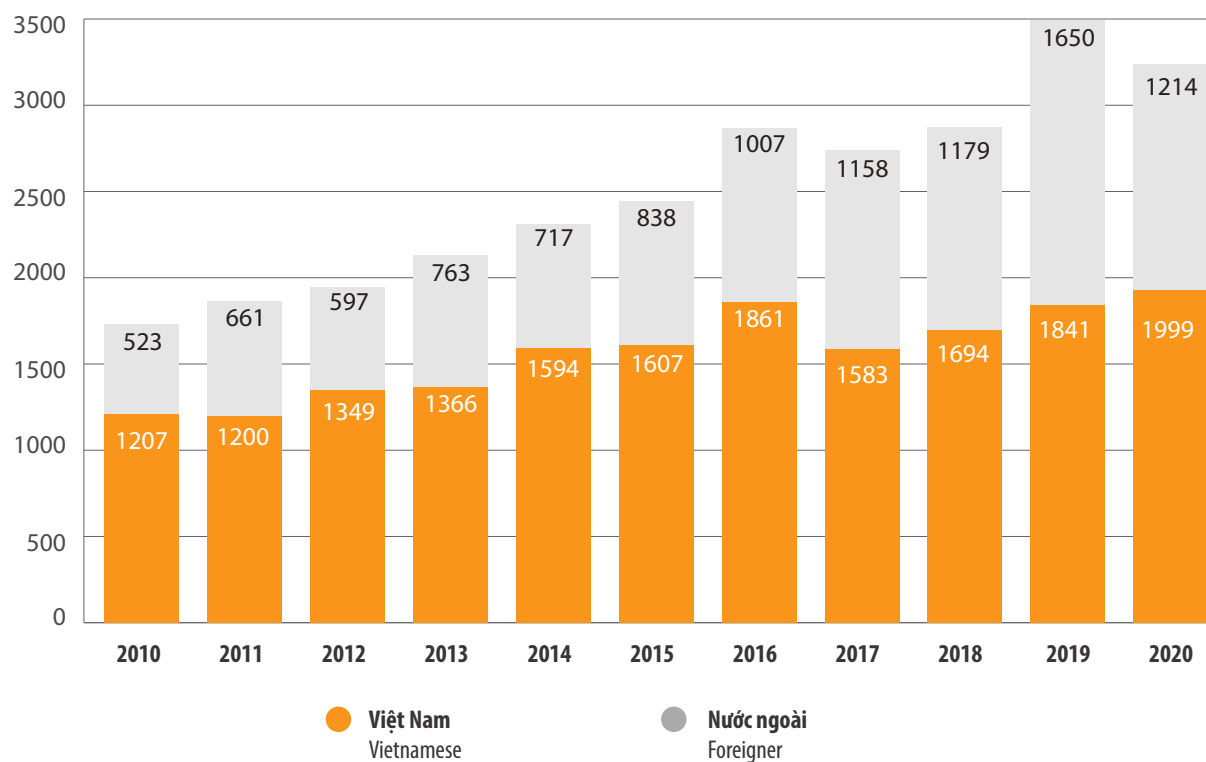


3. KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP/ INDUSTRIAL DESIGN

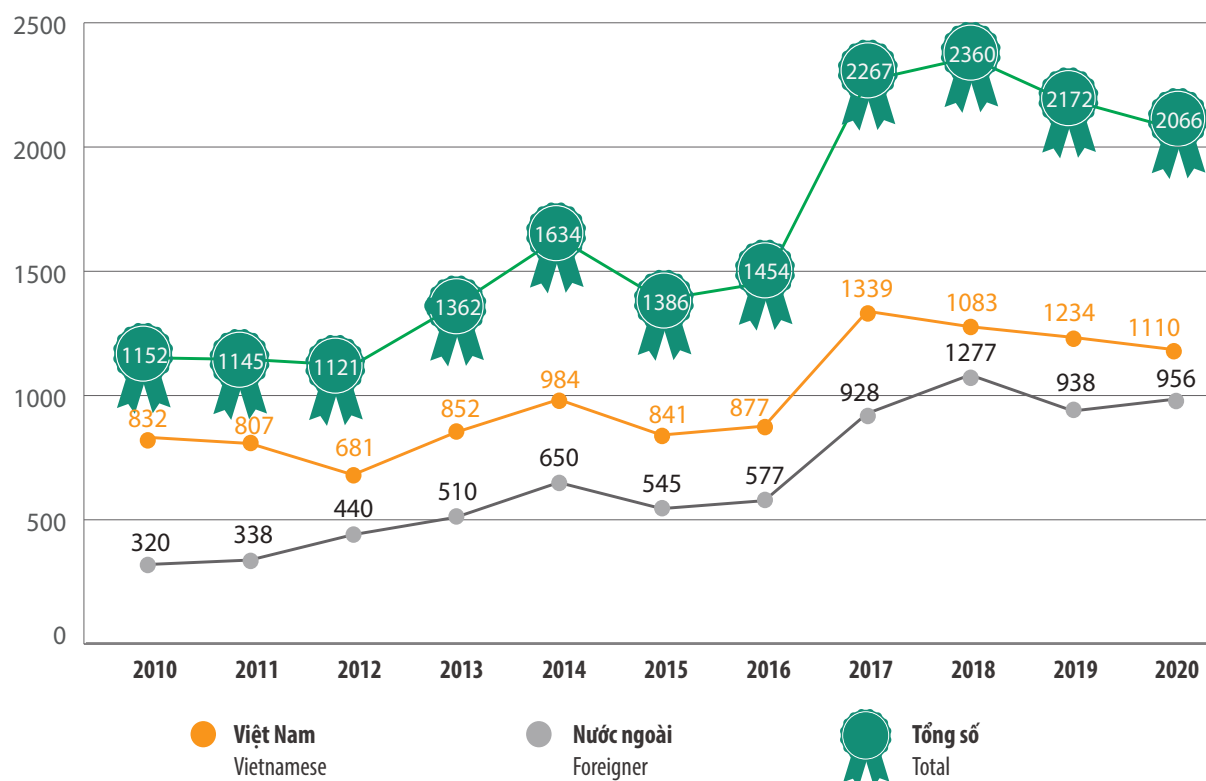
- Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp và bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp từ 1989 đến 2020

Industrial design applications filed and Industrial design patents granted from 1989 to 2020

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp Filed industrial design applications			Số lượng bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp Granted industrial design patents		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
1988 - 1989	58	8	66	14	0	14
1990	194	6	200	91	9	100
1991	420	2	422	219	5	224
1992	674	14	688	433	6	439
1993	896	50	946	528	21	549
1994	643	73	716	524	27	551
1995	1023	108	1131	626	85	711
1996	1516	131	1647	798	68	866
1997	999	157	1156	261	62	323
1998	931	126	1057	728	94	822
1999	899	137	1036	841	94	935
2000	1084	119	1203	526	119	645
2001	810	242	1052	333	43	376
2002	595	235	830	368	9	377
2003	447	233	680	359	109	468
2004	686	286	972	412	235	647
2005	889	446	1335	508	218	726
2006	1105	490	1595	678	497	1175
2007	1338	567	1905	896	474	1370
2008	1088	648	1736	908	429	1337
2009	1430	469	1899	747	489	1236
2010	1207	523	1730	832	320	1152
2011	1200	661	1861	807	338	1145
2012	1349	597	1946	681	440	1121
2013	1366	763	2129	852	510	1362
2014	1594	717	2311	984	650	1634
2015	1607	838	2445	841	545	1386
2016	1861	1007	2868	877	577	1454
2017	1583	1158	2741	1339	928	2267
2018	1694	1179	2873	1277	1083	2360
2019	1841	1650	3491	1234	938	2172
2020	1999	1214	3213	1110	956	2066
Tổng số Total	35026	14854	49880	21632	10378	32010



Số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp từ năm 2010 đến 2020 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Industrial design applications filed from 2010 to 2020 by the Vietnamese and the Foreigner

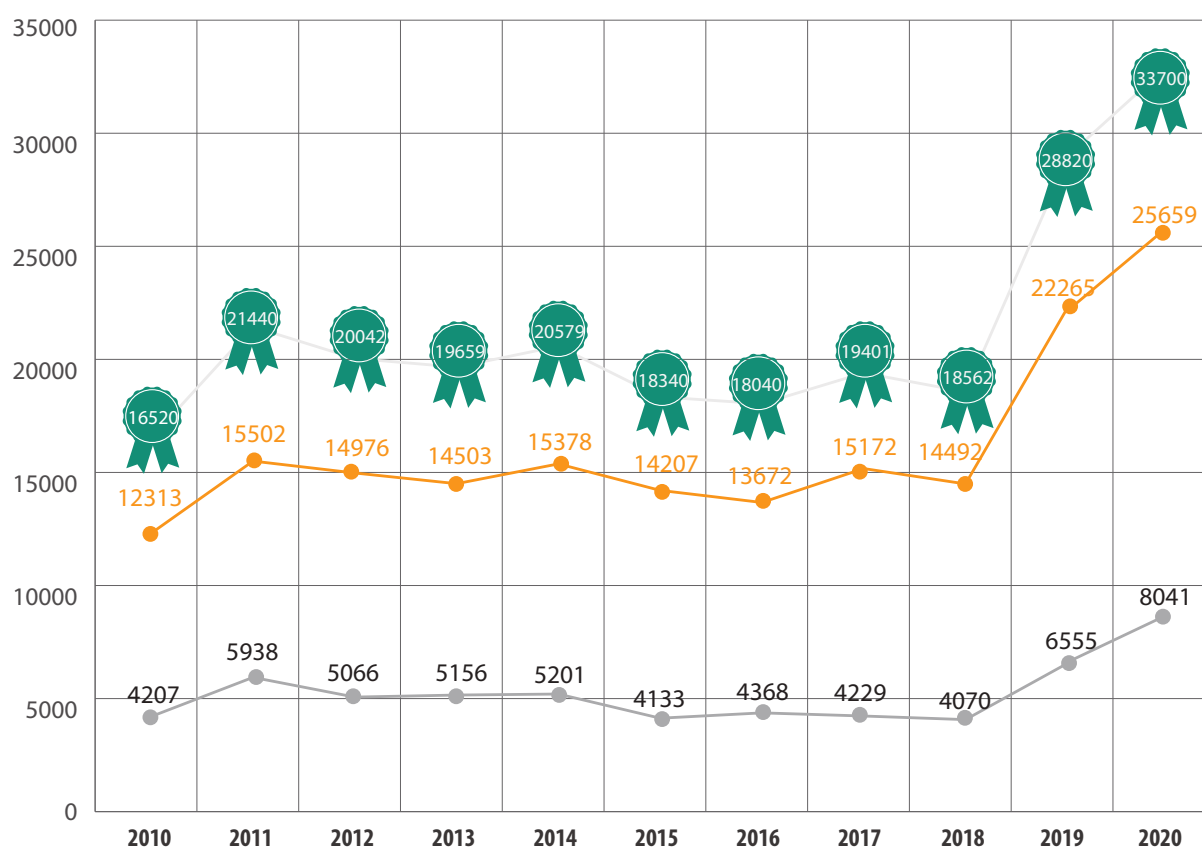
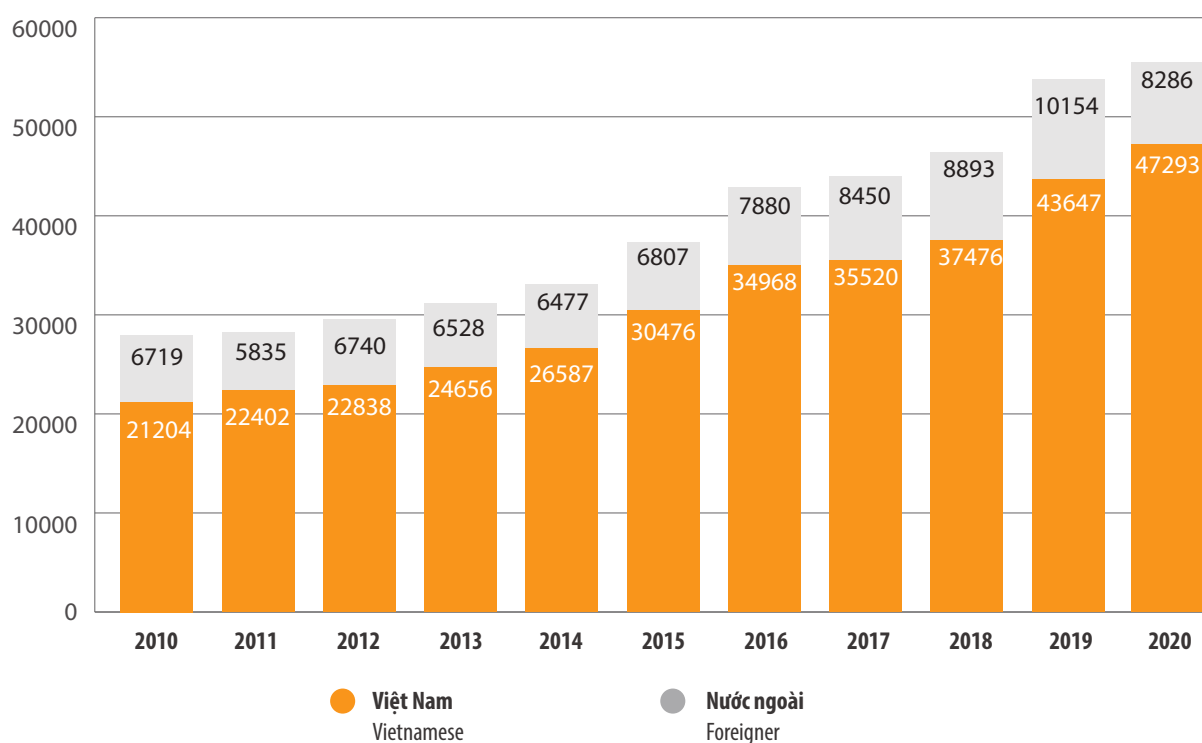


Số lượng bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp từ năm 2010 đến 2020 của chủ đơn Việt Nam và nước ngoài
Industrial design patents granted from 2010 to 2020 by the Vietnamese and the Foreigner

4. NHÃN HIỆU / TRADEMARK

- Đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp và giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp từ 1982 đến 2020
National trademark applications filed and Trademark certificates granted from 1982 to 2020

Năm / Year	Số đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp Filed national trademark application			Số giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp Granted trademark certificates		
	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total	Người nộp đơn Việt Nam by the Vietnamese	Người nộp đơn nước ngoài by the Foreigner	Tổng số Total
1982-1989	716	1005	1721	380	1170	1550
1990	890	592	1482	423	265	688
1991	1747	613	2360	1525	388	1913
1992	1595	3022	4617	1487	1821	3308
1993	2270	3866	6136	1395	2137	3532
1994	1419	2712	4131	1744	2342	4086
1995	2217	3416	5633	1627	2965	4592
1996	2323	3118	5441	1383	2548	3931
1997	1645	3165	4810	980	1506	2486
1998	1614	2028	3642	1095	2016	3111
1999	2380	1786	4166	1299	2499	3798
2000	3483	2399	5882	1423	1453	2876
2001	3095	3250	6345	2085	1554	3639
2002	6560	2258	8818	3386	1814	5200
2003	8599	3536	12135	4907	2243	7150
2004	10641	4275	14916	5444	2156	7600
2005	12884	5134	18018	6427	3333	9760
2006	16071	6987	23058	6335	2505	8840
2007	19653	7457	27110	10660	5200	15860
2008	20831	6882	27713	15826	7464	23290
2009	22378	6299	28677	16231	6499	22730
2010	21204	6719	27923	12313	4207	16520
2011	22402	5835	28237	15502	5938	21440
2012	22838	6740	29578	14976	5066	20042
2013	24656	6528	31184	14503	5156	19659
2014	26587	6477	33064	15378	5201	20579
2015	30476	6807	37283	14207	4133	18340
2016	34968	7880	42848	13672	4368	18040
2017	35520	8450	43970	15172	4229	19401
2018	37476	8893	46369	14492	4070	18562
2019	43647	10154	53801	22265	6555	28820
2020	47293	8286	55579	25659	8041	33700
Tổng cộng Total	490078	156569	646647	264201	110842	375043



- Đơn đăng ký nhãn hiệu theo nước xuất xứ (bao gồm đơn nộp trực tiếp cho Cục SHTT và đơn nộp thông qua Văn phòng quốc tế của WIPO), từ năm 2010 đến 2020 / Trademark applications by country of origin (including applications directly filed with IP Viet Nam and through WIPO International Bureau) from 2010 to 2020

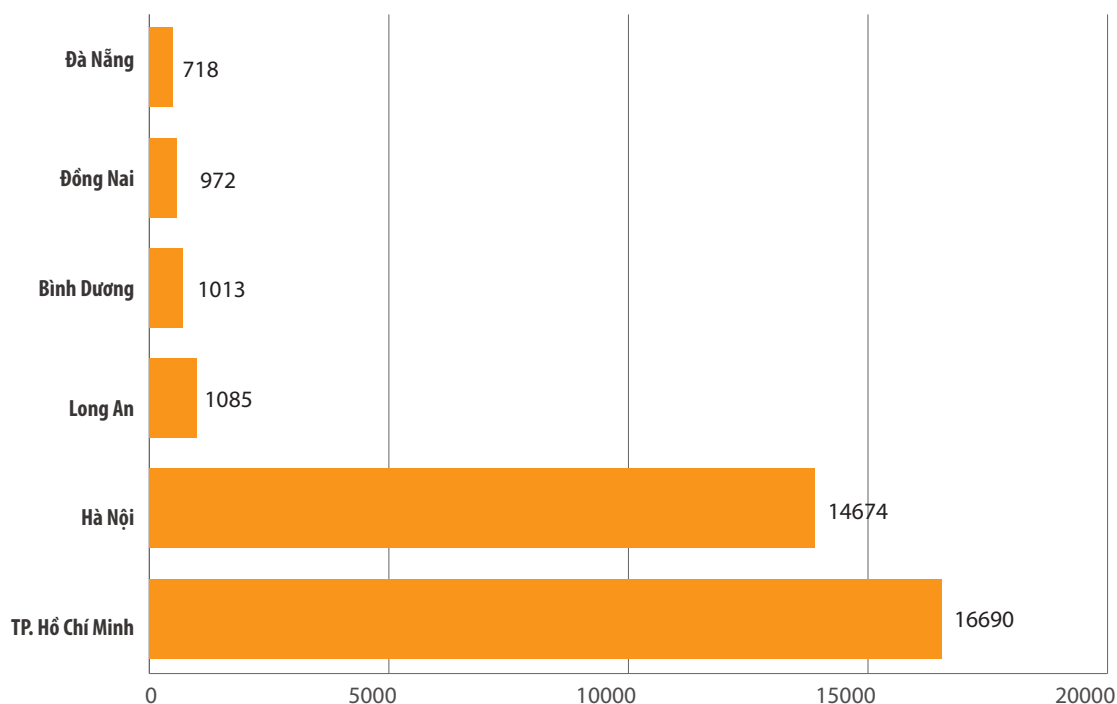
Nước/ Vùng lãnh thổ Country/Territory of origin	2010		2011		2012		2013		2014	
	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct applications	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications
Áo(AT) Austria	1	28	0	58	4	35	0	23	1	31
Ôxtrâyli(AU) Australia	84	61	71	95	63	65	100	134	76	88
Canada (CA) Canada	51	0	108	3	47	0	52	0	90	0
Thụy Sĩ (CH) Switzerland	76	299	105	408	119	296	107	393	114	267
Trung Quốc (CN) China	323	457	312	637	408	442	486	693	464	440
CH Séc (CZ) Czech Republic	4	15	4	37	1	10	6	19	1	14
CHLB Đức (DE) Germany	54	323	53	700	79	301	89	347	72	398
Đan Mạch (DK) Denmark	13	25	6	53	8	38	6	45	13	34
Tây Ban Nha (ES) Spain	18	47	24	104	29	65	17	28	27	37
Pháp (FR) France	120	369	79	554	129	397	146	388	131	365
Anh (GB) Great Britain	159	61	136	208	163	120	164	144	154	127
Ấn Độ (IN) India	870	0	362	0	453	0	252	5	310	29
Italia (IT) Italy	63	161	41	337	37	194	42	189	47	180
Nhật Bản (JP) Japan	622	227	720	381	937	363	955	466	910	385
Hàn Quốc (KR) Republic of Korea	1071	72	517	124	537	112	640	90	694	91
Malaysia (MY)	174	0	180	3	223	0	213	0	188	0
Hà Lan (NL) Netherlands	110	0	97	120	94	0	112	0	119	0
Thụy Điển (SE) Sweden	13	12	8	43	17	18	17	12	33	20
Singapo (SG) Singapore	379	56	268	127	327	60	283	60	249	57
LB Nga (RU) Russian Federation	12	57	7	109	8	98	12	120	12	90
Thái Lan (TH) Thailand	188	0	218	1	286	0	392	0	519	0
Mỹ (US) The United States of America	1235	344	1386	585	1692	490	1222	695	1175	538
Việt Nam (VN) Vietnam	21204	0	22402	0	22838	0	24656	0	26587	0
Các nước khác Other countries/territories	1179	1622	1133	570	1079	942	1215	910	1078	1023

2015		2016		2017		2018		2019		2020	
Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications	Đơn nộp trực tiếp Direct application	Đơn nộp gián tiếp Indirect applications
5	28	10	42	0	24	0	30	3	25	5	43
86	219	89	210	97	144	99	271	106	185	57	302
74	0	70	0	77	0	57	0	85	8	58	52
86	374	126	312	111	237	94	332	78	271	92	323
599	569	937	882	1107	817	1576	1719	2341	1520	1964	2385
3	21	1	45	5	6	4	29	15	12	1	23
65	417	61	453	133	331	82	459	49	281	55	353
6	56	6	48	11	16	11	42	17	35	6	53
26	78	46	79	16	79	17	75	41	41	33	53
152	464	82	473	94	391	79	611	48	299	70	347
133	231	187	134	165	133	149	173	115	136	118	199
284	19	225	16	116	0	180	37	139	37	146	56
30	232	67	230	42	153	55	296	61	173	49	209
742	581	911	581	1266	514	1023	954	1061	652	738	949
854	245	1028	294	1161	262	1546	511	1913	386	1349	689
158	0	296	0	231	0	228	0	254	0	150	31
149	0	78	0	66	0	56	0	47	0	64	0
21	15	14	8	19	9	16	18	15	11	7	7
295	158	411	159	9	149	368	242	460	233	365	257
15	128	13	91	459	172	39	206	38	133	23	164
431	0	462	0	400	0	375	42	433	42	328	66
1258	942	1201	862	1321	688	1248	971	1251	770	1285	1095
30476	0	34968	0	35520	0	37476	0	43647	0	47293	0
1322	1596	1559	1385	1544	0	1591	1764	1642	1062	1323	1595



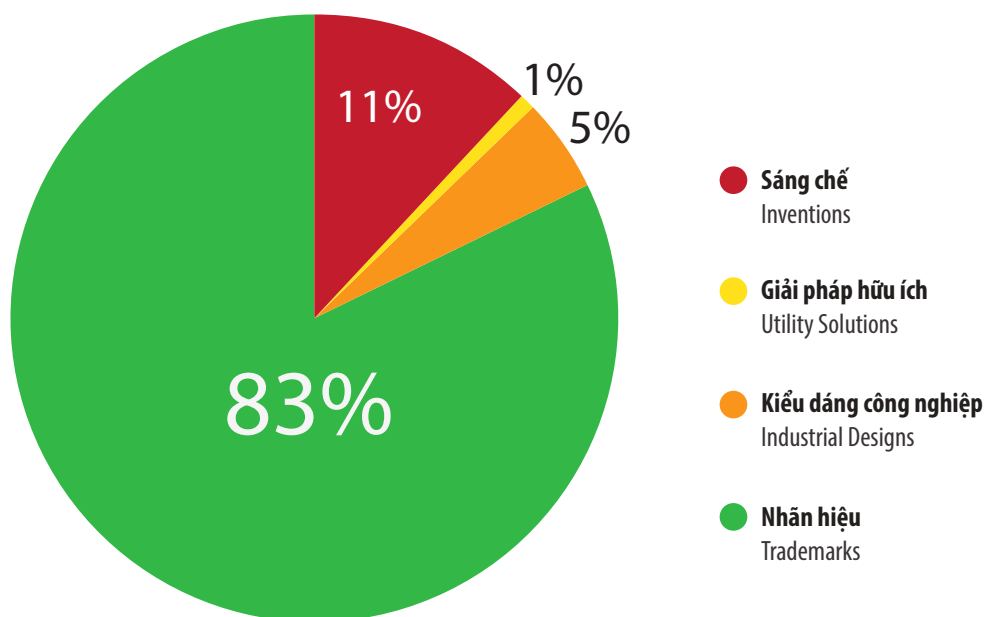
• **Đơn đăng ký nhãn hiệu nộp trực tiếp cho Cục SHTT theo nhóm hàng hoá/dịch vụ từ 2004 đến 2020 /**
Trademark applications directly filed with IP Viet Nam by class of goods/services from 2004 to 2020

Nhóm hàng hoá/ dịch vụ Class of goods/ services	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
01	356	397	485	706	742	804	744	907	1058	955	1178	1276	1436	1472	1384	1561	1676
02	321	405	351	465	382	486	365	521	507	604	697	625	1213	1209	1126	1237	1268
03	836	921	1078	1301	1320	1523	1634	1654	1988	2145	2436	2916	3236	3910	4245	4575	4635
04	87	108	100	182	200	184	228	276	244	293	307	357	568	429	427	478	514
05	4169	5756	7759	9157	10119	9601	8302	6934	7177	6944	7333	6317	7337	6523	6796	7568	9346
06	346	353	440	558	586	602	758	787	883	810	856	946	1157	1086	1141	1397	1177
07	452	479	565	1	650	693	792	886	927	965	953	1102	1288	1324	1332	1525	1402
08	103	79	106	166	154	172	178	201	236	275	281	307	368	373	455	452	482
09	1060	1193	1457	1797	1702	1645	1663	1857	1839	1956	2054	2274	2525	2771	3280	4130	4054
10	126	142	174	233	218	251	242	315	363	435	430	426	660	608	681	897	1977
11	587	664	775	829	810	1040	1012	1162	1096	1280	1284	1601	2246	2017	2097	2357	2400
12	584	650	746	817	673	553	510	529	647	706	712	805	850	947	878	942	897
13	7	2	13	15	11	20	17	24	34	14	21	27	37	25	34	33	31
14	112	131	236	223	268	212	266	293	359	345	537	444	467	489	590	602	543
15	20	12	7	20	14	22	23	24	53	32	41	38	57	61	71	69	73
16	435	452	645	733	748	775	836	860	871	930	977	963	1101	991	1089	1260	1355
17	101	126	183	206	184	195	244	250	268	301	290	348	405	370	384	419	440
18	175	266	332	397	405	379	378	528	537	591	552	748	800	818	962	1161	1036
19	415	565	572	676	741	762	821	868	791	681	753	899	1241	1358	1315	1488	1253
20	312	333	453	515	537	591	601	658	699	645	643	757	884	840	917	1164	1214
21	242	279	329	363	341	424	431	462	578	619	563	689	758	817	836	981	1081
22	33	37	30	46	49	49	73	141	87	88	116	108	136	119	152	162	159
23	37	31	41	46	37	42	33	64	71	61	65	71	122	77	108	89	71
24	131	155	199	222	218	295	270	353	417	340	381	420	483	383	484	540	562
25	697	895	1094	1269	1223	1304	1427	1575	1800	1955	2020	2430	2713	2519	2714	3329	3658
26	39	58	67	75	91	71	86	106	124	130	91	139	163	156	153	154	159
27	30	24	27	38	33	58	44	76	83	77	85	85	135	165	152	173	166
28	158	192	231	203	270	229	314	357	437	394	489	450	583	586	664	756	819
29	622	650	1013	1047	878	1061	1092	1156	1419	1648	1688	2132	2356	2444	2795	3399	3540
30	1263	1504	1536	1698	1446	1874	1759	1973	2337	2760	2759	3262	3743	3725	4056	4769	4686
31	514	370	381	428	441	475	486	645	648	837	895	1005	1298	1202	1472	1612	1944
32	590	714	772	847	775	803	816	834	849	984	969	1091	1417	1495	1546	1950	1934
33	256	252	321	387	471	411	413	424	569	625	477	602	545	563	683	744	558
34	147	118	128	158	168	108	106	154	185	205	312	398	442	642	581	839	832
35	2035	2262	3085	3945	4292	4595	4940	5530	5377	5698	6225	8271	9736	10114	11386	13313	13656
36	308	393	781	1391	1317	1163	1326	1428	956	894	791	1084	1494	1777	2231	2801	2436
37	462	507	768	1128	1254	1138	1538	1544	1211	979	921	1181	1423	1582	1630	2243	2092
38	91	163	248	356	417	332	327	437	470	323	310	395	447	521	603	634	657
39	386	502	623	975	979	934	1109	1271	1146	921	1054	1172	1545	1462	1579	2062	1582
40	167	227	309	397	404	468	511	532	628	484	504	477	689	657	616	704	740
41	407	572	832	1187	1353	0	1398	1600	1580	1651	1655	1892	2468	2838	3016	3815	3370
42	448	570	753	983	1089	0	1110	1216	1211	973	973	1182	1505	1673	1981	2678	2562
43	468	609	893	1307	1281	0	1467	1662	1768	1925	2217	2623	3469	3889	4290	5220	4501
44	135	212	334	449	476	0	567	690	714	797	806	979	1397	1640	1964	2382	2087
45	42	49	85	221	278	0	261	306	352	321	317	382	494	485	619	677	694



Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu nộp nhiều nhất năm 2020

Five top trademark applications by Vietnam's provinces/cities in 2020



Tỷ lệ các loại đơn đăng ký SHCN nộp trực tiếp năm 2020

Direct applications broken down by subject matters in 2020



5. CHỈ DẪN ĐỊA LÝ / GEOGRAPHICAL INDICATION

- Đơn đăng ký và giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý nộp vào Cục SHTT từ 2001 đến 2020

Geographical indication applications filed with IP Viet Nam and certificates granted from 2001 to 2020

Năm / Year	Người Việt Nam by the Vietnamese		Người nước ngoài by the foreigner		Tổng số Total	
	Đơn Applications	Giấy chứng nhận Certificates	Đơn Applications	Giấy chứng nhận Certificates	Đơn Applications	Giấy chứng nhận Certificates
2001	2	2	1	0	3	2
2002	2	0	0	1	2	1
2003	12	0	0	0	12	0
2004	3	0	0	0	3	0
2005	2	1	0	0	2	1
2006	4	2	1	0	5	2
2007	3	6	1	1	4	7
2008	7	2	1	0	8	2
2009	6	2	0	0	6	2
2010	7	6	0	1	7	7
2011	4	5	1	0	5	5
2012	7	5	0	0	7	5
2013	3	6	1	0	4	6
2014	2	5	0	1	2	6
2015	4	1	3	0	7	1
2016	9	5	0	2	9	7
2017	7	6	2	0	9	6
2018	5	9	1	0	6	9
2019	11	10	3	0	14	10
2020	22	21	0	1	22	22
Tổng số / Total	122	94	15	7	137	101

6. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP / TRANSFER OF INDUSTRIAL PROPERTY RIGHTS

- Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo chủ thể

Licensing contracts by holders

Năm/Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN Number of requests for registration of licensing contracts				Số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered licensing contracts			
	Các bên ký kết / Contracting party				Các bên ký kết / Contracting party			
	VN-VN	VN-NN	NN-NN	Tổng số / Total	VN-VN	VN-NN	NN-NN	Tổng số / Total
2003	84 (114)	75 (247)	9 (14)	167 (375)	34 (45)	60 (232)	5 (5)	99 (272)
2004	160 (215)	62 (160)	20 (92)	242 (467)	157 (222)	66 (139)	15 (84)	238 (445)
2005				177				353
2006	77 (133)	60 (211)	9 (109)	146 (453)	77 (141)	55 (373)	4 (5)	135 (519)
2007	61 (87)	65 (268)	27 (867)	153 (1222)	53 (72)	70 (300)	12 (818)	135 (1190)
2008	132 (267)	77 (441)	20 (45)	230 (723)	132 (260)	76 (477)	33 (103)	241 (840)
2009	66 (96)	59 (255)	27 (144)	152 (495)	74 (98)	65 (387)	24 (146)	163 (622)
2010	69 (169)	66 (475)	19 (99)	154 (743)	69 (147)	60 (399)	16 (71)	145 (617)
2011	84 (102)	56 (205)	30 (193)	170 (500)	64 (73)	54 (281)	25 (156)	143 (510)
2012	136 (309)	60 (320)	16 (148)	212 (777)	89 (198)	45 (169)	8 (208)	142 (575)
2013	90 (146)	93 (369)	21 (122)	204 (637)	109 (152)	46 (144)	9 (45)	164 (341)
2014	110 (257)	73 (455)	24 (104)	206 (816)	90 (188)	104 (461)	22 (166)	216 (815)
2015	135 (315)	92 (714)	28 (400)	255 (1429)	95 (251)	85 (612)	23 (106)	203 (969)
2016	112 (200)	89 (361)	14 (84)	215 (645)	118 (240)	89 (455)	18 (362)	225 (1057)
2017	150 (292)	75 (283)	14 (35)	239 (610)	107 (191)	61 (337)	10 (59)	178 (587)
2018	157 (221)	53 (162)	11 (30)	221 (413)	150 (287)	75 (226)	14 (17)	239 (530)
2019	122 (204)	50 (134)	26 (79)	198 (417)	177 (261)	41 (98)	10 (31)	228 (390)
2020	88 (122)	38 (246)	11 (69)	137 (437)	74 (140)	49 (150)	25 (91)	148 (381)

VN-VN: Chuyển giao giữa người Việt Nam-người Việt Nam
Licensing contract between the Vietnamese and the Vietnamese

VN-NN: Chuyển giao giữa người Việt Nam-người nước ngoài
Licensing contract between the Vietnamese and the foreigner

NN-NN: Chuyển giao giữa người nước ngoài-người nước ngoài
Licensing contract between the foreigner and the foreigner

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển giao quyền sử dụng)
(Figures in blanket are the numbers of licensed subject matters)



• **Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng / Licensing contracts by subject matters**

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng SHCN Number of requests for registration of licensing contracts by subject matters				Số lượng hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng theo đối tượng đã được đăng ký Number of registered licensing contracts by subject matters			
	Các đối tượng / subject matters				Các đối tượng / subject matters			
	SC/GPHI Invention/ utility solution	KDCN Industrial design	NH Trademark	Tổng số Total	SC/GPHI Invention/ utility solution	KDCN Industrial design	NH Trademark	Tổng số Total
2003	1 (1)	3 (3)	163 (371)	167 (375)	0	4 (8)	86 (259)	90 (267)
2004	1 (10)	9 (15)	232 (442)	242 (467)	1 (10)	6 (11)	227 (429)	234 (450)
2005	2 (2)	5 (7)	135 (605)	142 (614)	1 (1)	8 (10)	169 (584)	178 (595)
2006	0	4 (9)	142 (444)	146 (453)	0	2 (3)	134 (516)	136 (519)
2007	0	3 (3)	150 (1219)	153 (1222)	0	6 (11)	129 (1179)	135 (1190)
2008	3 (16)	5 (51)	221 (642)	229 (709)	3 (16)	2 (8)	237 (830)	242 (854)
2009	3 (3)	0	160 (619)	163 (622)	2 (2)	0	150 (493)	152 (495)
2010	3 (4)	2 (4)	149 (735)	154 (743)	2 (3)	3 (7)	140 (607)	145 (617)
2011	5 (5)	0	165 (495)	170 (500)	4 (4)	1 (2)	138 (504)	143 (510)
2012	1 (1)	1 (1)	210 (775)	212 (777)	1 (1)	1 (1)	139 (573)	142 (575)
2013	8 (28)	1 (1)	195 (608)	204 (637)	4 (4)	1 (1)	159 (336)	164 (341)
2014	2 (4)	3 (4)	201 (808)	206 (816)	5 (18)	1 (1)	210 (796)	216 (815)
2015	1 (1)	5 (14)	249 (1414)	255 (1429)	3 (8)	6 (27)	194 (934)	203 (969)
2016	10 (13)	16 (16)	189 (616)	215 (645)	6 (6)	18 (18)	201 (1033)	225 (1057)
2017	3 (3)	2 (2)	234 (605)	239 (610)	3 (6)	0	175 (581)	178 (587)
2018	3 (3)	2 (11)	216 (399)	221 (413)	5 (5)	3 (3)	231 (522)	239 (530)
2019	7 (11)	4 (15)	187 (391)	198 (417)	3 (4)	1 (2)	224 (384)	228 (390)
2020	8 (16)	1 (1)	128 (420)	137 (437)	8 (13)	3 (13)	137 (355)	148 (381)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển giao quyền sử dụng)
(Figures in blanket are the numbers of licensed subject matters)

• **Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu theo chủ thể / Assignment contracts by holders**

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN Number of requests for registration of assignment contracts				Số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered assignment contracts			
	Các bên ký kết/ Contracting party				Các bên ký kết/ Contracting party			
	VN-VN Vietnamese- Vietnamese	VN-NN Vietnamese- Foreigner	NN-NN Foreigner- Foreigner	Tổng số Total	VN-VN Vietnamese- Vietnamese	VN-NN Vietnamese- Foreigner	NN-NN Foreigner- Foreigner	Tổng số Total
2007	287 (826)	29 (87)	208 (522)	524 (1435)	237 (670)	18 (38)	199 (461)	454 (1169)
2008	315 (751)	27 (52)	229 (574)	571 (1377)	270 (609)	36 (111)	232 (589)	538 (1309)
2009	370 (866)	50 (185)	288 (752)	708 (1803)	604 (1714)	24 (44)	20 (43)	648 (1801)
2010	369 (790)	67 (169)	214 (590)	650 (1549)	304 (696)	69 (214)	203 (505)	576 (1415)
2011	456 (958)	29 (141)	225 (848)	710 (1947)	325 (693)	37 (153)	179 (820)	541 (1666)
2012	477 (1156)	57 (288)	258 (899)	792 (2343)	357 (700)	31 (87)	206 (908)	594 (1695)
2013	513 (1214)	57 (169)	294 (690)	864 (2073)	423 (912)	60 (189)	220 (558)	703 (1659)
2014	540 (1123)	48 (172)	348 (806)	935 (2101)	456 (1116)	53 (303)	334 (802)	843 (2221)
2015	648 (1723)	51 (110)	352 (903)	1051 (2736)	492 (1413)	49 (174)	307 (827)	848 (2414)
2016	720 (1712)	43 (88)	359 (1087)	1122 (2887)	614 (1192)	46 (86)	334 (885)	994 (2163)
2017	761 (1540)	58 (129)	361 (914)	1180 (2583)	630 (1663)	46 (97)	339 (961)	1015 (2721)
2018	781 (1604)	69 (529)	398 (1231)	1248 (3364)	633 (1156)	50 (136)	267 (614)	950 (1906)
2019	901 (1908)	47 (104)	394 (958)	1342 (2970)	746 (1426)	54 (107)	376 (959)	1176 (2492)
2020	844 (1587)	59 (101)	337 (806)	1240 (2494)	725 (1492)	54 (467)	264 (705)	1043 (2664)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển nhượng quyền sở hữu)
(Figures in bracket are the numbers of assigned subject matters)



• **Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu theo đối tượng / Assignment contracts by subject matters**

Năm / Year	Số lượng đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN Number of requests for registration of assignment contracts				Số lượng hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu đối tượng SHCN đã được đăng ký Number of registered assignment contracts			
	Các bên ký kết/ Contracting party				Các bên ký kết/ Contracting party			
	SC/GPHI Invention/ utility solution	KDCN Industrial design	NH Trademark	Tổng số Total	SC/GPHI Invention/ utility solution	KDCN Industrial design	NH Trademark	Tổng số Total
2007	15 (16)	16 (90)	493 (1329)	524 (1435)	22 (25)	9 (55)	423 (1089)	454 (1169)
2008	31 (56)	16 (21)	524 (1300)	571 (1377)	28 (53)	15 (44)	495 (1212)	538 (1309)
2009	23 (50)	23 (46)	602 (1813)	648 (1909)	20 (43)	24 (44)	604 (1714)	648 (1801)
2010	28 (43)	22 (39)	600 (1467)	649 (1549)	25 (42)	19 (37)	532 (1336)	576 (1415)
2011	29 (52)	25 (78)	656 (1817)	710 (1947)	18 (23)	21 (56)	502 (1587)	541 (1666)
2012	43 (81)	15 (53)	734 (2209)	792 (2343)	28 (51)	16 (35)	550 (1609)	594 (1695)
2013	58 (85)	22 (45)	784 (1943)	864 (2073)	42 (77)	22 (82)	639 (1500)	703 (1659)
2014	59 (94)	17 (42)	859 (1965)	935 (2101)	67 (102)	10 (26)	766 (2093)	843 (2221)
2015	55 (123)	24 (48)	972 (2565)	1051 (2736)	45 (97)	22 (47)	781 (2270)	848 (2414)
2016	74 (216)	39 (64)	1009 (2607)	1122 (2887)	53 (95)	18 (40)	923 (2028)	994 (2163)
2017	63 (119)	32 (73)	1085 (2391)	1180 (2583)	71 (224)	41 (86)	903 (2411)	1015 (2721)
2018	74 (177)	46 (112)	1128 (3075)	1248 (3364)	47 (77)	27 (45)	876 (1784)	950 (1906)
2019	99 (222)	42 (113)	1201 (2635)	1342 (2970)	103 (214)	49 (112)	1024 (2635)	1176 (2492)
2020	60 (80)	19 (35)	1161 (2379)	1240 (2494)	48 (112)	32 (138)	963 (2414)	1043 (2664)

(Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng SHCN được chuyển nhượng quyền sở hữu)
(Figures in bracket are the numbers of assigned subject matters)

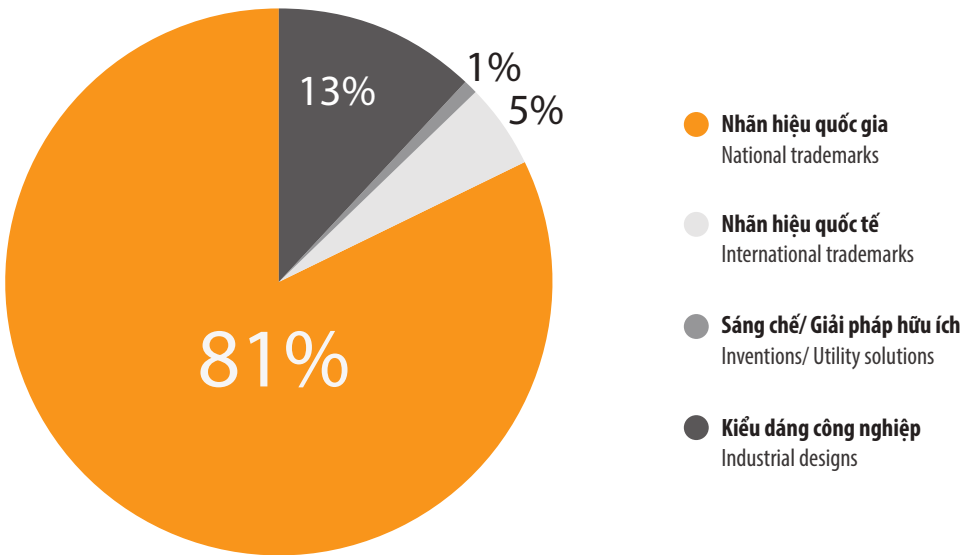
7. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP / SETTLEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY APPEALS

• Đơn khiếu nại liên quan đến quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ (*)

Appeals request against decisions on refusal of protection of IP applications

IP Subject matter	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
SC & GPHI Invention and Utility Solution	2		11	7	10	15	16	22	43	36	47	48	34	32	48	48	26
KDCN Industrial Design	32	7	12	10	3	13	11	11	22	17	23	19	29	19	42	05	31
NH Trademark	395	428	367	363	409	882	884	1172	1288	1311	1292	1261	1060	1267	673	792	1287
Tổng số / Total	429	435	390	380	422	910	911	1205	1353	1364	1362	1328	1123	1318	763	845	1344

(*) Chỉ tính số liệu đơn khiếu nại nộp tại Cục SHTT
The number of requests filed with IP Viet Nam only



Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại năm 2020
Appeal requests settled in 2020 by subject matters





IP VIETNAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
HOẠT ĐỘNG
SỞ HỮU TRÍ TUỆ
2020
INTELLECTUAL PROPERTY ACTIVITIES
ANNUAL REPORT



<http://www.ipvietnam.gov.vn/>

ISBN:978-604-326-609-2



9 786043 266092

SÁCH KHÔNG BÁN